

THÀNH LĨNH KINH VIỆT

# KHUÔN MẶT QUANG NGÀI

— 1764 - 1916 —

LÊ VĂN DUYỆT  
TRƯƠNG ĐĂNG QUẾ  
TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH  
LÊ TRUNG ĐÌNH  
NGUYỄN SỤY

1978

MIẾM



PHẠM TRUNG-VIỆT

KHUÔN MẶT  
QUẢNG NGÃI

— 1764 - 1916 —

LÊ VĂN DUYỆT  
TRƯƠNG ĐĂNG QUẾ  
TRƯƠNG CÔNG ĐÌNH  
LÊ TRUNG ĐÌNH  
NGUYỄN SỰ

1978

NAM QUANG

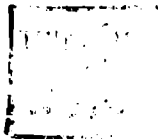


PHẠM - TRUNG - VIỆT

# Khuôn mặt Quảng-Ngãi

(1764 - 1916)

LÊ-VĂN-DUYỆT — TRƯƠNG-ĐĂNG-QUẾ  
TRƯƠNG-CÔNG-ĐÌNH — LÊ-TRUNG-ĐÌNH — NGUYỄN-SUY



339

THƯ VIỆN T. QUẢNG-NGÃI

ĐỊA CHỈ 233

1973



## CÙNG MỘT TÁC GIẢ

### Đã xuất bản :

- Non nước xứ Quảng  
(*biên khảo*)
- Tâm sự người cha I, II  
(*tùy bút — thư*)
- Non nước xứ Quảng tân biên  
(*biên khảo*)
- Khuôn mặt Quảng-Ngãi  
(*biên khảo*)

### Sắp xuất bản :

- Nhịp trời  
(*Nhật ký — tùy bút thư*)
- Hành trình  
(*nhật ký*)
- Giai thoại và thi ca miền Ấn-Trà  
(*biên - khảo*)
- Chứng tích  
(*thơ*)



# Lời nói đầu

Cách đây hơn mười năm (1962), ngoài vài tác phẩm khác, tôi đã ấn hành "Non nước xứ Quảng", tập biên khảo toàn diện về Quảng-Ngãi.

Càng đi sâu vào lòng quê hương, tôi càng thấy tác phẩm của mình quá bé nhỏ, dù đã tái bản nhiều lần, tăng bổ hình ảnh, tài liệu mới nhưng vẫn không nói hết được cái vô cùng đa diện của một miền đất Quảng giữa non nước Việt-Nam.

Hơn nữa, hình ảnh thật của quê hương chỉ ngự chính trong lòng con người, ngoài sách vở. Hình ảnh, văn tự, ngôn ngữ, xét cho cùng cũng chỉ là phương tiện hữu hạn cần thiết để biểu tỏ.

Tuy nhiên,

Tất riêng gọi áng yên hà  
Ngàn năm phải lấy đây là chốn hơn

Mang tâm trạng của cụ Nghè Liên-Bạt Nguyễn - Thượng-Hiền qua hai câu thơ trên, giữ trọn tình yêu sông núi của thuở ban đầu, cộng vào đó cái nghiệp văn chương, tất cả những yếu tố trên đã thúc giục kẻ cầm bút tiếp tục cuộc hành trình tự nguyện.

Và, giữa những biến chuyển nhất thời, tôi đã cố đốt đuốc soi khắp nẻo đường quê hương đi tìm hình ảnh muôn thuở của miền Ấn-Trà.



Trên đoạn đường mới đã ngang qua, nhờ duyên may tôi đã bắt gặp được nhiều tài liệu, chứng tích xác thực về một vài khuôn mặt lớn của lịch sử gốc tích ở Quảng- Ngãi mà thân thế và sự nghiệp của họ xứng đáng tiêu biểu cho quê hương.

Tôi cũng nghĩ rằng: từ xưa nay những thắng lợi, công tích của một Quốc-Gia một nửa do tài danh sĩ, một nửa khác nhờ công đức các vị anh hùng. Danh nhân và anh hùng là tinh hoa của Đất Nước không phải riêng của một địa phương nào.

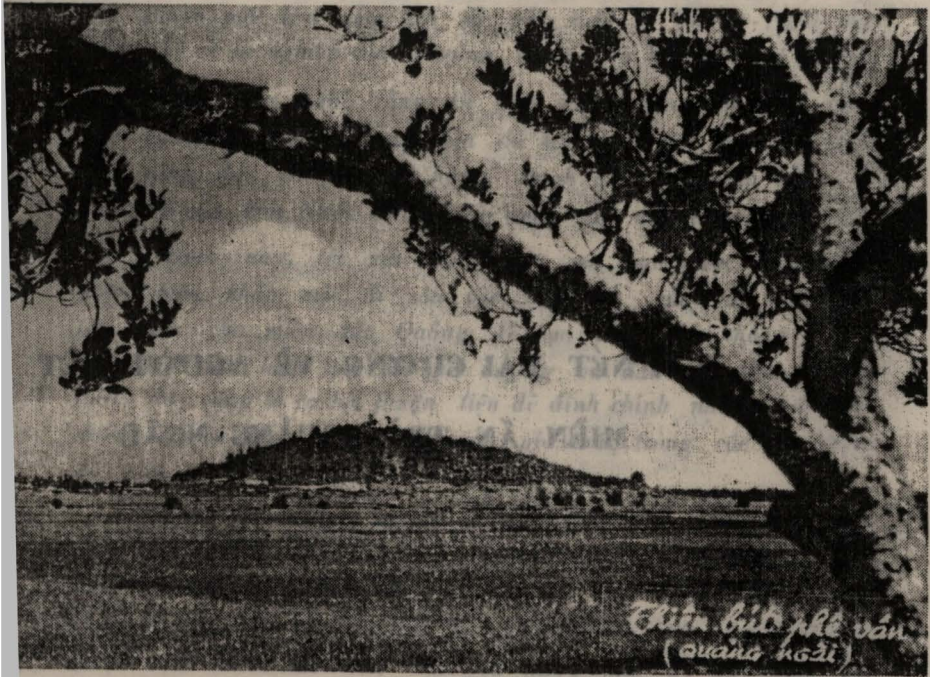
Hôm nay, tôi xin trình diện với bạn - đọc một công trình biên khảo mới, đi sâu vào cuộc đời của vài nhân vật tiêu biểu cho miền đất Quảng để tạo mối cảm thông chung trong việc tìm hiểu lịch sử quê hương và dân tộc Việt. Đồng thời, đây cũng là cơ hội thuận tiện để đính chính những sai lầm thiếu sót của chính tôi và các soạn giả khác trong các tác phẩm đã viết về Quảng-Ngãi từ trước đến nay.

Tâm niệm đơn sơ và chân thành của soạn giả: tập sách nhỏ bé này xin làm nên hương hoài niệm của người văn nghệ thành kính dâng lên anh linh các bậc Tiền nhân, những chiến sĩ hàng đầu của cao trào Nam tiến từ hơn 500 năm về trước đã đổ rất nhiều mồ hôi, máu và nước mắt để dày công tạo dựng cho Tổ-Quốc Việt-Nam, lưu lại cho cháu con một miền địa linh nhân kiệt như Quảng-Ngãi này.

**Xứ Quảng miền Ấn-Trà  
mùa xuân năm Quý-Sửu (1973)**

**PHẠM-TRUNG-VIỆT**

**VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ NGƯỜI VIỆT  
MIỀN ẤN-TRÀ (QUẢNG-NGÃI)**



Thắng cảnh Quảng-Ngãi: Thiên-Bút Phê-Vân.

## L.— GỐC TÍCH

Lịch sử đất Quảng-Ngãi dính liền với lịch sử của hai vùng Thuận-Quảng qua các thời kỳ, ghi dấu sự lập quốc của người Chiêm.

Năm 192 Sơ bình thứ 3, đời vua Hiến-Đế nhà Đông-Hán, chủng tộc Kalinga (Khu-Liên hay Khu-Lân) nổi dậy giết quan Huyện lệnh lập nên nước Lâm-Ấp, vua đầu tiên là CriMara, tự xưng Cam (Chàm) hoặc Chiêm-Bà (Champa), kinh đô ở Trà-Kiều (Quảng-Nam ngày nay).

Thuận-Quảng cũng là địa phận lưu chứng tích cuộc tranh giành đất đai giữa người Chiêm và người Việt, khởi đầu từ nhà tiền Lê, triều vua Lê-dại-Hành (982) kết thúc vào năm Chính-Hòa thứ 18 (1697) dưới triều vua Lê-Hy Tông. Quốc chúa Nguyễn-phúc-Chu với sự thành lập phủ Bình-Thuận, xóa hẳn nước Chiêm trên bản đồ sau hơn 15 thế kỷ lập quốc của vương quốc này.

Trải hơn 7 thế kỷ tranh giành với người Chiêm, suốt quá trình nam tiến, dân tộc Việt đã áp dụng nhiều chiến thuật : quân sự, chính trị, tình cảm và đặc biệt đã phát động nhiều đợt di dân quan trọng đưa người miền Bắc vào định cư từ Quảng-Bình, Nam-Ngãi đến Bình-Thuận.

Đời nhà Lý (1010-1227), kể từ Lý-nhân-Tông trở đi, nhà vua đã xuống chiếu mộ dân vào lập nghiệp tại châu Lâm-Bình, Minh-Linh (nam Quảng-Bình và bắc Quảng-Trị ngày nay).

Hưởng ứng Chiêu di dân, đa số dân từ miền Nghệ-An cùng một tộc họ đã vào thẳng chỗ đất thấp và phì nhiêu tại Lâm-Bình (huyện Lệ-Thủy và Quảng-Ninh) để Khai Khẩn đất đai.

Năm 1402, sau khi Hồ-hán-Thương đánh bại tướng Chế Sát-Nan, vua Chiêm Ba-dịch-Lại sai cậu là Bồ-Điền dâng Chiêm động. Hồ-quý-Ly bắt ép phải đổi tờ biểu, phía Chiêm phải nộp thêm cả Cồ-lũy động (bắc Quảng-Ngãi ngày-nay). Sau đó, họ Hồ chia Cồ-lũy động làm 2 châu: Tư và Nghĩa, hạ lệnh cho dân có của mà không có ruộng ở Nghệ-An, Thuận-Hóa đem vợ con vào ở tại hai châu nói trên (thích hai chữ tên châu mình trên cánh tay) lại sức người có trâu đem nộp thì cho phẩm tước để lấy trâu phát cho dân cày.

Năm 1467, trước khi thân chinh phạt Chiêm-Thành Vua Lê-Thánh-Tông đã chấp thuận 2 điểm của Tham-nghị Hóa-Châu Đặng Chiêm chủ trương tập trung dân xiêu giạt đến khai khẩn ruộng ở Bồ-Chính (Quảng-Bình). Niên hiệu Hồng-Dức (1469 — 1497) nhà Vua xuống chiếu rằng: «Bồ-Chính đất rộng, dân thưa liền với Châu Hoan, ai đến khẩn hoang sẽ được lợi lớn . . . »

Năm 1471 sau khi chiếm Chiêm-đô Trà-Bản (Bình-Dịnh) vua Lê-Thánh-Tông lo tổ chức lại việc cai trị các châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa từng lọt vào tay Chiêm-Thành từ hồi Minh thuộc.

Đời Hậu-Lê còn có những phần tử bất huộc phải di cư vào Nam, đó là những tội nhân bị kết án lưu đày. Năm Hồng-Dức thứ 5 (1474) vua Thánh-Tông sắc chỉ xử

tội lưu đi cận châu thì sung Vệ quân ở Thăng - Hoa, đi ngoại châu sung về quân ở Tư-Nghĩa, đi viễn châu sung về quân ở Hoài-Nhơn.

Ngoài ra những người tình nguyện hưởng ứng các đợt di dân do Triều đình tổ chức và khuyến khích, những tù nhân bị lưu hình còn có những người đi lẻ tẻ từng cá nhân, từng gia đình, từng nhóm. Thành phần này thường bất mãn với chế độ đương thời, thường những can phạm phải trốn tránh hoặc vì nghèo khổ muốn đi tìm chỗ làm ăn dễ dàng hơn hoặc có óc phiêu lưu mạo hiểm đi tìm sự may mắn hơn sang giàu, kiếm đất sống.

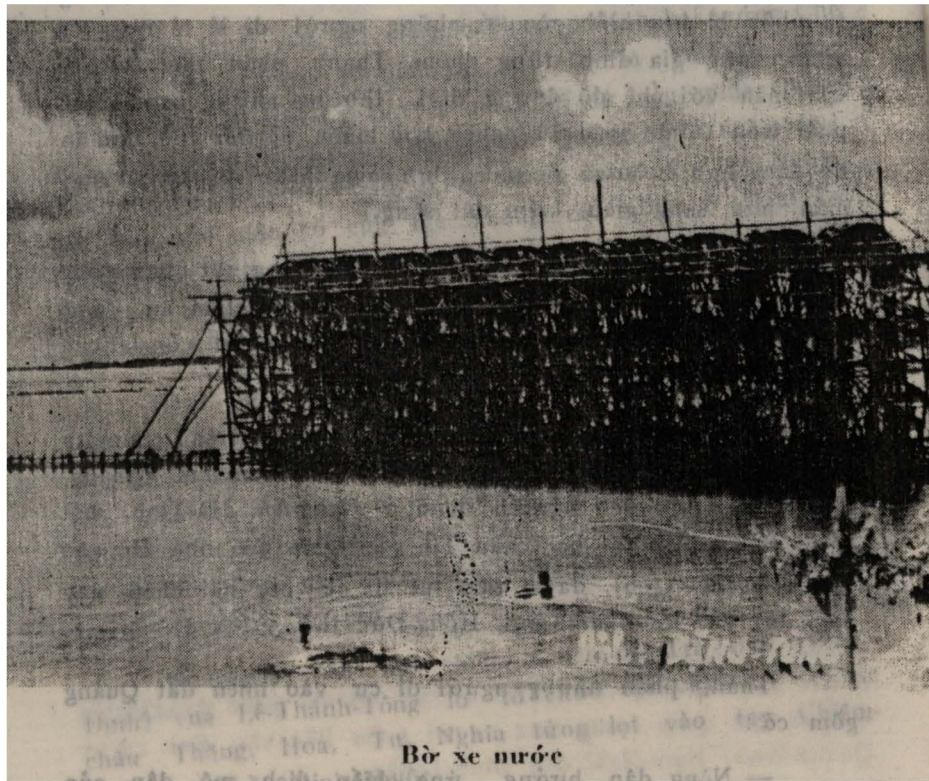
Cuộc di dân dưới đời vua Lê-thánh-Tông rất quan trọng vì có tính cách vĩnh viễn. Người dân yên ổn làm ăn, đa số người di cư trong thời kỳ này đến ở những đất còn lại của Chiêm-Thành và Thủy-chân-Lạp sau này.

Qua những sự kiện lịch sử dẫn chứng trên, chúng ta có thể biết được gốc tích người Việt miền Ấn-Trà (Quảng-Ngãi) phần lớn đều nguyên quán ở Nghệ-An, Hà-Tĩnh, một số ít lập nghiệp tại hai châu Tư và Nghĩa đời nhà Hồ vào khoảng (1402-1406), đa số tiếp tục di cư vào hai châu này vào đời vua Lê-thánh-Tông, Hồng-Đức thứ 5 (1474).

Thành phần những người di cư vào miền đất Quảng gồm có :

— Những dân hưởng ứng chiến dịch mộ dân của triều đình.

— Các tù nhân bị xử tội lưu đày



Bờ xe nước



— Những người có óc tiến thủ, phiêu lưu muốn thử thời vận.

— Những người làm quan dưới các triều đương thời, di chuyển vì công vụ mang theo cả vợ con.

## II.— HÌNH ẢNH CHUNG

Người Quảng-Ngãi có thân hình tầm thước nét mặt rắn rỏi, màu da bánh mật, giọng nói thô. Người sinh ở đồng quê nói giọng lơ lớ như người Thượng, tiếng ă thành e; con thằn lằn nói con thòng lêng, ăn cơm nói en cơm; chữ a pha thêm chữ o: ai làm nói thành ai loàn v.v... Tính cần cù, kiệm ước (Quảng-Ngãi dãi ra sạn), nhẫn nại, dảm dưng, ưa lý luận để tìm sự thật (Quảng-Ngãi hay co: đôi co, co cượng, lý sự) có tinh thần cách mạng, tranh đấu vì lý tưởng, cực đoan, quá khích.

Hình ảnh chung về người Việt miền Ấn-Trà từng được ghi nhận trong sách, báo:

Năm 1909, trong Đại Nam nhất thống chí, quyển 6, tỉnh Quảng-Ngãi các ông Cao-xuân-Dục, Lưu-đức-Xứng, Trần-Xán đã viết:

«Địa thế tuy hẹp mà khí mạch thì rất hậu cho nên đời nào cũng có sản xuất hạng danh thần, nhiều người trường thọ, nhiều sĩ phu đình ngộ, tuần tú khí tiết, hiểu học nổi tiếng khoa danh ...» (nguyên văn bằng chữ Hán, bản dịch của Cử-Nhân Tú-Trai, Nguyễn-Tạo, 1964)

Cụ Huỳnh-Thức-Kháng từng có nhận xét về Nam-Ngãi sau vụ kháng thuế ở Trung-Kỳ 1908: «Nghệ-Lĩnh và Nam-Ngãi từ phái Văn học đến phái Cần-vương nghĩa hội thường một mạch cảm thông với nhau . . . »

Năm 1967 trong tập biên khảo «NGƯỜI VIỆT ĐẤT VIỆT» hai ông Toan-Ánh và Cửu-Long-Giang đã ghi lại những nhận xét của Chân-Như về người Quảng-Ngãi :

«Người Bình-Định khéo, người Phan-Thiết thực, người Nha-Trang nhã, người Quảng-Ngãi lại đảm đang hơn tất cả:

«Trông những cái lọng che nắng rất đơn sơ, một khúc tre cắm dưới đất nghiêng theo chiều mặt trời, trên đầu năm ba lá đồng đình cài lên tấm vải đan bằng tre, những chỗ tát nước bằng gàu dưới nắng hè, ta phải phục tãi tháo vát của người dân Quảng-Ngãi. Ta sẽ vì đó mà không lấy làm lạ về những giường tát nước tự động to lớn nhất trong nước và cũng không lấy làm lạ về nét mặt rắn rỏi, màu da bánh mật, thân hình tầm thước của người dân Quảng-Ngãi. «nó bộc lộ một dũng cảm, một sức chịu đựng phi thường . . . » (Người Việt Đất Việt trang 400)

Trong tạp chí «Trước Mặt» cơ quan Văn hóa Xã-hội đầu tiên xuất bản tại Quảng-Ngãi, số 4 «Đặc biệt về Quảng-Ngãi» ông Phan-Nhự-Thức cũng đã nhận xét :

« . . . Điều kiện địa dư và lịch sử ảnh hưởng không ít tới tinh thần chiến đấu ấy. Dãy Trường-Sơn đã un đúc tinh thần người miền Trung và riêng tâm hồn người Quảng-Ngãi, trong hoàn cảnh khó khăn của đời sống, trong sự

cần cỏi của đất đai, từ sự tàn phá của chiến tranh đã đặt người Quảng-Ngãi ở cái thế phải phấn đấu . . . »

Tạp chí «Đời» số 79 ngày 29-4-1971 ông Thuận-Cần cũng đã viết về nhân vật Quảng-Ngãi :

«Cái tinh thần bất khuất trước uy vũ và kiên trì khắc phục khó khăn của người dân Quảng-Ngãi đã đóng góp cho lịch sử dân tộc một người anh hùng : Trương-Công-Định. Trong bài Văn tế Trương-Công-Định, Nguyễn-Đình-Chiều có hai câu tả đúng tâm trạng kẻ anh hùng :

«Vì nước tẩm thân đã nấy mắt còn cũng cam; giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào nại»

### III.— CÁI NHÌN VỀ CÁC NHÂN VẬT TIÊU BIỂU

Giữa các đợt sóng di dân vào bờ biển Nam-Ngãi đã có những con sóng thần tiêu biểu cho sức mạnh của cao trào Nam tiến. Trong hàng chục vạn người từ miền Bắc vào lập nghiệp sinh sống tại miền Nam, truyền lưu giòng giống từ lớp con cháu của đám người di dân đã từng xuất hiện nhiều nhân vật nổi tiếng trong mọi lãnh vực, mang đậm cá tính của người Việt miền Ấn-Trà, tiêu biểu cho Quảng-Ngãi.

Những nhân vật tiêu biểu chính là những người có lý tưởng, có sự nghiệp phục vụ đất nước và dân tộc, có đức tính gương mẫu, có niềm tin sâu rộng đối với sự trường tồn của giòng giống Việt.

Chúng ta chỉ nhận xét về các khía trên mà không quá chú trọng đến sự thành công hay thất bại của họ trên đường sự nghiệp để đánh giá vai trò của họ đối với lịch sử dân tộc.



Họ chỉ là một vài khuôn mặt tiêu biểu cho một số đông nhân vật khác, có những nét đặc biệt vươn lên trên người thường, đã góp phần công tích đối với dân tộc trong khoảng thời gian hơn một thế kỷ (1764—1916) hiện diện với tư cách chứng nhân quan trọng mà kẻ hậu thế có bổn phận phải tìm hiểu.

Viết về Quảng-Ngãi, trong Văn-Đàn số 42 ngày 22-8-1962, nhà văn Nguyễn-Ngu-Ý đã có ý kiến: « Xứ Quảng đây chỉ là tỉnh Quảng - Ngãi, cái tỉnh mà lắm người, lắm việc đã để những dấu sâu đậm trong lịch sử, văn chương nước nhà. . . »

Thật vậy, Quảng-Ngãi vốn là miền Thổ tích, nơi sinh trưởng của nhiều nhân vật đã và đang có mặt trong các giai đoạn lịch sử nước nhà. Khởi đầu bằng một nhân vật huyền sử: Vua Nam Chiếu xuất thân từ một gia đình chài lưới nghèo tại Trà-giang-thôn dưới chân núi Long-Đầu, nhờ long mạch phát Vương từng cử binh đánh đuổi quân nhà Đường khỏi đất Giao-Châu, kết thúc sự nghiệp bằng một thất bại bi hùng vì bị Cao-Biền dùng gươm «TRẮM LONG TRÀ KHÚC» chém lưng rỗng.

Từ huyền sử, dã sử, lần theo lịch sử, phần đất Quảng, miền Ấn-Trà chính là quê hương của các lương thần, danh tướng, các bậc chân tu, hiếu tử, các nhà văn học lỗi lạc, các chí sĩ cách mạng nổi tiếng trong nước.

Đi sâu vào gốc tích, dòng họ, thân thế, sự nghiệp của một số nhân vật tiêu biểu, chúng ta thử đưa ra một cái chi tiết:

### **1) Những nhân vật sinh trưởng từ miền khác nhưng đã xây dựng sự nghiệp tại Quảng-Ngãi**

Những người này lúc còn sống đã nhận Quảng-Ngãi làm quê hương, có người đã chết hiển Thánh (có lẽ đồng bào địa phương đã xây huyền thoại chung quanh cái chết của họ) Hiện con cháu họ đang tiếp tục sống tại xứ đường mía này đến nay trải hơn 14 đời như trường hợp Bùi-tá-Hán.

### **2) Những nhân vật chỉ có Tồ tích ở Quảng-Ngãi**

Đó là trường hợp của Lê-văn-Duyệt có Tồ 5 đời là Lê-văn-Lương, quán làng Bồ-Đề, huyện Mộ-Đức (nay thuộc quận Mộ-Đức) Lê-văn-Duyệt sinh trưởng tại Hòa-Khánh miền Nam nhưng lúc vinh hiển đến cực độ cũng đã nhận nguyên quán làng Bồ-Đề (Quảng-Ngãi)

### **3) Những nhân vật sinh trưởng tại địa phương, đến lúc trưởng thành mới vào Nam dựng nghiệp.**

Đó là trường hợp của Trương-công-Định sinh năm 1802, chánh quán xã Tư-Cung, huyện Bình-Sơn (nay xã Sơn-Mỹ, quận Bình-Sơn) lúc trên 20 tuổi mới theo thân phụ vào Nam khẩn hoang lập ấp theo chánh sách đồn điền của Triều đình và sau đó lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp tại Gò-Công, chết năm 1864 tại Đám-Lá-Tối-Trời, mộ chí cũng tại Gò-Công.

Trường hợp Trương-đăng-Quế, chánh quán tại Mỹ-Khê tây (hiện ấp Mỹ-Lại xã Sơn-Mỹ, Sơn-Tĩnh) nhưng công danh sự nghiệp được hình thành ở các địa phương khác nhất

là ở Huế. Chính tại kinh thành, vị đại thần này giữ nhiều trọng trách trái 3 triều vua: Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức. Chỉ khác là Trương-dăng-Quế chết tại quê nhà, mộ chỉ cũng Mỹ-Khe Quảng-Ngãi.

**4) Những người sinh trường tại địa phương, sự nghiệp cách mạng của họ đã hình thành ngay tại Quảng-Ngãi**

Đó là trường hợp của những chí sĩ cách mạng: Lê-trung-Đình, Nguyễn-tự-Tân với lý tưởng Cần-Vương; Nguyễn-bá-Loan, Lê-Khiết lãnh đạo phong trào khát thuế. Nguyễn-Suy, Lê-Ngung cầm đầu phong trào Duy-Tân khởi nghĩa tại Quảng-Ngãi; Trương-quang-Trọng với lý tưởng cách mạng giải phóng dân tộc; Nguyễn-Nghiêm với Mác-xít chủ nghĩa từng lãnh đạo phong trào 1930-31 tại Đức-Phò v.v...

**5) Đặc điểm của các nhân vật tiêu biểu**

Là danh thần, dù võ tướng hay văn thần, họ đã nêu cao gương trung quân ái quốc, sống một đời thanh bạch như Trương-dăng-Quế; có tài thao lược cầm quân, tính tình cương trực, có triết lý phục vụ, có biệt tài nhận xét người, nghiêm khắc nhưng rất mực thanh liêm như Lê-văn-Duyệt. — Là chí sĩ cách mạng, họ đã nêu cao gương bất khuất, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, biến văn chương thành khí cụ sắc bén tranh thủ quần chúng, tố cáo kẻ xâm lăng khiến cho kẻ cướp nước phải run sợ và kính phục. Đó là trường hợp của các chí sĩ cách mạng: Trương-công-Đình, Lê-trung-Đình, Nguyễn-tự-Tân, Cử-Vinh Nguyễn-duy-Cung, Nguyễn-Suy, Lê-dình-Cần, Lê-Ngung, Lê-Triết, Phạm-cao-Châm, Trần-kỳ-Phong, Nguyễn-văn-Quảng, Nguyễn-bá-Loan, Lê-Khiết, Phạm-dình-Long v.v...

— Là những nhà văn học, họ đã lựa những tác phẩm giá trị: «Học vấn dư tập» của Trương-quảng-Khê, «Phủ nam tạp lục» của Nguyễn-Tấn; các thi phẩm «Khai bút» của Tú-Cang, «Ký tình nhân» thi của Cử-Di, «Hòn vầy hòn trả» của Học-Ý, «Tiểu phu thán» của Học-Soạn; Văn tế «tế bà sáu Kém» của Tú-Cang, «tế ông ngoại vợ» của Nghè-Kim; và «Lục bát quá» của Tú-Thầy v.v... Trên đây là những sáng tác bằng Hán văn, Việt văn của lớp người nho học cận đại. Thời tiền chiến, các nhà thơ gốc Quảng-Ngãi đã hiện diện sớm nhất trong cao trào thơ mới. Nguyễn-Vỹ khai sinh trường thơ bạch nga, nổi tiếng với bài thơ «Sương rơi», Tế-Hanh với thi phẩm «Hoa niên», Bích-Khê với «Tình Huyết». Đặc biệt, nhà thơ, nhà văn, nhà báo Nguyễn-Vỹ vẫn tiếp tục hoạt động trong nhiều bộ môn văn học cho đến cuối năm 1971. Trước khi từ trần Nguyễn-Vỹ đã lưu lại nhiều tác phẩm: thơ, tiểu thuyết, biên khảo trong hai tập chứng tích thời đại «Tuần chàng trai đất Việt», ông đã ghi lại nhiều hình ảnh về quê hương Quảng-Ngãi với những nét sinh hoạt địa phương cách đây hơn nửa thế kỷ.

Và hiện nay, nhà biên khảo Phạm-Văn-Điều với quyển «Văn học Việt-Nam» đã khởi thảo và đang tiếp tục hoàn thành công trình nghiên cứu văn học sử Việt-Nam.

Tất cả những công trình sáng tác và biên khảo trên chứng minh rõ ràng phần đóng góp của người Quảng-Ngãi vào việc xây dựng lâu đài văn học nghệ thuật Việt-Nam.

— Là hiếu tử, có người Quảng-Ngãi đã nêu cao đức tính



hiếu, thảo thương liêng. Đã có người phải ngày đêm hộ an uống lo, giết mổ trả thù cho cha, ăn sống thịt mổ để tỏ lòng hiếu, vừa hành động vừa ý thức được cứu tinh của việc làm như trường hợp Tứ hiếu : Nguyễn-văn-Danh ở Trà-Bình trai (hiện xã Sơn-Trà, Sơn-Tĩnh).

— Là chân tu, có người Quảng-Ngãi đã tình nguyện quét chợ suốt 20 năm, nêu cao đức tính nhẫn nhục của tôn giáo mình như trường hợp nhà sư Võ-Dức-Nghiêm: gặp lúc Quốc-gia hữu sự, có người đã tỏ lòng trung quân ái quốc, cương quyết gác chuông mõ lên đường cầm quân cứu nước như Đại-Sư Bùi-Dăng-Tường. Và gần đây, Thượng-Thủ Đại-lão Hòa-Thượng Thích-Khánh-Anh được coi là vị pháp chủ nōidanlī của giáo hội Phật-Giáo Việt-Nam, từng pháp du qua nhiều nước Phật Á Châu, bước chân phổ độ khắp nơi chưa một thuyền sư nào tại Việt-Nam sánh kịp v. v. . .

Qua phần kiểm điểm các đợt di dân trong quá trình Nam tiến của dân tộc Việt tìm hiểu gốc tích người Việt miền Âu-Trà phát hoạ hình ảnh, ghi những nét lớn về người Quảng-Ngãi, và cái nhân vật tiêu biểu, tất cả những nhận xét đại cương trên sẽ tạo cho chúng ta một cái nhìn chung về người địa phương trước khi đi sâu vào chi tiết trong việc tìm hiểu vài khuôn mặt lịch sử nguyên quán từ một miền đất Quảng của quê hương Việt-Nam.

# DANH THẦN



**Tả quân**  
**LÊ - VĂN - DUYỆT**  
**(1764 - 1832)**



Tả quân Lê-văn-Duyệt (1764 — 1832)

## I THÂN THỂ

### 1) Nguồn gốc dòng họ Lê :

Tổ tiên của Lê-văn-Duyệt ở miền Bắc (Tổ quán ở xã Tế-Lễ, huyện Yên-Lạc, Sơn-Tây, nay thuộc tỉnh Vinh-Yên) Tổ năm đời của Lê-văn-Duyệt bỏ làng vào Nam, nhập tịch làng Bồ-Đề Quảng-Ngãi. Dân Bồ-Đề công nhận Tả quân là người làng họ tuy ông cha vốn người Bắc (ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHỈ chép Tả quân Lê-văn-Duyệt là nhân vật tỉnh Quảng-Ngãi có ghi: xã Bồ-Đề có hồ sen, tương truyền lúc Tả quân còn sống thì hằng năm đến mùa hạ sen mọc dày, hương thơm khắp xóm. Khi Tả quân mất, sen cũng tàn, hồ cạn dần). Sau này, thành công trên đường công danh sự nghiệp, Tả quân Lê-văn-Duyệt cũng nhận nguyên quán là Bồ-Đề. Ở Quảng-Ngãi được bốn đời, vào khoảng cuối thế kỷ 17, đầu thế kỷ 18, ông nội Lê-văn-Duyệt tức Lê-văn-Hiếu cùng con Lê-văn-Toại di cư vào Nam lập nghiệp, ban đầu định cư ở thôn Hòa-Khánh gần vàm Trà-Lọt, tỉnh Mỹ-Tho (Định-Tường ngày nay).

Và, chính tại vàm Trà-Lọt, Lê-văn-Duyệt chào đời năm Giáp-Thân (1764) trở thành con trưởng của một gia đình có bốn con trai.

Khi Lê-văn-Duyệt lên tám tuổi thì ông nội mắc bệnh thời khí từ trần. An táng xong, cha Lê-văn-Duyệt là Lê-văn-Toại rời miền Hòa-Khánh qua định cư tại rạch gằm ông Hồ (nay làng Long-Hung, thuộc Định-Tường)

Đến chỗ ở mới, gia đình làm ăn phát đạt hơn trước, Lê-văn-Toại có cho mời thầy đồ miền Trung về dạy các con.

## 2) Chân dung của Lê-văn-Duyệt :

Lê-văn-Duyệt có tật ăn cung gia truyền (không có ngọc hành) thân hình thấp bé nhưng cường tráng, có sức khỏe hơn người. Mặc dù có thầy đồ trong nhà nhưng lớn lên ông không ưa học chữ, chỉ thích học võ, săn bắn, đá gà. Thông minh khác thường nhưng tính tình ông nóng nảy, lúc thiếu niên đã mơ dựng nghiệp lớn. Năm 15 tuổi thường than rằng: «Sinh ở đời loạn, không kéo cờ, giống trống làm đại tướng để tìm công danh lưu sử sách thì không xứng đáng là tài trai».

Ước mơ của Lê-văn-Duyệt đã thành sự thật:

Vào năm Canh-Tý (1780), sau khi chiếm xong đất Gia-Định, theo lời yêu cầu của các tướng, Nguyễn-phúc-Ánh bèn xưng Vương, phong Đỗ-thành-Nhân làm Ngoại-Hữu Phụ-chính Thượng Tướng Công.

Sau khi chính vị, Nguyễn-Vương tuyên con gái Trương-phúc-Khuôn vào cung và mộ rất nhiều hoạn quan để phục dịch trong nội đình. Lê-văn-Duyệt sẵn có tật ăn cung lại được chúa biết từ trước nên được tuyên làm Thái-Giám lúc 17 tuổi năm 1780.

Có giai thoại kể lại cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa Nguyễn-Vương và Lê-văn-Duyệt:

«Khi Vương cùng các quan tùy tùng ghé nhà Lê-văn





**Làng Bồ-Đề (Quảng-Ngãi)**

**nguyên quán tổ tích của Tả quân Lê-văn-Duyệt**

Duyệt thì ông này đi vắng. Nguyễn-Vương lên ván chính tọa. Bà mẹ Duyệt ra thấy, vội vã thưa:

— Thưa ông; xin ông qua ván bên kia mà ngồi, đừng ngồi ván giữa.

Nguyễn-Vương hỏi: sao vậy?

Bà mẹ thưa: Không dám dẫu chi ông, thằng con tôi nó sấm chi không biết mà ai ngồi nó cũng không cho. Hễ ai cả gan cãi mà ngồi thì nó đánh.

Nguyễn-Vương hỏi: Con bà tên chi?

Bà cụ thưa: Con tôi tên Duyệt, nó đi câu cá hay săn bắn dẫu đó.

Khi Lê-văn Duyệt về thấy nhà có khách, mọi lần thấy ai ngồi giữa thì vô đánh liến. Lần này thấy thế, ông lại đi vòng vào sau mà hỏi thăm: khách nào đồng thế mẹ?

Bà cụ nói: Không biết, mầy ra hỏi lấy. Lê-văn-Duyệt thay áo rồi ra hỏi liền:

— Các ông đi đâu đồng vậy?

Nguyễn-Vương thấy tướng mạo khôi vĩ bèn hỏi lại:

— Mi có phải tên Duyệt con bà lão này phải không?

— Thưa phải

— Sao mi bây lớn mà không lo lắng việc đời trong tình thế đất nước như vậy lại bỏ ường cả thân danh trong cỏ cây vậy.

— Thưa xứ này có ai nên thân dẫu mà lo liệu với họ. Vì vậy nên tôi nghèo ngao non nước mà đợi thời.

— Nếu vậy, anh em ta là người ứng nghĩa hầu tiêu diệt bọn Tây-Sơn, mi chịu theo ta không ?

— Thừa chịu

— Nội đây, mi chịu theo ai ?

Lê-Văn-Duyệt liền chạy lại nắm tay Nguyễn-Vương mà nói rằng : «Tôi chịu theo ông này lắm»

Lúc đó Vua, Tôi liền cười rộ và tỏ thiệt cho Lê-Văn-Duyệt nghe thì ông quỳ lạy xin theo Chua Nguyễn. Sau bữa cơm chiều dọn cho Vương và các quan ăn xong, Lê-Văn-Duyệt trình thân mẫu hay sự việc và giã từ mẹ già theo Nguyễn-Phúc-Ánh.

## II. SỰ NGHIỆP

### 1) Những bước khởi đầu :

Theo nhận xét của giáo sư Lê-Dình-Chân thì «Đối với một người có chí khí, có võ nghệ như Lê-Văn-Duyệt mà phải nhận chức Thái-giám, xét cho kỹ chỉ là những bước đầu của một cuộc hành trình theo đuổi sự nghiệp lớn có tính cách lâu dài . . .»

Trong những năm đầu theo Nguyễn-Phúc-Ánh, Lê-văn Duyệt đã trải nhiều gian lao khổ nhọc, có lần đã bị quân Tây-Sơn bắt nhưng ông đã tìm kế trốn thoát, vượt biên ra Phú-Quốc tìm Chúa. Nhờ đó, ông được Chúa Nguyễn tin cậy giao cho quán xuyến mọi việc trong cung.

Năm 1782, Nguyễn-Vương bị thua lại chạy ra Phú-Quốc, Lê-Văn-Duyệt theo hầu, bảo vệ Quốc mẫu và cung quyến, sau cũng theo Chúa Nguyễn về Gia-Định. Năm sau, 1783 Gia-Định thất thủ, Lê-Văn-Duyệt lại rước Quốc mẫu và Cung quyến ra Phú-Quốc ở mũi Đá Chồng. Nguyễn-

Vương lại thua chạy ra Thờ-Châu (Poulo-Panjang) năm sau (1785) qua Xiêm đến thành Vọng-Các; lần này cũng có mặt Lê-Văn-Duyệt. Ông được cử coi toán quân có phận sự đốn cây trong rừng đóng thành thuyền độc mộc bán cho người Xiêm để lấy tiền nuôi quân.

Thời gian ở Xiêm từ năm 1785 đến 1787, ngót 2 năm, lúc nào Lê-Văn-Duyệt cũng tỏ hết lòng với Chúa Nguyễn nhưng vẫn chưa có dịp thi thố tài năng quân sự.

## 2) Thời cơ đến

Mùa thu năm 1788, Nguyễn-Vương hạ thành Gia-Định, chiêu an dân chúng, khao thưởng quân lính và tướng lãnh: Võ-Tánh, Lê-Văn-Quân, Tôn-Thất-Hội, Nguyễn-Văn-Thành, Tống-Viết-Phúc đều được phong chức cao. Thời gian đó, Lê-Văn-Duyệt vẫn giữ nguyên Thái-giám nội dinh.

Khi trò chuyện, các hoạn quan thường ca tụng Nguyễn Văn-Thành, Tống-Viết-Phúc. Lê-Văn-Duyệt nhận xét : «Phúc hữu đồng vô mưu, Thành có mưu nhưng thiếu đồng. Dưới con mắt ta chỉ có Tôn-Thất-Hội là tướng tài cả mưu lẫn dũng»

Nguyễn-Vương chợt đi qua, lắng tai nghe, dừng lại hỏi Thái-giám nội dinh :

— Người có dám cầm quân không ?

— Thưa dám

Sau đó, Nguyễn-Vương cho phép Lê-Văn-Duyệt đứng ra mộ binh theo về cánh tả.

Vào tháng tư, năm Canh-Tuất (1790) Nguyễn-Vương theo kế của chương tiền quân Lê-văn-Quân chủ trương đem

6000 binh cả thủy bộ tiến đánh Bình-Thuận. Lê-văn-Duyệt lần đầu được tòng chinh và cũng lần đầu tiên lập được chiến công. Năm Quý-Sửu (1793), có công đánh bại quân Tây-Sơn tại Úc-Sơn (Tây-Phước) Lê-văn-Duyệt được thăng thuộc nội Vệ-Ủy thuộc đạo Thần Sách quân; năm 1795 lại theo đại quân ra cứu viện Diên-Khánh (Hậu-Quân Võ-Tánh bị Thiếu-Phó Tây-Sơn Trần-quang-Diệu bao vây tại thành này). Đến Cái-Huân? (Nha-Trang) theo lệnh Nguyễn-Vương, Lê-văn-Duyệt lên bờ bắn súng lớn cho trong thành biết, sau đó cùng Nguyễn-đức-Xuyên vây đồn Trung-Hội, bày mưu chia binh si làm hai đạo, hai mặt đánh tới. Lê-văn-Duyệt xua quân vượt qua sông, đánh mặt sau, hạ đồn được. Nguyễn-Vương khen ngợi: «lâm trận biết liệu mưu thủ thắng thì nên công chớ tội gì?» (trước đó Nguyễn-đức-Xuyên không dám nghe theo mưu của Lê-văn-Duyệt vì chưa có lệnh nhưng Duyệt cả quyết: «Đã có thượng lệnh, nếu có tội vạ gì thì tôi xin chịu cả»). Nhờ chiến công tại Trung-Hội, Lê-văn-Duyệt được cải phong Vệ-Ủy vệ Diệu Võ, lại dời thành chánh Thống Tả đồn của đạo quân Thần-Sách, được cử trấn thủ thành Diên Khánh thay thế Tôn-Thất Hội được triệu về giữ Gia-Định.

Năm 1799, Nguyễn-Vương sửa soạn chinh phạt quy mô, tích trữ lương thực, tuyển thêm lính, gia phong cho tướng si, Lê-văn-Duyệt được phong Chưởng Tả quân được lệnh cùng Tống-viết-Phúc án ngữ Bình-Đê trong khi Nguyễn-Vương cùng Đông-Cung ngự ở Tân-Quan (Tam-Quan ngày nay). Thời kỳ này Lê-Tả Quân cùng Tống-viết-Phúc đã phải trấn an Nguyễn-Vương về tin có quân Tây-Sơn kéo vào. Tả-Quân chỉ ngọn núi trước mặt mà nói với sứ giả: «có

hai chúng tôi đây, Chúa cứ vững tâm. Đây là chỗ mà chúng tôi liều chết với giặc... »

Quân Nguyễn Vương lúc này đóng dài từ đèo Bền-Dá (Bình-Đê) đến đèo Cung-Quảng. Sách Thực-Lục chép : Bình Tây-Sơn do Võ-văn-Dũng chỉ huy định đánh tập hậu quân Nguyễn-Vương. Ban đêm, khi lội qua con sông nhỏ chợt gặp một con nai, đạo tiền quân la lớn: «Con nai, con nai» Hậu đạo nghe tiếng tưởng lầm là quân Đờng-Nai mai phục, chưa đánh đã bỏ chạy. Lê-Tả-quân thừa thế đem quân đuổi theo giết được nhiều quân Tây-Sơn. Biết quân nhà Nguyễn có phòng bị cẩn mật nên Trần-quang-Diệu và Võ-văn-Dũng rút quân về đóng tại Thanh-Hảo, đông nam huyện Mộ-Đức (Quảng Ngãi).

Vì viên binh Tây-Sơn không vượt qua được đèo Bình-Đê, trấn thủ Qui-Nhơn không thấy viên binh, lương thực cạn nên phải mở cửa thành ra hàng Chúa Nguyễn.

Khôi phục được Qui-Nhơn, Chúa Nguyễn đòi Qui-Nhơn ra «Bình-Định thành» giao cho Võ-Tánh và Ngô-tòng-Chu trấn giữ rồi truyền lệnh ban sư.

### 3) Những võ công oanh liệt của Tả-quân Lê-văn-Duyệt

#### a) PHÁ THỦY QUÂN TÂY-SƠN Ở CỬA THỊ-NẠI

Mùa xuân Canh-Thìn, Nguyễn-Vương nghe tin thành Bình-Định bị vây nên cử đại binh ra giải cứu, chia làm hai đạo: Bộ quân do Nguyễn-văn-Thành, Lê-văn-Duyệt, Trương-tiến-Bảo (Bữu) dẫn đạo. Nguyễn-Vương thống xuất thủy binh có Nguyễn-văn-Trương, Võ-di-Nguy hộ giá.

Trên bộ, quân của Thành và Duyệt tiến đánh chiếm lại Phú-Yên (tính giáp giới Bình-Định) và cho xây nhiều kho lương thực ở Xuân-Dài. Sách Thực Lục có chép lại một chuyện diễn tả tâm lý của hai tướng Thành và Duyệt, điều này có lẽ là nguồn gốc sự bất hòa giữa hai người sau này:

Nguyễn-văn-Thành thích uống rượu, một bữa sắp ra trận, Thành uống một chén lớn rượu và rót chén khác mời Tá quân Duyệt. Tá quân từ chối, Thành mời một lần nữa:

«Hãy uống một ly cho hứng chí. Tá quân trả lời, giọng xẵng:

— Nếu ai nhất gan thì uống rượu cho hứng chí chớ gan tôi vẫn ấm luôn. . . »

Lúc bấy giờ, Thủy quân của Nguyễn-Vương đóng ở vịnh Cà Mông cách Thị Nại chừng 30 cây số về phía Nam. Đã nhiều lần chúa Nguyễn cho chiến thuyền đánh vào Thị Nại nhưng không tiến được vì thủy quân Tây Sơn lúc này còn rất mạnh gồm có 600 chiếc thuyền đủ cỡ có gần đại bác. Tàu lớn nhất có 60 khẩu và 700 thủy thủ, tàu nhỏ nhất có 70 thủy thủ, tất cả có 50.000 thủy binh chưa kể 45.000 bộ binh đóng đồn án ngữ lối vào bến. Ngay cửa biển, Tây Sơn cho thả neo 3 chiếc tàu lớn, đại bác tuá tuá bắn ra như mưa mỗi khi thủy quân nhà Nguyễn tiến vào.

Trước tình hình này, Nguyễn Vương chủ trương tấn công Thị-Nại, bằng mọi giá cũng phải tiêu diệt hạm đội hùng hậu của Tây Sơn rồi tiến đánh Phú Xuân sau. Nguyễn Vương đích thân chỉ huy cuộc tấn công lịch sử có tính



cách quyết định này và Tả quân Lê Văn Duyệt đã lập công đầu.

Diễn tiến trận đẫm máu tại Thị Nại như sau (thuật theo lời của Braizy, viên tướng Pháp theo giúp Nguyễn phúc Ánh):

« Ngày rằm tháng giêng (27-2-1801), gió đông nam thổi nhẹ, mặt biển vịnh Cù Mông phẳng lặng. Nguyễn Vương ra lệnh cho thủy quân sẵn sàng tiến về Thị Nại và định dùng kế hỏa công nhờ gió đông nam đốt thủy quân Tây Sơn.

Nguyễn Vương hỏi các tướng có ai dám nhận việc đó. Tống Việt Phúc hăm hở xin đi. Khâm sai Chương tượng quân Nguyễn đình Xuyên mặt tâu :

« — Theo ý tôi, Phúc chỉ có sức khỏe, nhiều khi lo việc vì tật khinh tiến, Phúc không bằng Lê Văn Duyệt vừa khỏe, vừa lười mưu cơ. Nếu Duyệt đi thì chắc việc phải xong».

Nguyễn Vương y lời tâu, giao trọng trách thực hiện kế hỏa công cho Tả quân. Tả quân Duyệt khẳng khái nhận nhiệm vụ.

Khi mặt trời lặn, thủy sư thứ 3 do trung quân Nguyễn Văn Trương chỉ huy đã tới gần cù lao hòn Đất, chỉ cách cửa Thị Nại một tầm súng. Nguyễn Vương ra lệnh cho Tả quân sẵn sàng với 1.200 Thần Sách quân thiện chiến đổ bộ xuống bãi cát bên cạnh. 7 giờ tối đúng, cuộc đổ bộ hoàn tất mỹ mãn dưới sự chỉ huy của một Vệ Úy Thần Sách quân.

Toán quân đổ bộ ngấm tằm men theo bãi cát ven biển, tiến đến gần các đồn phòng ngự cửa Thị Nại mà quân Tây Sơn không hề hay biết.

Vào khoảng 10g30 tối, chiếc tàu chiến kéo cờ Nguyễn Vương chỉ còn cách đồn Tây Sơn án ngữ hai bên cửa Thị Nại chừng 1/3 tầm súng đại bác mà quân Tây Sơn vì sương mù vẫn chưa nhìn thấy.

Nguyễn Vương liền ra lệnh cho đội chiến thuyền tiên phong gồm 62 chiếc gần đại bác tiến đánh 3 chiếc tàu chiến của Tây Sơn án ngữ ngay lối vào bến với mục đích đốt cho được và chặt giây xích nối liền 3 chiếc đó.

Giờ đông nam thổi, nước thủy triều lại dâng lên giúp cho cuộc tấn công của thủy quân Nguyễn Vương thêm dễ dàng.

Đúng 10 giờ 30, viên đạn đại bác đầu tiên nổ vang. Tức thì quân Nguyễn Vương ò ạt xông ra tấn công: 26 chiếc thuyền bắn thẳng vào bãi cát trợ chiến cho toán Thần Sách quân đổ bộ. Toán quân can đảm này đã chiếm ngay từ phút đầu những bức lũy xây trên bãi cát, và từ đó bắn đại bác thẳng vào cửa Thị Nại.

Lúc đó, Nguyễn-Vương lại ra lệnh cho tất cả chiếc thuyền dàn trận, tiến thẳng vào hàng ngũ Tây Sơn. Hai bên ác chiến. Đại bác Tây Sơn từ đồn Tam Sơn bắn dữ dội vào chiếc thuyền của Nguyễn Vương. Chương Thủy Võ di Nguy trúng đạn văng đầu bay xa. Cái chết bất ngờ và kinh khủng đó làm cho quân Nguyễn tán đờm. Chiến thuyền của quân Nguyễn Vương mắc cạn không tiến được. Lê Tá

quân lập tức hất thuyền trưởng chém đầu làm hiệu lệnh và ra lệnh đốt ngay thuyền đó, đoạn hô quân tiến sát.

Chiến thuyền Tây Sơn đang cắm neo ở chân một ngọn núi phía đông bên trong bến, nhằm đoàn thuyền này phóng hỏa. Lệnh này được thi hành một cách hiệu quả, can đảm và mau lẹ.

Ngay lúc đó, Trung quân Nguyễn văn Trương, sau khi phóng hỏa đốt 3 chiếc thuyền Tây Sơn án ngữ ở lối vào cửa vượt qua hàng chiến thuyền đối phương, quay lại đánh tập hậu những thuyền Tây Sơn đến tiếp cứu. Quân Tây Sơn rất hoang mang khi thấy mình bị tấn công phía sau lưng lại bị đại bác ở ngoài biển nã vào nên hàng ngũ bị nao núng, rối loạn.

Trung quân Trương và Tả quân Duyệt sai đốt ngay thuyền mình và đẩy thẳng những lò lửa ấy vào hàng ngũ thuyền Tây Sơn. Lửa bùng bùng cháy, tiếng đại bác nổ rền như sấm dậy. Đoàn quân Nguyễn Vương như mãnh hổ hăng say chiến đấu. Quân Tây Sơn cũng quyết tử chiến. Mãi đến 4 giờ sáng hôm sau thì thủy quân Tây Sơn thấy chỗ nào cũng phát hỏa, đến lúc mặt trời mọc, một số lớn chiến thuyền Tây Sơn bị cháy rụi cùng với thủy thủ. Những chiếc thuyền lớn vẫn còn kháng cự đến trưa mới thôi.

Tuy bị thiệt hại đến 4.000 quân, chính Nguyễn Vương cũng bị quả đại bác bắn ngang qua đầu suýt chết nhưng quân Nguyễn Vương đại thắng.

Bên Tây Sơn có đến 50.000 quân tử trận và bị thương. Hạm đội hùng hậu nhất của Tây Sơn kể cả 1.800 chiếc

thuyền vận tải, hơn 6.000 đại bác đủ cỡ số lớn vũ khí, quân nhu, vàng bạc, châu báu đều làm mồi cho nước và lửa.

Sau trận Thị Nại này, thế lực của Tây Sơn đi xuống dần. Và, chính Tá quân Lê-văn-Duyệt và Trung quân Nguyễn-văn-Trương là hai người quan trọng đã làm chuyển tình thế đem về thắng lợi quyết định cho chúa Nguyễn.

### b) CHIẾM THÀNH PHÚ XUÂN

Sau chiến thắng Thị Nại, Nguyễn Vương vẫn ngần ngại chưa chịu tiến ra Phú Xuân Lê văn Duyệt bèn tâu:

« Việc binh cốt ở thần tốc. Chiến công Thị Nại vừa phá tàn binh thuyền giặc, thế quân ta mạnh như nước thủy triều đang dâng lên thừa thắng đánh Phú-Xuân. Khi Phú-Xuân vào tay ta thì địch quân ở Bình-Định không đánh mà tan. Đó là đánh cờ thí xe vậy».

Chúa nói: Thà mất thành Qui-Nhơn còn hơn mất một tướng tài (tức Võ-Tánh, Chương Hậu-Quân, chồng của Ngọc-Du Công-Chúa, em Nguyễn-Vương).

Tá quân tâu thêm: «Xin Chúa-Công ra đánh Phú-Xuân. Quân Tây-Sơn ở đây không thể nào cùng ra ứng cứu. Bây giờ, ta cứu Hậu-quân cũng không muộn».

Lúc bấy giờ Nguyễn-Vương mới cả quyết, tự thống xuất đại quân ra đánh Phú-Xuân.

Ngày 11-6-1801 đại quân của Nguyễn-Vương tới cửa sông Hương chỉ cách đại bác Tây-Sơn án ngữ cửa sông chừng 1 tầm súng. Vương ra lệnh chia hạm đội làm 2 thủy sư, tấn công hai cửa hữu, tả. Tá quân thủy sư do Nguyễn-

Vương và Tả quân Duyệt thống xuất gồm 43 chiến thuyền lớn, 1.200 chiến thuyền nhỏ, 15.000 Thần-Sách Quân tinh nhuệ. Chính Tả quân Lê-văn-Duyệt cầm đầu đoàn quân xung phong lợi hại này.

Sáng tinh sương hôm sau (12-6-1801) thủy quân Nguyễn-Vương dàn trận, chia 3 hàng tiến tới cửa sông. Tuy bị mắc cạn, lại bị phía Tây-Sơn bắn gắt nhưng Nguyễn Vương vẫn hạ lệnh cho quân nháy xuống nước lội vào bờ. Vài chiếc thuyền vượt qua, tiến lên vảy pháo đài Quy-Sơn khiến 500 quân Tây-Sơn phải ra hàng. Phò mã Nguyễn văn Trị bị bắt sống.

Chiến thuyền Nguyễn Vương ồ ạt tiến lên. Các trận giao phong diễn ra ác liệt giữa hai bên. Thần Sách-quân do Tả quân Lê-văn-Duyệt chỉ huy đã tấn công tập hậu, hạ dần các pháo đài của Tây Sơn.

Đúng 12 giờ, tiếng súng im lặng. Thuyền Tây Sơn nghiêng ngửa, cái lật, cái chìm, ngồn ngang trên bãi cát bờ sông. Thuyền Chúa Nguyễn có Tả quân Lê-văn-Duyệt và Lê Chất hộ giá do cửa Thuận-An thẳng đến kinh thành Phú-Xuân.

Đúng cuối giờ mùi (3 giờ chiều) ngày 12-6-1884 (mùng 3-5 Tân-Dậu) Chúa Nguyễn Phúc Ánh bước lên bờ sông Hương sau 26 năm truân chuyên, lưu lạc. Cũng trong buổi sáng này, vua Tây Sơn Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản rời Phú Xuân chạy ra Bắc-Hà.

**c) Đánh tàn quân Tây Sơn tại Quảng Nam, khôi phục Bình Định thành**

Sau khi chiếm thành Phú Xuân, Lê văn Duyệt liền được lệnh vào bình-định Quảng Nam, án ngữ nơi đây, đánh tan 5000 quân Tây Sơn toan cứu viện Phú Xuân. Đô Đốc Tây Sơn Trương Phúc Phương về hàng Nguyễn Vương.

Lúc này, nghe tin Võ-Tánh tử tiết ở Bình-Định, Nguyễn-Vương sai Lê-văn-Duyệt, Tống-viết-Phúc đem quân vào Qui-Nhơn hợp với Nguyễn-văn-Thành đánh tan quân Tây-Sơn do Trần quang Diệu chỉ huy.

Lúc ra quân, Lê văn Duyệt được ban 1 trống trận, 1 cây kèn trận để điều khiển ba quân.

Quân Nguyễn-Vương đến sông Trà Khúc (Quảng Ngãi), giao chiến với binh Tây-Sơn, Tống-viết-Phúc bị thương, sau đó chết. Tả quân và Lê Chất liền đem quân cứu viện, đánh bại quân Tây Sơn, bắt được 2 tướng: Nguyễn văn Khải; Hồ văn Tự, thu phục 3.000 hàng quân.

Quân nhà Nguyễn tiến vào Thanh-Hảo, đóng đồn ở đây. Tả quân cho đắp lũy dài từ Mỹ-Y (Á) đến chân núi để chống với tướng Tây Sơn Từ văn Thiện, thu được nhiều thắng lợi nhờ những trận tấn công bất ngờ, bắt được nhiều binh Tây Sơn, khí giới, ngựa, voi v.v. . .

Nguyễn-Vương được báo tiếp bèn thưởng 1.000 lượng bạc, phong Lê văn Duyệt tước Quận Công.

Nghe vua Tây Sơn là Quang-Toản muốn đem đại binh Bắc Hà vào thu phục Phú-Xuân, Tả quân liền dâng sớ lên chúa Nguyễn:

« Nay bọn Diệu Dũng trong thành Bình-Định bị khốn

khô, khó bề tiến thoái, lương thực chỉ còn chờ ở Qui Nhơn cung cấp mà nơi đó dân đói, gạo thối mốc, bọn kia hoành hành bạo ngược, bóc lột, nhân dân ta oán. Theo tôi trộm nghĩ, dầu có thành vàng, ao lửa mà nếu không có lúa thì cũng không thể nào giữ được. Huống chi thị trấn Qui Nhơn chỉ có vài huyện, của cải dùng được bao nhiêu mà giữ gìn lâu được? Tôi chắc không sớm thì muộn, chúng nó cũng liều chết đánh một trận ở Quảng-Ngãi để cầu may mà thôi. Vả lại, bọn kia là bọn cùng đường, thế nào cũng có chí liều chết. Nếu ta đưa binh ra đánh cho kịch liệt, chắc thế nào chúng cũng thua.

«Tuy vậy, ta cũng vẫn phải giữ lấy phần chắc, trong lúc này chỉ cốt đào hầm sâu, lũy cao, cố thủ mà chờ khi chúng nó động quân. Lúc ấy tôi sẽ chặn chỗ hiểm yếu mà đánh, thế nào cũng toàn thắng.

«Tôi chỉ còn lo từ Linh-Giang trở ra, chưa rõ tình thế ra sao, tôi muốn xin đưa ông Lê Chất ra hợp lực với Nguyễn văn Trương mà đánh tới. Còn tôi thì xin coi mặt này chẳng cho giặc qua khỏi Thanh Hào một bước nào cả...»

Tiếp được sớ, Nguyễn Vương khen Tả quân Duyệt và dụ hiệp với Nguyễn văn Thành lập kế đánh trừ cho được Diệu và Dũng. Khi hai tướng Tây Sơn này chưa bị diệt thì Chất chưa nên đi ra phía Bắc.

Mùa đông 1801, tướng Tây Sơn Từ văn Thiện đánh thành Mỹ Ý, bị quân Duyệt đánh bại. Mùa xuân Nhâm-Tuất (1802) Lê văn Duyệt cùng Nguyễn văn Thành hiệp lực tấn công Bình Định thành, vây suốt 2 tháng. Diệu và Dũng

hết lương thực, ban đêm tự kéo binh trốn theo đường rừng chạy bị quân Nguyễn Vương truy kích, 3 vạn quân Tây Sơn ra hàng. Thành Bình-Định được khôi phục lần thứ tư và cũng là lần cuối cùng do phần lớn chiến công của Tả quân Lê văn Duyệt.

#### d) Chính phục Bắc-Hà

Tháng 5 Nhâm-Tuất (1802) sau khi xưng Đế hiệu, vua Gia-Long mới nghĩ đến việc chiếm Bắc-Hà. Tả quân Lê-văn-Duyệt được thăng chức Khâm-Sai Chương Tả quân Bình-Tây Tướng Quân và được giao thống xuất bộ binh có Lê-Chất làm phó, tiền phong khôi phục Bắc-Hà. Thủy binh có Trung quân Nguyễn-văn-Trương chỉ huy đạo quân ứng cứu do chính vua Gia-Long đích thân chỉ huy.

Thế Tây Sơn bây giờ đã tàn. Quân nhà Nguyễn tiến dễ như chẻ tre, Lê văn Duyệt lần lượt chiếm Đồng Hới, Nghệ An, Thanh-Hóa bắt được Trần-quang-Diệu và vợ là Bùi-thị-Xuân cùng tướng Võ-văn-Dũng.

Một tháng sau, khi khởi hành ở Huế, quân nhà Nguyễn Gia-Long đã tới Thăng-Long, cố đô của nhà Lê. Vua Tây-Sơn Nguyễn-quang-Toản chạy lên kinh Bắc đến Phương-Nhơn bị dân ở đây bắt, Quang-Thùy tự tử, Quang-Toản bị đóng cũi đem về nạp ở Thăng-Long.

Tháng 10, Tả quân Lê-văn-Duyệt hộ giá ban sư sau khi khôi phục được Bắc-Hà. Và Bắc-Hà từ đó được đổi là Bắc-Thành.

#### e) 3 lần dẹp giặc Thượng ĐÁ-VÁCH (Quảng-Ngãi)



Vào năm 1803, Vua Gia-Long tiến hành việc xây dựng lại nhiều thành cũ, trong số này có thành Phú-Xuân, nhiều binh sĩ phải tham gia công tác trên rất nặng nhọc.

Lê-văn-Duyệt đã nhiều lần tâu xin cho quân lính nghỉ ngơi sau những năm chinh chiến nhưng không được vua chấp thuận. Xảy có tin Thượng du Đá-Vách (Quảng-Ngãi) nổi lên quấy phá, thường kéo xuống chặn đường quan lộ, giết người, cướp của. Vua Gia-Long hạ chỉ sai Lê Tả-quân đi dẹp. Nghe tin quân của ông «Thống-Đốc đồn Tả» tới, giặc Thượng bỏ trốn hết nhưng vẫn không chịu đầu hàng. Lê-văn-Duyệt dâng sớ tâu rằng: «Bọn Thượng Đá-Vách trú ẩn ở núi cao, rừng rậm không thể trừ hết, xin đóng quân tại Trà-Khúc để phòng ngừa...»

Từ 1803 đến 1808, Tả quân Duyệt phải 3 lần dẹp giặc Thượng Đá-Vách (1803 - 1807 - 1808) Riêng năm 1808 giặc Thượng lại nổi lên lần nữa vì Phó-Quản-Cơ Lê-quang-Huy hà khắc, những nhiều. Tả quân cho điều tra, có bằng cớ, truyền xử trảm Lê-quang-Huy. Và cũng trong khoảng thời gian dẹp giặc Thượng Đá Vách, Tả quân đã có sáng kiến đắp một lũy dài hơn 90 cây số (117 dặm), nam giáp Bình-Định, bắc giáp Quảng-Nam, lập 6 cơ binh trấn giữ ở đó. Từ đây, giặc Thượng tại Quảng-Ngãi mới yên.

Năm 1808, vua Gia-Long ngự vào Quảng-Nam, giao Tả quân Lê-văn-Duyệt trấn giữ Đế Kinh, tạo môi trường thuận lợi cho một nhà cai trị tài ba trong mọi lãnh vực:

#### 4) Lê-văn-Duyệt: một nhà cai trị lỗi lạc

Tả quân Lê-văn-Duyệt không những là một võ tướng đầy mưu lược mà còn là nhà cai trị tài ba, tuy nghiêm

khắc nhưng thanh liêm, công chính khiến hậu thế phải thán phục.

Từ 1812 đến 1832, dưới triều Gia-Long, Minh-Mạng, Lê-văn-Duyệt đã đảm nhận các trọng trách hành chánh sau đây :

- Kinh-lược sứ Thanh-Nghệ
- Tổng-Trấn Gia-Định Thành
  - Lần thứ nhất : (1812 - 1816)
  - Lần thứ hai : (1820 - 1832)

Suốt thời gian thay mặt vua nhà Nguyễn trấn thủ các địa phương, Tả quân đã chứng tỏ là một nhà cai trị tài ba trên mọi lĩnh vực : quân sự, hành chánh, nội trị, ngoại giao, Kinh-tế. Xã-hội v.v. . .

### **Thành tích nội trị**

Những năm làm Kinh-Lược sứ Thanh-Nghệ, Lê-văn-Duyệt đã thi hành một chánh sách khoan hồng đối với những kẻ trước nghịch triều đình mà nay lại hồi tâm muốn ra đầu thú. Chứng cứ là việc sau đây : một thổ hào xứ Cao-Bằng tên Nguyễn-hữu-Khôi nổi loạn, bị quân đánh đuổi chạy về Thanh-Hóa, nghe tiếng quan Kinh-Lược có lượng khoan hồng đã cùng thú hạ ra đầu thú. Thấy Khôi tinh thông võ nghệ, Tả quân nhận làm con nuôi, đổi tên là Lê-văn-Khôi.

Năm Gia-Long thứ 18 (1819) Thanh-Nghệ gặp nạn mất mùa, dân đói hay tụ tập trộm cướp. Giặc Thổ ở Thanh-Bình, Thiệu quan lại nổi lên. Lê-văn-Duyệt liền thăng

tới trấn Nghệ-An tuyên bố công đức Triều đình, tra xét nỗi thống khổ của dân. Kinh lược-sứ Lê-văn-Duyệt tâu lên vua xin thay đổi quan Trấn-Thủ, bổ dụng người thanh liêm đạo đức, bớt thuế cho dân. Vua y lời tâu.

Chiếu vua xuống, những kẻ thiếu thuế, phạm tội đều bỏ giáo về với triều đình. Kinh-lược sứ một mặt dạy quân sĩ phải nặng việc giáo dục dân, mặt khác tâu vua xin mở lượng khoan hồng.

Trấn nhậm một địa hạt nào, Lê-văn-Duyệt cũng theo đuổi chính sách: duy trì phong tục hay, bảo vệ người lương thiện, trái lại cực kỳ nghiêm khắc, với bọn bất lương, phiến loạn, tham nhũng sách nhiễu dân dù hạng người này xuất thân từ thành phần nào.

Thời kỳ trấn nhậm tại Gia-Định, Tổng-Trấn Duyệt đã tốn công rất nhiều trong việc diệt trừ bọn bất lương chuyên bắt cóc tài gia bắt chuộc tiền và tìm đủ cách để xâm phạm tài sản và tính mạng dân chúng khiến nhiều người phải bỏ làng trốn. Hai tên cướp cầm đầu: Nguyễn-văn-Ngũ và tên Phụng gọi là «Phụng ba đuôi» đều bị Lê Tổng Trấn diệt trừ nên lục tỉnh mới an cư lạc nghiệp.

Năm 1820, lại có một số Thổ dân Cao-Miên theo thầy Sài tên Kế nổi loạn. Kế là một đạo sĩ có tà thuật, biết gồng, họp thành đoàn lũ la ó «cáp dưỡng, cáp dưỡng» (giết người Việt-Nam). Lê Tổng Trấn liền sức cho địa phương tuyên khinh binh, vũ trang đầy đủ, theo dõi bắt sống được Kế cùng phe đảng ở Mỹ-Tho. Tổng Trấn Duyệt cho đem chém tên Kế, bêu đầu khắp nơi, còn đồng đảng

thì lấy lượng khoan hồng tha thứ. Từ đó, quân Sài đầy loạn phải tan rã. Bọn gian phi không còn nữa.

Lê Tổng-Trấn lại nhờ sách mằm mống gian phi bằng chính sách đồn điền. Nhân dân Gia-Định được yên ổn làm ăn lúa gạo rất nhiều, tất cả đều tỏ rất cung kính thường gọi Lê-văn-Duyệt là ông lớn Thượng vì Tổng Trấn Duyệt khét tiếng là vị Khâm-Sai thi hành triệt để luật pháp của triều đình nhà Nguyễn.

Trong Souvenirs et Reconnaissances của Trương-vinh-Ký có kể lại: một viên thơ lại tòng sự trong dinh, một hôm ở phòng giấy ra về gặp một thiếu nữ bán bánh. Viên thơ lại có ý muốn trêu thiếu nữ bèn lên đặng sau và lấy trộm hộp dầu đèn trên thùng bánh. Thiếu nữ la lớn: «Kẻ cắp, kẻ cắp» Viên thơ lại lập tức bị bắt và bị xử tử ngay sau đó.

Chính sách của Tá quân Lê-văn-Duyệt nghiêm ngặt như vậy, xa gần đều khếp nép. Gia-Định được yên ổn làm ăn suốt 20 năm nhờ đó mà duy trì được thuần phong mỹ tục.

Lê-văn-Duyệt đã biết nhìn xa thấy rộng. Vừa đến trấn nhậm Gia-Định, năm 1812 ông đã cùng Phó Tổng-Trấn Trương-tấn-Bửu nghị đến công việc sửa sang miền Nam, kiểm tra dân số, sức cho các xã sở tại phải biên vào sổ những tên đinh, ai tình nguyện bỏ sung các nha sở và các đội thuyền, các tiệm ty, các sở phải cứu xét biên tên để khỏi gian lận và tra xét cho dễ. Lại lập thêm điều cấm rõ ràng, thưởng phạt nghiêm minh, bài trừ triệt để nạn trộm cắp.

**VỀ MẶT PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ KINH-TẾ**

Lê-văn-Duyệt khuyến khích nông nghiệp ở toàn cõi Gia-Định. Tổng Trấn thường nói với tá hữu : «muốn trừ trộm cướp không gì bằng nuôi dân, muốn nuôi dân không gì bằng cho dân có ruộng đất để cày».

Hằng năm, vào tháng 5, quan Tổng-Trấn làm lễ Tịch-Điền, thay mặt nhà vua, tự tay cầm cày cày vài luống trên một thửa ruộng dành riêng cho cuộc lễ tượng trưng này.

Năm Gia-Long thứ 18 (1819) Tổng-Trấn Duyệt đã dâng sớ xin Vua cho đào kênh Vinh-Tế, miền Châu-Đốc nối liền sông Cửu-Long tới vịnh Xiêm-La (Hà Tiên). Thoại-ngọc-Hầu Nguyễn-văn-Thụy trấn thủ Vinh-Thành (Vinh-Long, An-Giang) được lệnh đốc xuất binh dân đào kênh Vinh-Tế (Vinh-Tế, tên Thụy-ngọc-Hầu phu nhân, Thị-Tế, họ Châu-Vinh).

Tháng 2, năm Minh-Mạng thứ tư (1823) Tổng-Trấn lại dâng sớ xin mộ dân phu vét kênh thêm sâu rộng để chiến thuyền lớn có thể qua được. Hơn 3 muôn rưỡi binh dân Gia-Định hợp với 1 muôn binh dân Cao-Miền được sử dụng vào việc vét kênh. Tháng 4 thì xong, vét được hơn 1 muôn 500 trượng. Tổng-Trấn Duyệt đích thân đốc xuất công tác này, cực nhọc phải lâm bệnh. Vua thưởng cho 1 ngọc đá và thêm lời dụ : «Từ xưa, Hoàng-Tử, Công Chúa chưa ai được ân tứ ngọc đá. Nay khanh đã nhiều vãng tích lại kiến tân lao nên đặc biệt ân tứ này».

Công việc vét kênh thật khó nhọc vì Vinh-Tế thuộc

vùng rừng rú nguy hiểm, nạn bò rừng, cá sấu làm nhiều dân phu bỏ mạng, lại thêm mùa hè quá nóng bức nên nhà vua phải cho tạm đình đến mùa xuân sau.

Lần lượt, Phó Tổng-Trấn Trương-tấn-Bữu, rồi năm 1824 Phó Tổng-Trấn Trần-văn-Năng thay thế, cộng với sức lực của 25.000 binh dân Việt-Nam, Cao-Miên vét tiếp đến tháng 5 - 1824 mới xong. Dân số hưởng lợi của kênh Vinh-Tế tăng lên 10.000 người.

Ngoài những sáng kiến mở mang thủy lợi giao thông, Tổng-Trấn Duyệt đã có chủ trương phối hợp sinh hoạt kinh tế với quân sự, đề ra chính sách đồn điền kể từ 1830 (Cánh-Dàn). Với chính sách này thời bình người dân khai phá đất đai, vừa tự bảo vệ an ninh vừa góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp. Khi hữu sự, những người dân này trở thành lính tác chiến (tinh vi nông, động vi binh).

### **Về phương diện xã hội**

Lê Tổng-Trấn ra lệnh thành lập 2 cơ quan từ thiện «Anh-Hài» và «Giáo dưỡng». Trẻ nào thích việc võ thì được chăm nom ở Anh-Hài để rèn luyện nghề võ, trẻ nào có khiếu văn chương hay nghề nghiệp khác thì được vào ở cơ quan «giáo dưỡng». Hai tổ chức này được thiết lập mục đích săn sóc con cái những người đã hy sinh vì nước, đền đáp công lao những chiến sĩ.

### **Về văn hóa nghệ-thuật**

Thời kỳ Lê-văn-Duyệt trấn nhậm Gia-Định, nho sĩ ở miền này nổi tiếng hay chữ. Học trò đề tóc xoắn xuống

vai, mặc áo cánh ngắn không có xẻ hai bên, khuy ở giữa. Họ học về văn chương Trung Hoa, ưa dùng sách vở, áo quần từ Trung Hoa đưa qua.

Trong các bộ môn nghệ thuật lúc bấy giờ, Tổng Trấn Duyệt đặc biệt khuyến khích bộ môn hát bội. Chính Tổng-Trấn sắm riêng cho mình một ban hát chọn lọc toàn những nghệ sĩ điêu luyện nhưng không thu nhận nữ nghệ sĩ cho nên trong ban hát của Tổng-Trấn, vai đàn do kép thủ.

Cầm đầu quản lý trong ban hát là Đội nhưt Chiêu, các nghệ sĩ: Thứ, Thao (vai tuồng) Cu Việt (chuyên làm Trương-Phi) Cầm (vai kép chuyên thủ vai Kim-Lân) Trắc gọi Trắc cụt chuyên vai hề (quê quán ở Qui-Nhơn, cụt một cẳng), nghệ sĩ Can (chuyên làm vai yêu). Tổng Trấn ưa xem tuồng «Tam cầm, tam phòng» Đội chiêu thủ vai Đinh-San, Sắt thủ vai Lê-Huê. Mỗi khi hát, Tổng-Trấn nghe từng câu văn xem, từng bộ điệu, tay cầm trống, tay cầm dùi, thưởng hay, phạt dở. Bộ ngồi của ông là bộ hổ (xếp hai bàn cẳng qua một bên). Theo lời khẩu truyền, Lê-văn-Khôi biết cha nuôi mình ưa hát bội nên có đặt ra tuồng «San-Hậu» có ý xui Lê-văn-Duyệt xưng Vương như vai Phan-dình-Công trong tuồng nhưng Tổng-Trấn Duyệt không nghe.

### **Thành tích ngoại giao**

Lê-văn-Duyệt là một nhà ngoại giao biết nhìn xa, nghĩ rộng, không những đề bảo vệ được toàn cõi Gia-Định mà còn giữ vững giềng mối cho toàn giang san họ

Nguyễn. Về mặt ngoại giao, Tống-Trấn Duyệt đã từng phụng mệnh vua Gia-Long đưa vua Cao-Miên về nước, đem đại binh lên Nam-Vang xây thành. Tống-Trấn họ Lê chỉ viết một bức thư cũng đủ khiến cho quân Xiêm bỏ Bát-tam-Bân rút lui về biên giới.

«Năm Quý-Dậu (1813) đời Gia-Long (sau tháng 2, trước tháng 6), vua truyền cho Tống-Trấn Lê-văn-Duyệt và Hiệp-Trấn Ngô-nhân-Tĩnh đem 13.000 binh đưa Nặc-Chân (vua Cao-Miên) về nước. Vua Xiêm nghe tin này cũng sai bọn Phi Nhã, Na-Kha, Ai-Nậu (các chức quan Xiêm) làm sứ dàn quân theo Nặc-Chân vào thành La-Bích.

Tống-Trấn Duyệt sai quan Cao-Miên Cao-lê-Hân đem 500 quân phòng thủ cấm quân cướp phá, lấy uy tín cổ võ để dân chúng làm ăn. Cao-Miên nhờ vậy yên ổn.

Sứ chép :

Nguyễn trước Nặc-Chân chạy về với ta, Xiêm giận lắm, ý muốn lấy thành Bát-tam-Bân. Đến khi nghe Nặc-Chân về nước, Xiêm bề ngoài giả danh hiếu hòa sai sứ sang hội với nước ta đưa Nặc-Chân về nhưng bề trong sắp đặt việc quân, muốn thừa cơ đánh để thoả cơn giận.

«Đến lúc Lê-văn-Duyệt đem quân đến, Xiêm không dám lộ mưu nhưng vẫn còn đóng quân ở Long-Ưu chưa rút về chờ cơ hội tốt đưa Nặc-Nguyên về tranh ngôi.

Tống-Trấn Duyệt bèn tâu : Xiêm muốn lấy Chân-Lạp



(Cao-Miên) phải dùng Nặc-Nguyên làm mồi. Ta muốn che đở cho Gia-Định phải cho Nặc-Chân làm tôi.

«Quân ta ở Cao-Miên lâu, quân mệt, tên của, thành La-Bích nhỏ không thể giữ được, xin cho xây thành Nam-Vang cho Phiến-Vương ở, đắp thành Lộ-Yên trữ lương thực. Hễ đắp thành xong sẽ lưu binh ở Chân-Lạp, đại binh rút về Gia-Định để xem động tĩnh thế nào, lẽ thuận nghịch rõ ràng, muốn đánh thì đánh, muốn hòa thì hòa, thế là ta được chắc vậy» vua y lời tâu. Tổng-Trấn Duyệt liền đem quân đóng các nơi hiểm yếu, giữ sông Xà-Năng rồi viết thư trách vua Xiêm:

«Niêm Vương muốn Nặc-Chân, Nặc-Nguyên người lòng thù oán, trọn nghĩa anh em.

Nay Chân đã về Chân-Lạp có sao Xiêm chưa rút quân về? cứu tai nạn, thương lán quốc, làm nhân đức mà thoả lòng người, ấy là đạo đời xưa đó. Nếu trước làm nhân đức mà sau gây thù oán, kéo quân sang đóng Chân-Lạp chẳng trái lẽ háy sao?

Hướng chi, Nặc-Nguyên phản anh mà giữ nước, tội không xiết kể. Nước ta và vua Xiêm bỏ qua không làm tội cũng nghĩ rằng Nặc-Nguyên đang còn trẻ muốn cho sửa lỗi mà thôi. Bây giờ Nặc-Chân đã biết vua Xiêm khoan thứ là đức. Nặc-Nguyên lẽ nào không nghĩ nước ta tha tội là ơn hay sao? Có sao đến nỗi u mê như thế? Thứ nghĩ rằng thẳng giặc mà ai cũng muốn giết, lại có nước nào dung cho nó trốn hay sao?..»

Xiêm tiếp được thư, sai tướng rút quân ở Bát-tam-Bản về và Nặc-Nguyên viết thư tạ Nặc-Chân. Vua ta

cho Nặc-Chân 3.500 lượng bạc, 5.000 quan tiền, 10.000 hộ lúa. Nặc-Chân sai người đem biểu tạ.

Tháng 7, quân ta xây thành Nam-Vang và thành Lộ-Yên. Lê-văn-Duyệt đem quân về, chỉ để lại 1.000 quân giao cho Nguyễn-văn-Thủy điều khiển để quân Xiêm không dám đánh Cao-Miên. Nhưng như Nặc-Nguyên thất bại trong âm mưu xâm chiếm Chân-Lạp.

— Thời kỳ trấn nhậm ở Gia-Định, Tổng-Trấn Lê-văn-Duyệt vẫn duy trì, cảm tình niềm nở đối với các tàu buôn Pháp cập bến Sài-gòn. Đối với các nước khác, Tổng-Trấn cũng không phân biệt, miễn họ trọng pháp luật.

Tổng-Trấn có lần giao thiệp với người Anh-Cát-Lợi, khi họ tới Cần-Thơ. Lê-văn-Duyệt và Trương-tấn-Bữu có tấu trình lên vua Minh-Mạng về sự giao thiệp này với những nhận xét: «người Anh chỉ lo làm ăn, giáo quyết nên cần phải cẩn mật đề phòng» Tất cả phẩm vật đều tấu trình rõ rệt.

Cũng tại Gia-Định Lê Tổng-Trấn đã có lần tiếp kiến John White, người Hoa-Kỳ chỉ huy-trưởng tàu hai cột buồm TranKlin, người đầu tiên đến Việt-Nam. Tổng-Trấn luôn luôn giữ vững uy tín, nêu cao uy danh nước Việt-Nam đối với các nước láng bang nhất là với các sứ thần Xiêm, Cao-Miên, Tổng-Trấn càng tìm mọi cách biểu dương thế lực của Nam triều.

Đối với Cao-Miên, Tổng-Trấn bao giờ cũng tôn trọng chủ quyền của vua nước đó nhưng rất ngặt về lễ nghi.

Ngoài việc cống hiến, Vua Cao-Miên hàng năm phải sang chúc thọ Vua Việt-Nam tại Vương cung thành Phan-An.

Theo thường lệ, hằng năm cứ tối 30 tết là vua Cao-Miên phải có mặt tại thành Gia-Định để ra làm lễ tại Vương Cung. Có một lần, không hiểu tại sao, đêm 30 Tết vua Cao-Miên lại ngủ tại Chợ-Lớn không sang trú sẵn ở Gia-Định. Sáng hôm sau, đúng lúc trống điểm sang canh năm, Tổng-Trấn một mình cùng tiểu triều ra làm lễ tại Vương Cung, không chờ vua Cao-Miên. Lễ xong, Miên Vương mới lễ mờ tới. Tổng Trấn chiếu theo điều lệ phạt vạ, vua Cao-Miên phải nạp đủ 3.000 lượng bạc mới cho về nước.

— Đối với Vạn-Tượng, năm 1827, nhân dịp Xiêm-La vô cơ đem quân đánh Vạn-Tượng; Vua Ai-Lao chạy qua Nghệ-An, Tổng Trấn Duyệt điều trần như sau : «Vạn-Tượng là nước phiên, tiền cống ta đã lâu, nay nó bị nạn đang cần tới cầu cứu, triều đình nên theo đại nghĩa đừng bỏ nó.

«Xiêm-La với ta danh tuy giao lân kỳ thực địch quốc. Nếu Vạn-Tượng bị Xiêm lấy đi thì Xiêm cùng ta bờ cõi, giao tiếp, tôi e như vậy là có người ngủ ngáy ở bên cạnh khó cho mình an giấc. Chi bằng cho sắp đặt Vạn-Tượng để làm hàng rào chắn cho mình . . . «Tôi tưởng giữ đại nghĩa, phòng hậu loạn thì nên nhận Vạn-Tượng về nước mình thật là đắc sách. đôi đường. Dẫu Xiêm-La có tranh với nước ta mà động binh phạm tới Gia-Định hay Thanh-Nghệ, tôi xin đề binh qua chặn hòng và đập lưng chúng nó dễ như chơi . . . Ấy là kế vẹn toàn . . . »

## 5) GIAI THOẠI VỀ TẢ QUÂN LÊ VĂN DUYỆT

### a) Triết lý gà chọi.

Năm 1808, thời kỳ trấn thủ Đê đô, có lần Lê-văn-Duyệt vào châu trề. Và chẳng biết có ai dèm pha gì không mà vua Gia-Long đã phán hỏi Tá quân bằng giọng nghiêm nghị :

— Khanh còn bận xem đá gá ?

— Muốn tâu bệ hạ, hạ thân khó ở, phải gượng vào châu.

— Nhưng tính khanh rất ham gà chọi ?

— Muốn tâu Thánh-Thượng, cái đó quả có. Nếu hạ thân đã giúp cho Bệ hạ được một việc nhỏ gì trong quân cũng nhờ chọi gà cả. Người xưa đã nói gà là một cầm thú có 5 đức lớn :

— Đầu có mào như đội mũ gọi là Văn

— Chân có cựa là Vũ

— Thấy kẻ địch trước mắt dám xông vào là Dũng

— Thấy cái gì ăn cũng gọi đồng bạn đến cùng ăn gọi là Nhân.

— Đem đến cứ tới giờ, tới canh là gáy gọi là Tín.

Văn, Vũ, Dũng, Nhân, Tín là 5 đức tính cần thiết cho kẻ cầm quân, làm tướng. Vua nghe tâu, đổi nét mặt làm vui

### **b) Lập tự duy đích.**

Thật ra, từ khi còn là Hoàng-Tử, vua Minh-Mạng đã bất mãn với thái độ của Tá quân về lời tâu của Lê-văn-Duyệt với vua Gia-Long trong dịp chọn Thái-Tử để nối ngôi.

Năm 1846, nhân việc nước đã đở phần bề bộn và cảm thấy mình cũng đã già yếu, vua Gia-Long bèn nghĩ đến chuyện

chọn Thái-Tử nối ngôi mình sau này. Con trưởng của vua là Đông-cung-Cánh đã mất từ 1802 và để lại 2 người con trai còn nhỏ: Đán và Ung-Hòa.

Ý vua Gia-Long muốn lập Hoàng-tử Đám, con một bà thứ phi lúc bấy giờ đã gần 30 tuổi làm Thái-tử. Ý này đã có từ lâu. Năm 1814, trong đám tang Thừa-Thiên Hoàng-Hậu (thân mẫu của Đông-cung-Cánh) vua đã đề Hoàng-tử Đám làm thừa tự và chủ tế. Hơn nữa, vua Gia-Long sợ đặt lên ngôi vị thừa kế còn nhỏ tuổi thì chỉ là mả họa, sợ các Phụ chính chuyên quyền làm cho cơ nghiệp nhà Nguyễn nghiêng ngả.

Một hôm, vua Gia-Long cho mời các vị Đại thần : Nguyễn-Văn-Thành, Lê-Chất, Trịnh-Hoài-Đức, Phạm-Đặng-Hưng, Lê-Văn-Duyệt để hỏi ý kiến. Vua phán: Nước nhà mới yên, phải chọn người lớn tuổi cầm quyền, không nên ủy thác việc lớn cho kẻ còn thơ ấu» ý kiến này rất hợp thời thế nhưng không đúng với tục lệ «đích tôn thừa trọng»

Tả quân Lê-văn-Duyệt, Trung quân Nguyễn-văn-Thành, Hậu quân Lê-Chất đều ngó ý nên lập Hoàng-Tôn-Đán, con trai Đông-cung-Cánh.

Tả quân dựa vào câu: «lập tự duy đích» và tâu: «Đông-Cung tuy mất sớm nhưng công lao trong sự nghiệp trung hưng không nhỏ, vậy con Đông-Cung phải được hưởng công lao của cha». Lời tâu có ý nghĩa này vẫn không thay đổi được ý định của vua Gia-Long. Hơn nữa, nhà vua cũng tìm thêm lý do vững chắc để bênh vực cho quyết định của mình.

Ngài lại dựa vào một điều trong bộ luật Gia-Long mà phán rằng: Quốc pháp là: Phụ trách, tử hoàn. Cha nợ thì con trả chứ không bao giờ cháu phải gánh. Mà con đã trả nợ lẽ tự nhiên có quyền thừa hưởng sự nghiệp của cha. Vậy ý Trẫm chọn Hoàng Tử Đám cũng không có gì trái với quy pháp cũ»

### c) Chỉ cúi đầu không chịu lạy Vua

Đời Minh-Mạng chỉ còn Tả quân Duyệt và Hậu quân Chất là hai vị võ quan thuộc hàng huân cựu cố mệnh Đại Thần. Nhưng Tả quân được Triều đình trọng vọng hơn. Vốn con nhà võ, tính khí cương cường, đối với vua Minh-Mạng trong khi tâu, Tả quân không theo đúng phép.

Trịnh-hoài-Đức, Lễ Bộ Thượng-Thư vốn người Minh-hương sang sứ Trung-Hoa khi trở về nước bày đặt cho Triều đình ta theo đúng đại lễ Thanh triều, lúc các quan vào chầu Hoàng-Đế phải lạy.

Tả quân khi đó cũng vào chầu Minh-Mạng. Nhà Vua lúc bấy giờ mặc bộ áo đại triều mới mua ở Trung-Hoa gửi sang, ngồi trên ngai vàng điện Thái-Hòa chờ Tả quân lạy. Nhưng, quen với phép tâu đời Gia-Long, Tả quân chỉ cúi đầu rồi lên ngồi trong điện gần ngai Vua. Trịnh-Hoài-Đức bước lại gần nhắc phải lạy, Tả quân nổi nóng đáp lại: Người là đũa phùng nghinh, người làm vậy được chứ ta làm không được» Vua Minh-Mạng rất bất bình nhưng không nói gì, chỉ ngầm giận.

### d) Xử tử nhạc phụ của Vua Minh-Mạng

Thời kỳ làm Tổng-Trấn Gia-Định, Tả quân đã từng ra lệnh xử tử Phó Tổng-Trấn Huỳnh-công-Lý, người có con

gái được tuyển vào cung được Vua Minh Mệnh sùng ái: Năm 1820, Tổng Trấn Duyệt có việc bận về triều, Lý giữ quyền Tổng-Trấn phụng mệnh đốc xuất đào kênh nối liền Tân-An — Mỹ-Tho. Thừa dịp này Lý sách nhiễu khiến nhân dân ta oán. Khi Tổng Trấn trở về Gia-Định, đơn khiếu nại Lý ở các nơi gởi về rất nhiều. Lập tức Lý bị đưa ra toà hình xét xử và bị khép án tử hình.

Lê Tổng-Trấn một mặt trình về bộ Hình, mặt khác cho thi hành ngay bản án. Vua Minh-Mạng muốn cứu Huỳnh-công-Lý, phái ngay viên Khâm mạng ngày đêm cấp tốc vào Gia-Định đem chỉ truyền đưa Lý về kinh chịu tử hình. Nhưng khi quân Khâm-sai tới nơi thì Tổng-Trấn đã cho chém Lý, muối thủ cấp; bỏ vào thùng; niêm phong kỹ, trên có dán mấy chữ: Phụng thừa Thánh chỉ, xử trảm tội nhân rồi cho gởi về kinh.

#### đ) Cầm châu coi hát bội

Ngoài thú chơi gà chọi, nuôi cạp, voi, Tả quân còn say mê thú hát bội. Giai thoại kể rằng: Có anh kép Chương ở lục tỉnh về xem hát chèo đội Chiêu (quản lý ban hát riêng của Lê-văn-Duyệt) thủ vai Đinh San kèm (tuồng Tam Cầm) Tả quân nghe được liền cho Chương thay Chiêu hát thử, nếu dở thì bị đánh đòn. Chương thủ vai Đinh-San quá tuyệt diệu, Tả quân khen và cho nhập ban. Kép Chương lui tới trong dinh, tư thông với một cô hầu. Tả quân biết được liền truyền đem chém. Đội Chiêu mền tài đem Chương dấu kín rồi vào khám tìm một tên tử tù có sắc điệu giống y, đem ra chịu tội thế mạng cho Chương.

Năm sau, Tả quân xem lại tuồng «Tam Cầm, Tam

Phòng» thấy đội Chiêu thủ vai Đinh-San chột nhớ tới kếp Chương, than tiếc: «chớ phải Chương không sanh lòng quý đến đời ta giận mà ra lệnh chém thì nay vai Đinh-San hay biết chừng nào!»

Đội Chiêu nghe vậy, xong tuồng hát, kéo nghệ sĩ vào lạy Tả quân thú tội việc đấu Chương và xin tội cho tên kếp này. Tả quân thương tình tha tội, lại cho Chương trở lại sân khấu trong vai Đinh-San như cũ.

Mỗi khi hát, Tả quân theo dõi tỉ mỉ. Hát sai, hát bậy thì không tránh khỏi đòn, nên nghệ sĩ lo chuyên cần trau dồi nghệ thuật mong nghe tiếng trống thưởng và rất sợ nghe dùi gõ dăm (không đánh trên mặt trống mà lại gõ ngoài dăm). Dân Gia-Định còn kể lại câu chuyện cảm châu coi hát bội của Tả quân: Hôm ấy, Lê-văn-Duyệt cảm châu coi gánh hát của mình diễn tuồng «Võ thanh Lâm» Kếp Hứa-Văn thủ vai trung thần bị bọn nịnh soán ngôi Vua rượt chạy. Phóng ngựa tới bờ sông, nghệt lối, không thuyền may gặp cá nước, kếp ta liền hát nam:

«Ồ mã qua miền hải ngạn

Công Tiên Hoàng tỏ rạng đường non»

Lúc này kếp đã ngồi yên trên lưng cá, khoan thai hát tiếp:

«Vần vợ cá lợi như cò. . . Họ . . .»

Tức thì, Tả quân gõ dùi trống, đánh cắc một tiếng lên thành trống:

— Cá chớ ngựa, sao mà họ?

Kếp Văn ta hiểu, bụng bảo dạ, lát nữa khi mãn hát



sẽ phải nằm ăn đòn. Nhưng lanh trí, kếp ta làm bộ thần nhiên hát nam liếp theo:

— Họ, tưởng đâu ô mã, ai ngờ lý ngư.

Một loạt trống đánh lên thùng thùng. Tả quân vừa cười vừa nói lớn: «Hay, hay, tha tội . . .»

### e) Hội ngộ Nguyễn-công-Trứ

Thời kỳ đem quân khôi phục Bắc-Hà, Lê-văn-Duyệt có dịp gặp Nguyễn-công-Trứ lúc này Trứ còn là một thư sinh bạch diện. Giai thoại kể rằng:

«Một hôm đạo binh của Tả quân đi ngang qua một vùng thuộc Hà-Tĩnh, trong một cuộc diễn tập, mọi người đều sợ hãi.

Toán quân đi trước ghé vào một cái quán, thấy có người còn nằm ngủ, thét gọi dậy. Vừa lúc ấy, Lê-văn-Duyệt cỡi ngựa tới, thấy người ngồi trong quán có vẻ nho nhã, đình đạc, truyền lệnh không được làm dữ, bảo binh sĩ dan ra và ôn tồn hỏi Nguyễn-công-Trứ:

— Mi là học trò há, hãy thử vịnh cảnh nằm ở rơm đắp chiếu này đi. Hay, ta sẽ thưởng cho.

Nguyễn-công-Trứ ứng khẩu đọc:

«Ba vạn anh hùng đè xuống dưới

Chín lần Thiên-Tử đội lên trên»

Tả quân kinh ngạc, ân cần khuyên bảo, thưởng tiền cho về. Từ đó, Tả quân rất lưu ý đến Nguyễn-công-Trứ. Năm Gia-Lọng thứ 3 (1804) khi Lê-văn-Duyệt hộ giá nhà Vua ra Bắc thành, thời gian trú tại Nghệ-An có mời

Nguyễn-công-Trứ đến hỏi về dân tình.

Nguyễn-công-Trứ đối đáp trôi chảy, câu nào cũng xác đáng. Tả quân lại hết sức ngợi khen.

Sau khi ở Bắc-Hà về, mỗi khi tiếp chuyện các quan đồng triều, Tả quân cũng không quên nhắc nhở đến hai lần gặp Nguyễn-công-Trứ và có nhận xét: «Người ấy là bậc kỳ tài, có chí lớn, nếu triều đình biết dùng, chắc chắn sẽ thành một tài lương đồng mai sau».

### III.— VỤ ÁN LÊ TẢ QUÂN

Năm 1824 và 7 năm sau đó (1831) vì thấy triều đình theo phép tắc mới, hạng võ hiền tính ngay, lời thẳng rất dễ bị lỗi lầm. Hơn nữa, đương thời thái bình, nhà Vua đối với các võ tướng không trọng vọng như thời chinh chiến.

Cho nên, Tả quân Lê-văn-Duyệt đã 2 lần xin từ chức Tổng-Trấn. Lần thứ nhất vào năm 1824 có cả Lê-Chất Tổng-Trấn Bắc thành nhưng Vua Minh-Mạng không cho phán rằng: Trẫm đang trọng dụng hai khanh sao hai khanh buông lời xin như vậy? Lê-văn-Duyệt chỉ khóc và lui ra.

Năm Nhâm-Thìn (1832) Minh-Mạng 13, ngoài Bắc thành bỏ chức Tổng-Trấn, các trấn đều đổi thành tỉnh, đặt các chức Tổng-Dốc, Tuần-Vũ, Bố-Chánh, Án-Sát, Lãnh Binh cai trị. Chỉ riêng Gia-Dịnh thành vì còn Tả quân làm Tổng-Trấn nên chưa thay đổi. Tuy vậy, thấy tuổi mình đã cao và sức lực không còn như xưa, Tả quân dâng sớ về kinh xin từ chức nhưng Vua vẫn không nhận lời.

Trong khoảng thời gian này đã có nhiều triệu chứng báo trước về cái chết của Tả quân: cột cờ thành Gia-Định không gió mà gãy, Tả quân một hôm cỡi voi ra ngoài thành bỗng voi quỳ mọp xuống không đứng dậy, thay ngựa, ngựa cũng ngã quỵ. Tả quân có nói với những người thân cận: «Có lẽ ta sắp bị tai hoạ gì đây chăng?»

Vài tháng sau, Tả quân bỗng lâm bệnh. Đêm 30-7 Nhâm-Thìn (tức 25-8-1832) Lê-văn-Duyệt từ trần tại trấn thành Gia-Định, hưởng thọ 69 tuổi, được Vua Minh-Mạng truy tặng chức Thái Bảo, ban hàng gấm và 3000 quan tiền để lập một đàn tế lớn. Mộ Tả quân Lê-văn-Duyệt tọa lạc làng Bình-Hòa, tỉnh Gia-Định, nơi mà nam phụ lão ấu toàn quốc đều kính cẩn viếng thăm, thường gọi là Lăng Ông hay ông Thượng hay đền thờ Thượng Công. Người Trung-Hoa đều tôn xưng danh hiệu «Phò-Mã Da Da miếu»

Tả quân vừa mất, Triều đình bãi bỏ ngay chức Gia-Định thành Tổng-Trấn, chia làm 6 tỉnh: Gia-Định, Biên-Hòa, Định-Tường, Vinh-Long, An-Giang, Hà-Tiên. Nguyễn-văn-Quế được bổ làm Tổng-Đốc Gia-Định, Bạch-xuân-Nguyên, Bồ-Chánh, Nguyễn-chương-Đạt, Ân-Sát. Việc làm đầu tiên của Bạch-xuân-Nguyên là phao rằng có mặt chỉ xét trị việc hà lạm của cố Tổng-Trấn Gia-Định và bắt bọn thủ hạ của Tả quân là Lê-văn-Khôi, Trầm Hoành để tra hỏi.

Viên Bồ-Chánh họ Bạch tra khảo Khôi rất dã man để buộc tội Tả quân Lê-văn-Duyệt 2 khoản:

- Sai quân Tả Định đốn cây làm cửa riêng
- Mờ ám trong việc chi tiêu.

Lê-văn-Khôi đã trình bày mọi lý lẽ để chống lại những lời buộc tội gắt gao của Bạch-xuân-Nguyên. Nhưng, họ Bạch vẫn ghép tội Tả quân về các thuộc hạ cũ là «ô quan» và hạ ngục. Hơn nữa, trong khi thẩm vấn, họ Bạch đã lớn tiếng mạt sát Lê-văn-Duyệt. Bọn Khôi mắng lại thì bị tra tấn cực hình.

Ở ngục thất, Khôi bỗng gặp lại bọn lính hồi lương 27 người, cùng nhau âm mưu thoát ngục. Kế hoạch đã vạch kỹ.

Ngày 18-5, Khôi xin phép về làm lễ giỗ cha. Án Sát Nguyễn-chương-Đạt vốn quen Khôi nề lời, y cho. Nhân dịp này, Khôi cùng thuộc hạ Trầm, Tú Tài Hoàn, Phó Vệ úy Bột, Phó Vệ úy Lực, Phó Quản cơ Đặng-vinh-Ung và lính hồi lương xông vào nhà Bạch-xuân-Nguyên giết viên Bố Chánh và toàn gia họ Bạch. Tổng-Đốc Nguyễn-văn-Quế đem lính đến ứng cứu cũng bị hạ sát, chỉ có Án Sát Đạt chạy thoát.

Cuộc hạ thủ thành công dễ dàng nhờ các lính hồi lương Thanh-Nghệ Bắc-Hà, lính tình nguyện người Nam đồng hương với Tả quân, có cảm tình với Khôi còn nhớ công đức của Tả quân.

Giết bọn quan lại xong, Khôi chiếm thành Phan-An không gặp trở ngại gì. Sau đó, Khôi cho kéo cờ đỏ có ghi chữ «chiếu an» tự xưng Bình Nam Đại nguyên soái, phong chức tước cho thủ hạ. Khôi tuyên cáo chính sách chiếu an, bảo đảm an cư lạc nghiệp cho đồng bào, nhắc nhở công lao của Tả quân đối với nhân dân Gia-Định Sài-gòn, công bố rằng: Hoàng Tử Đán, con trai Đông cung

Cảnh mới là người thừa kế chính thức của Cao-Hoàng.

Chính sách chiêu an và lời tuyên cáo của Khôi rất có kết quả. Hầu hết lính hồi lương, lính Gia-Định đều theo Khôi, nhiều người Trung-Hoa cũng sẵn sàng ủng hộ. Chiếm thành Phan-An xong, Lê-văn-Khôi sai quan quân thu phục 6 tỉnh Nam-Việt. Chỉ trong vòng 1 tháng, toàn cõi miền Nam đã vào tay Khôi. Nhưng, chẳng bao lâu vì sự bất hòa, mâu thuẫn nội bộ, Vệ-Úy Thái-công-Triều làm phản, mật sứ Triều đình xin dãi công chuộc tội, hạ sát Tả quân Sáu Khả, một tướng tâm phúc của Khôi. Triều lại đem quân bản bộ phối hợp với quân Triều đình đánh lại Khôi. Vừa bị phản, vừa bị tấn công hai mặt, Khôi biết thế không chống nổi, đóng chặt cửa thành, dự trữ lương thực chống cự. Tháng 12 năm 1833, Khôi mắc bệnh chết, con là Lê-văn-Cầu (Cu lớn) thay cha làm Nguyễn Soái kháng cự mãi đến tháng 7-1835 khi trong thành cạn lương thực, quân Triều đình mới chiếm xong thành giết 600 người, bắt 1878 người, 6 người bị bắt giải về Kinh (trong số này có 1 người Pháp Marchaud, 1 người Tàu Mạnh-Tôn-Giả và con của Khôi lên 7 tuổi) Trừ 6 người trên, tất cả lớn nhỏ đều bị chém, chôn chung 1 hầm gọi là mã ngục bia đề 6 chữ: Ngụy tặc nhất vông tính thu (loạn quân bắt chung một lưới, giết hết).

Chiếm lại được thành Phan-An Minh-Mạng xuống chiếu truy tội Tả quân Lê-văn-Duyệt. Năm 1835, y sớ của ngự sử Phan-bá-Đạt, Minh-Mạng giao cho đình thần luận tội kết án.

Triều đình nghị án 7 tội nên trảm:

- 1) Sai người đi riêng sang Điện-Điện cầu kết ngoại giao.
- 2) Xin giao tàu Anh-Cát-Lợi đến chành để tỏ có quyền.
- 3) Xin giết Thị-Vệ Trần-văn-Tĩnh để khóa miệng người ta.
- 4) Làm sớ xin giữ quan viên đã có chỉ Bộ dời đi nơi khác.
- 5) Lập đảng mà xin tặng thợ cho Lê-Chất.
- 6) Dấu chứa giấy ngự bản.
- 7). Mộ cha, tiếm gọi là «Lăng», đối với người ta tự xưng là «Cờ»

— Hai tội nên giáo (thất cớ):

- 1) Xin dung nạp Miến-Điện
- 2) Nói chuyện với người, ta xin được quẻ thẻ, có câu thơ «hoàng bào»:
 

«Giúp Hán há thua cùng tướng Hán  
 Phù Chu sao kém bọn tôi Chu»  
 Trần-Kiều nếu gặp cơn binh biến  
 Mãnh áo hoàng bào để ý nhan (ý bất trung)

Một tội nên phát quân:

— Tự tiện sai biên binh ta tàu thuyền. Sau hết: sự biến Phan-An, Tả quân Duyệt là đầu vạ, chiếu theo luật mưu phản, khép vào tội lăng trì.

Song Lê Tả quân đã mất, xin truy đoạt các sắc, phá quách, phân thây «để cho ai nấy đều biết Triều đình

xử rất công, rõ ràng, cái cân ba thước mà nghiêm như rìu búa nghìn thu...»

Còn như Tăng Tồ, Tồ phụ cũng bị truy đoạt các sắc, con cháu, vợ cả, vợ lẽ đều phân biệt nghị tội, tài sản bị tịch biên hết.

Xem xong đề nghị của đình thần, Minh-Mạng dụ rằng:

«Tội Lê-văn-Duyệt nhờ từng cái tóc cũng không kể hết, nói ra đau lòng, dù có bỏ quan quách mà giết thầy cũng là đáng. Suy nghĩ hấn chết đã lâu và đã bị truy đoạt quan tước, xương khô trong mộ bỏ gia hình. Vậy cho Tổng-Đốc Gia-Định đến chỗ mã hấn san làm đất phẳng, khắc đá dựng bia ở trên, viết những chữ lớn: «Quyền yêm Lê-văn-Duyệt phục pháp xử (chỗ này là nơi quyền yêm Lê-văn-Duyệt chịu hình phạt) để chính tội danh cho kẻ chết mà tỏ phép nước, làm gương cho kẻ quyền gian muôn đời. Còn đối với thân tộc thì gia ân cho hưởng án trầm giam hậu (lên án chém nhưng còn đợi xét). Vụ xét án kéo dài đến năm 1838, mùa thu năm đó hầu hết thân tộc Lê-văn-Duyệt đều bị phát phối sung quân, riêng 2 vị phò mã Lê-văn-Yên, Lê-văn-Tề, con của Lê-văn-Phong gọi Tả quân bằng bác ruột bị lên án chém. Tả phu nhân Đỗ-thị-Phẩm miễn tội.

Liệt truyện Quốc Sử Quán tại Triều đình Huế có ghi thêm giai thoại:

«Từ năm Minh-Mạng thứ 16, sau khi Phan-An thành bị hạ, gặp đêm thanh vắng hay lúc trời âm u, người ở gần mộ Lê Tả quân có nghe tiếng ma rên quý khóc, có tiếng ngựa xôn xao khiến cư dân chẳng dám gần,

kẻ đi đường cũng lánh xa. Đến lúc phần mộ được trùng tu thì những tiếng rí rên kia mới được êm dứt...»

Năm Tự-Đức nguyên niên (1848) có quan Đông-Các Đại học sĩ làm sở tâu xin gia ân cho bọn con cháu Lê-văn-Duyệt, Nguyễn-văn-Thành, Lê-Chất:

«... Bọn Lê-văn-Duyệt, Nguyễn-văn-Thành, Lê-Chất đều có lòng theo quân, đội gió không pha chốn mũi tên hòn đạn, thân làm đến đại tướng, tước đến Quận công, sau hoặc vì con dại, hoặc vì cây công mà làm thành tội. Dù bọn Nguyễn-văn-Thành, Lê-văn-Duyệt có tội thì tội đã trị rồi mà công thì không hỏi đến chẳng hóa ra cái công bách chiến mà để đến nỗi các oan hồn phải trở vợ như ma trôi ngoài đồng khác nào quý ma ngao không ai thờ cúng...»

Vua y lời tâu. Năm sau, 1849 dạy hủy tấm bia phục pháp xứ và sai xã sở tại xây đắp lại mộ của Tá quân và phu nhơn.

Khi Tá quân Lê-văn-Duyệt được giải oan, hương chức Long-hung (Rạch-gầm) có đưa ra trình diện một người cháu trai của Lê-văn-Phong (em ruột Tá quân) tên là Lê-văn-Miến lâu nay ẩn trốn. Năm Tự-Đức 21 (Nhâm-Thìn 1868) vua mới cho truy phục nguyên hàm cho Tá quân Lê-văn-Duyệt là «Võng-các Công Thần Chương Tá quân Bình Tây Tướng quân quận công» được thờ ở Trung Hưng Công thần miếu.

#### IV NHỮNG CÁI NHÌN VỀ LÊ-VĂN-DUYỆT

Người đầu tiên đã có nhận xét đúng về Lê-văn-Duyệt và tiền cứ Tá quân với Nguyễn-Vương là Khâm sai Chương-Tượng quân Nguyễn-đức-Xuyên : «Theo ý tôi, Phúc chỉ có



ức khỏe, Phúc không bằng Duyệt, người vừa có sức khỏe  
vừa làm mưu cơ».

— Vua Minh-Mạng khi nghe báo tiếp Lê-Tổng-Trấn dẹp  
được giặc Sãi, có phán với Lê-Chất «Quân sãi (Thổ) làm loạn  
đến Nam-Vang, quan Trấn giỏi khiến tướng, xuất binh trị  
đó tận gốc, thật chẳng phụ cái trách nhiệm «Trường thành  
trong ký» Duyệt đáng thay Trẫm ở Nam phương mà tùy  
nghĩ hành xử. Trị dân có ân có uy, thật là một bức lương  
vương của Quốc-gia». Năm 1830, Tả quân xin về hưu, vua  
cho xuống dụ giữ lại: «Ta đã rõ người có lòng nhớ Chúa  
muốn về châu. Người tuy ở ngoài trấn mà có lòng nhớ đến  
Chúa luôn, ta đã rõ người rồi. Còn ta, ta để người ở ngoài  
một nhọc đã lâu cũng muốn gặp chơ thỏa lòng trông mong  
nhưng nghĩ vì Gia-định là chỗ trọng yếu của Quốc gia, Xiêm-  
La còn dòm ngó, Chân-Lạp còn chưa thần phục, dân tình chưa  
định, nay được người trấn ở đó để cho ta khỏi lo về  
phía Nam . . . »

— Michel Đức Chaigneau (con trai viên si quan Jean  
Chaigneau Nguyễn-văn-Thắng trong Souvenirs de Huế (Kỷ niệm  
ở Huế) có nghe cha kể lại những chuyện về nhân vật triều  
Nguyễn dưới triều Minh-Mạng có đoạn nói về Tả quân Lê-  
Tân-Duyệt: «Tả quân là một người có nghị lực siêu quần, một võ  
tướng trí dũng song toàn, một nhà cai trị dân có uy, có ân, ai ai  
cũng kính nể nhưng rất nên phục vì người công bình chính trực».

— Một người lái buôn Hồng-Mao tên Finlayson từng ghé  
qua Sài-gòn, năm 1812 có tả thành phố này dưới thời Tổng-  
Trấn Lê-văn-Duyệt: «Thành phố này làm cho du khách ngạc  
nhiên. Chúng tôi đi hàng mấy hải lý mà chưa hết nhà cửa.  
Nhà làm sát nhau, theo hàng dài; Đường sá rất rộng. Có  
nhiều lạch như mắc cửi. Phố xá ở đây còn phong quang, theo

tôi, hơn nhiều kinh đô Âu-châu. Dân cư rất đông đúc. Sự phát triển thành phố này và cả một thành phố bên cạnh (Chợ Lớn) đã tiến khá mạnh với chính sách thanh liêm nhưng cực kỳ nghiêm khắc của ông Khâm-sai Tá quân Lê-văn-Duyệt».

— John White, người Mỹ chỉ huy trưởng tàu hai cột buồm Franklin, người đầu tiên bước chân tới Việt-Nam đã từng được Tổng-Trấn Lê-văn-Duyệt tiếp kiến đã ghi lại hình ảnh Tá quân qua thiên ký sự « . . . Quan lớn nói chuyện với tôi rất tự nhiên, bỏ hết mọi kiểu cách long trọng cao quý. mọi nghi lễ về địa vị lớn lao của ngài. Chiến tranh, chính trị, phong tục, kiểu cách tại các nước Âu châu là đề tài mà quan lớn đặc biệt chú trọng. . . »

— Đại-Nam Nhất Thống chí, bản chữ Hán ấn hành 1909 (Tu Trai Nguyễn-Tạo dịch 1964) trong phần nhân vật có nhận xét về Tá quân Lê-văn-Duyệt « . . . Ông sinh ra vốn không có bộ máy sinh dục (chữ Hán gọi ần cung) có tính thâm trầm dững mãnh như con chim chí lại có tài thiên chiến»

— Trong phần sử liệu về chánh tích của Tổng-Trấn Gia-Định Lê-văn-Duyệt, sử gia Nguyễn-thiện-Lân đã viết :

«Lê-văn-Duyệt là một danh nhân lịch sử của nước Việt Nam và thứ nhất của miền Nam bấy giờ. Không những ngài là một tướng giỏi nhiều phen xông pha ngoài mặt trận trong cuộc nội chiến giữa Chúa Nguyễn-phúc-Ánh và nhà Tây-Son, ngài là một người tổ chức chính trị cho đất Nam này, sau khi dân chúng điêu linh hơn 20 năm binh lửa, đem lại an ninh, cơm ăn, áo mặc cho nhân dân trên đồng bằng sông Cửu-Long, đó là sự nghiệp xây dựng của Gia-Định thành Tổng

Trần Lê-văn-Duyệt. Lê Tông Trần đã chứng tỏ cho chúng ta biết rằng ngài không những là nhà cai trị giỏi mà là nhà quân sự, ngoại giao nhìn xa thấy rộng để bảo vệ toàn cõi Gia-Định ».

Và cũng trong Quốc sử tạp lục (Khai-Trí Saigon xuất bản 1970) sử gia họ Nguyễn, bằng lời văn ý nhị sâu sắc, với những nhận xét chính xác đã hết lời ca ngợi công trình cộng đồng vĩ đại của nông dân và quân đội Việt-Nam dưới sự lãnh đạo của Tông - Trần Lê-văn-Duyệt trong việc đào sông Vinh-Tế trên 100 cây số dọc biên thùy Cao-Miền từ 1819 đến 1824 đem nước ngọt sông Cửu-Long về đồng ruộng:

... « Bây giờ ta tới Châu-Đốc, tỉnh lý vui vẻ. Ta nhờ một chiếc thuyền chở hàng cho ta theo cặp bến đê cát hàng rồi lại đến Hà-Tiên, một lý sở đẹp. Ta nằm trên thuyền to ở đầu mũi nhìn trời, nhìn mây, nhìn nước, nhìn các mương lấy nước sông Cửu-Long vào ruộng. Ta nhớ ơn ông cha ta ngót 40 ngàn người đã tốn hàng năm đào con sông này dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Gia-Định Tông-Trần Lê-văn-Duyệt từ 1819 đến 1824 «Quốc Sử tạp lục trang 325».

— Giáo-sư Đại-học Lê-dình-Chân trong cuốn biên khảo «Cuộc đời oanh liệt của Tá-quân Lê-văn-Duyệt (Phò Thông xuất bản 1956) đã viết như sau:

«Lấy tâm lý mà xét thì những người có thân thể cường tráng (Duyệt tuy thấp bé nhưng rất khỏe) mà lại mắc tật ăn cung bao giờ cũng ưa hoạt động chân tay hình như dễ cho sinh lực dồi dào có lối xuất phát. «Có lẽ vì lẽ sinh lý đó mà Duyệt không sao chịu nổi cuộc đời tù hãm cây cỏ của một thư sinh mà chỉ ưa leo cây, học võ, săn bắn, chơi gà, tóm lại toàn



là những trò chơi hiển cho thân thể những dịp hoạt động, ấy cũng là lễ thường của trời đất».

Giáo-sư Chân cũng đã nhận xét chung về Lê-văn-Duyệt trong cuốn biên khảo về Tả-quân như sau: «Từ ngót ba chục năm cầm vận mệnh miền Nam, Lê-văn-Duyệt đã tỏ ra là một nhà cai trị nghiêm khắc nhưng công bằng. Dưới đời Tả quân, nhân dân được yên ổn làm ăn, lúa gạo sản xuất rất nhiều, nhân dân không biết đói rét là gì. «Bội gian phi không những không còn mà mầm gian phi cũng bị Tả quân nhổ sạch hết với chính sách đồn điền.

Về phương diện nội trị thì như vậy. Còn về phương diện ngoại giao thì Tả quân đã phụng mệnh nhà vua đưa vua Cao-Miên về nước, đem đạo binh lên đóng Nam Vang.

Tóm lại, những thắng lợi lớn lao của Nguyễn Vương đều là công trạng của Tả quân. Trong bài tôi theo Gia-Long, Tả quân là người vừa trung thành vừa hiền hách nhất»

(Cuộc đời oanh liệt của Tả quân Lê-văn-Duyệt, tác giả Lê-đình-Chân)

Thân thể và sự nghiệp của Tả quân Lê-văn-Duyệt qua cái nhìn của một nhà thơ lớn miền sông Hương núi Ngự được cô đọng trong 4 câu thơ với tất cả lòng kính phục :

«Trăm trận gian nan là trang danh tướng  
 Trung cang nghĩa khí là vị danh hiền  
 Hương hoa, lễ bạc đừng quên  
 Đi ngang Gia-Định viếng đền Tả quân

(Ung-Bình Thúc - Giã-Thự)

**Thái - Sư**  
**Trương - Đăng - Quế**  
**(1793 - 1865)**

Đền cũng là lễ Thượng Hải

Ảnh: ĐẶNG TÙNG



cái như của một nhà thờ lớn miền sông Hương tại Huế  
cô đang trong 4 Mỹ-Kê xưa êm đềm, quê hương của  
Thái sư Trương dãn Quế  
Thiền trên giàn

## I.— THÂN THỂ

### 1) Nguồn gốc dòng họ Trương

Theo gia phả còn lưu, dòng họ Trương nguyên ở xã Phước-Long, huyện Thạch-Hà, phủ Hà-Ba (tức Hà-Thanh) Hà-Tĩnh.

Thi tổ là Trương-dăng-Nhứt và con là Trương-dăng-Trường ứng nghĩa vào Nam phò nhà hậu Lê đời Lê-Thần-tôn Tuyên Hoàng-Đế, Vinh-Tộ năm thứ 5 (1624), chúa Sãi, Thụy quận công Nguyễn-phúc-Nguyên.

Đến Quảng-Ngãi gia đình định cư tại xã Mỹ-Kê tây, Tổng Bình Châu (Tịnh Châu) huyện Bình-Sơn (hiện Sơn-Tĩnh).

Trương-dăng-Nhứt khi chết được chôn tại Bàu Cò, Tư Cung bắc (nay thuộc xã Sơn Quang, quận Sơn Tịnh, tỉnh Quảng-Ngãi). Theo gia phả ghi: Khi ông mất, con cháu khiêng ngang qua một cánh đồng đến một khoảng có nước, nơi có rất nhiều cò trắng bay về đậu kiếm mồi, tới đây thì đứt dây. Một ông lão bỗng xuất hiện, cầm gậy vẽ xuống đất (chỗ cò trắng đang ăn) bảo đem quan tài chôn ở đó rồi biến mất. Các con cháu y lời đem chôn chỗ ông già chỉ vẽ.

Về sau Bàu cò này bởi cao lên, cây cối mọc chung quanh mộ um tùm. Các rễ cây bao quanh mộ, vòng lại như xây thành.

Ngôi mộ Bàu Cò trở thành ngôi mộ tổ của dòng họ Trương tại Quảng-Ngãi. Hằng năm con cháu viếng thăm nhưng khỏi tảo mộ vì má vẫn sạch sẽ khác thường.

Đông họ Trương còn có ngôi mộ nổi tiếng toạ lạc tại Trà-Sơn, xã Sơn-Long, Sơn Tịnh đó là ngôi mộ ông Cai



Trương-dăng-Hưng (cháu nội của Thi Tồ Trương-dăng-Nhứt) Ngôi mộ này gọi là «mộ lùm» còn tên nữa là mộ báo ân, đề tài cho giai thoại «mã lùm phát công hầu».

Giai thoại kể rằng:

Cháu nội của Thi Tồ Trương-dăng-Nhứt là Trương-dăng-Hưng đến lập nghiệp tại làng Phú-Nhơn, làm nông, khai phá ruộng rẫy. Gặp mùa gió lớn ông Hưng có đến đốn một cây đại thụ bị trốc gốc. Trong khi đốn ông Trương-dăng-Hưng đào gốc, gặp được 1 chum vàng chôn dưới gốc cây. Hai ông bà khiêng chum về đào lỗ chôn, cất trong nhà mãi đến 10 năm sau mới thấy con cháu của người Tàu có của đến tìm hỏi.

Vợ chồng Trương-dăng-Hưng vui vẻ trả lại nguyên chum vàng cho con cháu người có của. Người này bằng lòng chia hai số vàng trên nhưng ông Trương-dăng-Hưng nhất quyết chối từ dù kẻ có của đã năn nỉ đòi ba lần, có khi phải dấu số vàng trong bánh «tét» để trả ơn nhưng vốn thật lòng không ham của phi nghĩa nên cây bánh tét có vàng cũng được trả y nguyên cho chủ nó. Cuối cùng, người tàu ấy, một nhà địa lý tinh thông xin trả ơn bằng cách chọn một ngôi huyệt mã cho dòng họ Trương giữa cảnh núi đồi chập chùng như hình con thỏ long đang trườn mình qua vùng đất làng Trà-Sơn.

Huyệt mã nằm giữa một đồi cây, mộ đắp đất, bên cạnh mộ có một mộ nhỏ của tên hầu cận người Thượng trung thành. Bên đó có hai mộ nhỏ nghi trang. Đây là nơi an nghỉ cuối cùng của Trương-dăng-Hưng. Ngôi mộ gọi là mộ lùm, đặc điểm không có một rễ cây nào ăn thông vào

và mộ luôn luôn sạch sẽ như có kẻ quét dọn hằng ngày (Trước năm 1963, mộ này là 1 thắng cảnh ở Trà Sơn được nhiều người viếng thăm).

Và đúng như lời thầy địa lý đã dự đoán, kể từ ngày thi hải ông Trương-dăng-Hung được chôn tại huyệt «mã lùm» thì dòng họ Trương phát công hầu theo câu: «Đợi đợi công hầu, nhưt đại vương (ứng nghiệm vào Trương-dăng-Quế và con trưởng là Trương-quang-Trụ (Phò mã Đô-Úy tước Tuy Thanh hầu lấy An-Mỹ Công chúa, rề vua Thiệu-Trị) Nhưt Đại Vương đây có lẽ ứng nghiệm vào vua Tự-Đức chăng ? Ông vua mà câu chuyện ngoại sử và lời khẩu truyện tin rằng vốn thuộc dòng họ Trương. Tuy nhiên theo lời ông Trương-Quang-Trụ, giáo học, Trưởng nam phái I dòng họ Trương, người đang còn giữ gia phả thì quả quyết đó là một sự xuyên tạc do một số người trong hoàng-tộc dựng lên vì ganh tị thấy vua Tự-Đức tôn kính như bậc cha mẹ (Trương-dăng-Quế từng là thầy của vua và nhiều Hoàng thân vừa là cố mạng lưỡng thần do di chiếu của vua Thiệu-Trị).

## 2) Tiểu sử của Trương-dăng-Quế.

Trương-dăng-Quế tự Giêng Phương, bút hiệu Quảng-Khê là con thứ 5 của Trương-dăng-Phát, sinh ngày 01 tháng 11 năm Quý-Sửu (1793) tại Mỹ-Kê tây huyện Bình-sơn (nay thuộc xã Sơn-Mỹ, Sơn-Tĩnh, Quảng-Ngãi).

Tướng mạo Trương-dăng-Quế khôi ngô, mũi trái mắt, giọng nói chuông, tính tình khoan hòa, thận trọng, nếp sống thanh bạch, chí khí hiên ngang, lòng trung hậu, yêu nước chân thành.

Thuở thơ sinh ông học giỏi, năm 27 tuổi đậu Hương

Tiến (Cử nhân) khoa Kỷ-mão (1819) triều Gia-Long thứ 18. Trương-dăng-Quế là người khai khoa cho tỉnh Quảng-Ngãi, cháu ông là Trương-dăng-Trinh, đậu Tiến-sĩ Nhâm-Dần, Thiệu-Trị năm thứ 2 cũng phát khoa cho Quảng-Ngãi về khoa thi hội (1843)

Tuy chỉ đậu Hương-Tiến, nhưng Trương-dăng-Quế học rộng, thông suốt kinh sách, thơ văn lối lạc, có lưu lại tác phẩm «Học văn dư tập».

Gia phả họ Trương có kể lại giai thoại trên đường ra Huế dự kỳ thi hương, ngang qua đèo Hải-vân Trương-dăng-Quế đã ngẫu ngâm :

«Quét mục Đông minh duy hữu hải

Hồi đầu, Nam nhạc cánh vô sơn

(Trước mắt nhìn chỉ thấy biển Đông-Hải (Nam-Hải) là rộng hơn tất cả. Quay đầu xem các núi ở miền Nam không có núi nào cao bằng núi ở Hải Vân).

Dựa trên ý hai câu trên, người ta nói 2 câu ngẫu ngâm đó có ứng nghiệm với thân danh và sự nghiệp của Trương-dăng-Quế sau này.

Trương-dăng-Quế có 3 bà vợ :

**Bà Tiên thất :** BÙI-THỊ-HƯƠNG (Nhất phẩm phu nhân) quê xã Châu-Me, Bình-Sơn. Bà sinh hạ 1 trai, 2 gái :

— Trương-quang-Trụ, Phò-Mã Đô-úy, trước Tuy-Thạnh hầu, lấy An-Mỹ Công chúa con thứ tư của vua Thiệu-Trị.

— Trương-thị-Ân có chồng là Ân-Sát Quảng-trị Nguyễn-Điền.

— Trương-thị-Thứ vợ Tùng-Thiện-Vương; con thứ 10 của vua Minh-Mạng.

**Bà Chánh thất** (Nhất phẩm phu nhân) là Quận chúa Ngọc-Lê con ông Phúc Long Công (chú ruột vua Gia-Long)

Bà sinh hạ 4 trai :

— Trương-quang-Đãn—Tú-tài, Tham Quán Vụ, Thái Tử Thiếu Phó, Đông-Các Đại-Học-Sĩ, Sử quán Tổng Tài, Kinh giềng giảng quan, Quản lý Quốc-tử-glâm, Cơ mật viện Đại-thần, phụ chánh Đại Thần triều Đồng-Khánh, Chánh Chủ Khảo trường thi Nghệ-An. Trương-quang-Đãn tên chữ Tứ-Minh, tác giả Cúc Khê thi tập mất ngày 28 tháng 8 năm Thành-Thái 9 (1897) thọ 82 tuổi (tác phẩm Cúc Khê thi tập hiện còn lưu nơi ông Trương-quang-Hoài (Huế) Trương-quang-Huấn (Mỹ-tho).

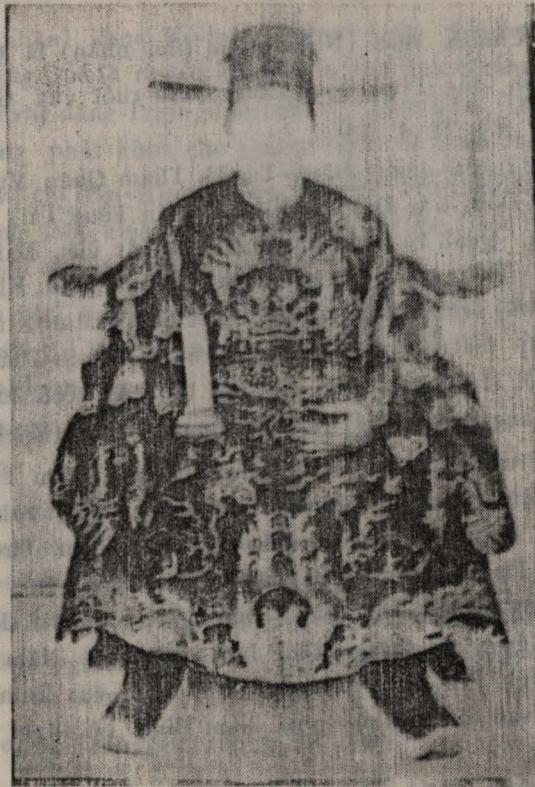
— Trương-quang-Đề có tài biện luận, năm Tự-Đức 18 Chủ sự viện ngoại bộ binh. năm thứ 21 cùng anh Trương quang Đãn tòng chinh ngoài Bắc giữ chức Tán Trương quân thứ, năm Tự Đức 25 (1872) chống đối Thống Đốc Hoàng-tá-Viêm bỏ việc quân, bắt tuân lệnh bị bắt giải về Kinh sung Quân thứ, lập công, thăng Hồng Lôi tự Khanh. Năm 1885 nhà vua Hàm-Nghi ra sơn phòng Quảng-trị bị vua Đồng Khánh cách chức, sau được khôi phục hàm Binh bộ tham tri. Chết lúc 49 tuổi.

— Trương quang Diễm ; Tư vụ tại gia.

— Trương quang Du: Tán Trương Quân vụ sau cải Thượng Tá Tỉnh vụ Quảng Ngãi.

**3 Đệ tam phu nhân:** Bà Trần thị Đức sinh hạ Trương quang Duyệt làm Đề Đốc Kiểm Đốc Sơn Phòng.

Trương dăng Quế làm quan 3 triều (Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức) về hưu tháng 3 năm Quý Hợi, mất ngày 15 tháng 2 năm Ất Sửu (1865) tại nguyên quán Mỹ Khê tây



**Con thứ của Thái sư Trương Đăng Quế :**

**Tử Minh Trương quang Dân, tác giả 'Cúc-Khê thi tập',  
Đông Các Đại học Sĩ, Kinh Diên giảng quan, Quản lý  
Quốc Tử Giám, Cơ mật Viện Đại Thần, Phụ Chánh Đại  
Thần triều Đồng Khánh.**

Quảng Ngãi hưởng thọ 73 tuổi, tước Cần Chánh điện Đại học sĩ Tuy Thành Quận công trí sĩ.

Vua Tự Đức bãi triều 3 ngày, truy tặng hàm Thái sư cấp 2.500 quan tiền, lụa, sai đem rượu thượng phương và 1 bài thơ tới nhà ban tế, cho dựng bia ở phần mộ khắc 11 chữ «Lưỡng triều cố mạng lương thần Trương văn Lương chí mộ» (thụy hiệu Trương dâng Quế là Văn Lương)

Vua truyền chỉ chôn cất phát tang sẽ cho thờ ở Thế miếu theo lời Tiên Đế.

Các vị hoàng thân, Công chúa, các quan tại triều, sĩ phu trong nước tặng rất nhiều liễn đối. Tuy lý-Vương có làm bài văn chạm đá dựng bia trước mộ Trương thái sư.

Hằng năm vào ngày 13, 14 tháng 2 âm lịch, là ngày giỗ, con cháu họ Trương khắp nơi về hầu kỵ đông đảo. Các thôn, xã sớ tại lo trang hoàng lễ nghi, tế lễ. Trước 1945 thường lệ cai quan tỉnh, phủ, huyện về bái kỵ có mang theo phẩm vật của Triều đình, việc cúng tế rất tôn nghiêm và trọng thể.

## II SỰ NGHIỆP

### 1) Hành trình hoạn lộ:

Trương-dăng-Quế bắt đầu nhậm chức Hành Tẩu Bộ Lễ vào năm Minh-Mạng nguyên niên (1820) rmg là Đông-cung Ban Độc (người ban chỉ dẫn cho Đông cung Hoàng Tử (sau này vua Thiệu-Trị) và các Hoàng thân Vinh-Trừng, Vinh-Thuận, Phước-Bình, Phụng-Xuân) phụng sự 3 triều, trải 43 năm, kết thúc cuộc hành trình hoạn lộ vào năm Quý Hợi (1863) với chức Phụ chánh Đại thần, Cần chánh Điện Đại học sĩ,

Tuy Thanh Quận công.

Trương-dăng-Quế dạy rất vừa ý vua Minh-Mạng được ngợi khen và thăng thưởng Bưu Thiếu Khanh, quản lý các việc ở phòng văn thư. Năm Minh-Mạng thứ 11 (1830) thăng Thị Lang bộ Công dời qua bộ Lễ, chủ khảo cuộc thi sát hạch giáo chức các tỉnh. Năm Minh-Mạng thứ 12 (Tân-Mão) 1831, ông phụng mệnh ra Bắc định đoạt việc tổ chức quân lính, trở về được thăng Tham Tri bộ Hộ sung chức Độc quyền các khoa Điện thí, thăng Thượng thư bộ Binh giữ ấn Đô-sát Cơ mật viện Đại thần, năm Minh-Mạng 14 (1833) gia hàm Thái tử Thiếu Bảo sung chức chủ khảo trường thi Hội.

Năm Minh-Mạng thứ 16 (Ất Vị) 1835 sung Kinh lược Đại thần vào khám đặc điền thổ 6 tỉnh Nam kỳ, trở về được vua Ủy lạo ban rượu, 1 cặp cá đực bằng vàng thăng Hiệp Biện Đại học sĩ lãnh Binh bộ Thượng thư sung Cơ mật viện Đại thần như cũ.

Năm Minh-Mạng 17 (Bính thân 1836) ông sung chức Thanh-hóa Kinh lược sứ dẹp giặc Lê-duy-Hiền ở miền thượng du tỉnh Thanh. Tháng 3 Đinh Dậu (1837) dẹp yên giặc Thổ, trở về lãnh chức cũ. Năm Minh-Mạng 19 (Mậu-Tuất 1838) ông được kiêm Quốc tử giám, Chủ khảo khoa thi hội, độc quyền trường Điện thí, năm Minh-Mạng thứ 20 (1838) được tấn phong Tuy thanh Nam. Năm thứ 21, vâng cố mạng (di chiếu nhà vua) sung chức Phụ chính.

Niên hiệu Thiệu-Trị thứ nhất, xét Trương-dăng-Quế có công giúp nhà vua nên được thăng Văn minh điện Đại học sĩ gia hàm Thái bảo Quản lý Bộ binh, Cơ mật viện, kiêm chức Tổng tài Sứ quán,

Vua phán «Khanh là vị cố mạng lương thần do tiên Đế

đề lại giúp Trầm, có điều gì sai lầm cứ trước mắt can gián  
dừng sợ quả trách»

Năm Thiệu-Trị thứ 2 Nhâm-Dần (1842) xét loạn ở  
trấn tây được yên ổn là do Trương-dăng-Quế có công trừ hoặch  
khi ấy đúc súng ghi hình tượng võ công có chạm tên ông vào  
bầu pháo «Bảo đại định công nhất vị». Năm Thiệu-Trị thứ  
2 (1842) tấn phong Tuy thành Tử, vua Thiệu Trị có sắc dụ  
«. . . Trương-dăng-Quế là vị lương bá, tấn phong tước Tử và  
thưởng cho đồng nhất hạng kim tiền có dây cột đúc hình  
long phụng, 20 lượng bạc, một nhẫn bằng ngọc đá kim can  
của vua dùng. Tháng 9 năm 1847 lại vàng di chiếu làm Cố  
mạng lương thần sung chức Phụ chánh Đại thần. Năm thứ  
nhứt, niên hiệu Tự-Đức (Mậu thân 1848) Trương-dăng-Quế  
được thăng Cận chánh điện Đại học sĩ tấn tước Quận Công  
sung Kinh Diên giảng quan.

Từ 1850 đến 1863 ông đã 6 lần dâng sớ xin về hưu  
nhưng đến lần cuối. Tháng 3 Quý Hợi (1863) mới được vua  
Tự-Đức chuẩn y. Vua ban cho ông một bài thơ, sâm, quế,  
vàng lụa các hạng. Đến ngày về quê, vua khiến các đình  
thần làm tiệc tiễn đưa, lại cho mỗi năm vẫn được lãnh bán  
bông, quan tỉnh sở phải thường lui tới hỏi thăm. Trương-  
dăng-Quế về hưu tại nguyên quán Mỹ Khê tây, tháng hai  
năm 1863, gần 2 năm sau thì từ trần.

## 2) Một quân công của Trương-dăng-Quế

«Giặc tuy đã dẹp mà các mang sách chưa bình định,  
cũng chưa bắt được thằng đầu đàn nào, bây giờ muốn tìm  
bắt cho hết cũng khó chi bằng giao nhiệm vụ ấy cho thổ dân,  
dùng chúa người Mọi đánh người Mọi thì thành công được»



Trên đây là lời của Trương-dăng-Quế, một trong những mưu lược của vị đại thần, đã giữ vai trò trọng yếu suốt 3 triều vua, người đã đứng về phe chống đối hòa ước Nhâm tuất (5-8-1862) đã bác bỏ lời nghị hòa của Khâm sai Nguyễn bá-Nghi (người Mộ-Dức, Quảng-Ngãi) kiên quyết chống Pháp dù có tin đồn Kỳ-hòa và thành Mỹ tho bị thất thủ. Khoảng tháng giêng Tân-Dậu (1861), người đã gián tiếp, ngầm ngầm ủng hộ các lực lượng kháng chiến chống Pháp do Bình Tây Đại nguyên soái Trương-công-Định cầm đầu. Sau đây là một quân công tiêu biểu cho tài năng của Trương-dăng-Quế:

Sứ chép: vào năm Bình-thìn (1836) tháng chạp, Vua Minh-Mạng cho Cơ mật viện Đại thần Trương-dăng-Quế sung Kinh lược sứ Thanh-Hóa, có Đoàn-Uần và Nguyễn-dăng-Giai sung chức Phó sứ.

Sứ mạng chính là dẹp giặc Lê-duy-Hiền ở miền thượng du Thanh-hóa đang nổi lên chống nhà Nguyễn.

Thật ra đó là cuộc khởi loạn của người Mường-Thái, căn cứ tại miền núi, lấy chế độ phong kiến địa phương, chế độ quan Long chống lại sự tập trung chính quyền Việt-Nam, đem Lê-duy-Hiền con cháu nhà Lê ở miền núi Ninh-Bình ra làm chính nghĩa.

Lê-duy-Hiền xưng «Đại Lê Hoàng thân hiền công» đúc ấn, đặt quan, mật dụ những thổ ti, thổ mục ở Quang-Hoài, Cẩm-Thùy ở Thanh-hóa hẹn kỳ khởi nghĩa.

Lê-duy-Hiền phái Quách-phú-Thành, Đinh-kim-Bảng xúi Phạm-công-Nho đem đồ đảng hơn 5.000 người giết Tri châu Tô-danh-Cần ném thây xuống sông.

Vua Minh-Mạng bằng cho Tạ-quang-Cự làm Kinh lược

sứ đạo Ninh-Bình, Hà-duy-Phiên làm Tham-tán. Bây giờ sự đánh dẹp rất khó khăn, tướng giặc là Hi-công-Kim hợp với Phan-thúc-Liêm, tụ chúng hơn 1000 người từ châu Lung-Chính kéo xuống huyện giết Tri châu là Hồ-tổ-Thiện; lãnh binh ở Thanh-Hóa là Nguyễn-văn-Kỳ ở Ái-Chữ bị Phạm-công-Nho bao vây. Sự chép quân ta chết và bị thương rất nhiều.

Vì thế giặc còn mạnh nên vua Minh-Mạng phái Cơ mật viện Đại thần Trương-dăng-Quế làm Kinh lược Thanh-Hóa.

Trương-dăng-Quế đóng quân ở Lung-chính, một mặt dẹp giặc mặt khác an dân, chia quân đóng ở các nơi, đồng thời Tạ quang-Cự tấn công giặc ở Ninh-Bình.

Vào tháng 3 năm Đinh Dậu (1837) tình hình về phía triều đình có vẻ khả quan. Tướng giặc Phạm công Nho bị bắt, đóng cũi đem về kinh, vợ con hai tên Quách tất Công, Quách tất Tri cũng bị bắt. Phạm-công-Nho bị bắn chết, bỏ đầu vào thùng đem về kinh. Rồi chính Lê-duy-Hiến và Hoàng-dông-Nguyệt cũng bị bắt cần lười tự tử.

Sau đó, Trương-dăng-Quế về kinh, Tạ quang Cự cũng thu quân về. Đó là vào năm 1837. Theo sử gia Nguyễn-thiện Lân thì sự nổi loạn này kéo dài đến bảy tám tháng. Triều đình nhà Nguyễn đã phải vất vả rất nhiều. Lịch sử ghi tên Trương-dăng-Quế trong sự nghiệp dẹp giặc, an dân.

### 3) Trương-dăng-Quế và những ông vua nhà Nguyễn

#### a) Trương-dăng-Quế và vua Minh-Mạng.

Có thể ghi rằng vua Minh-Mạng đã biết sử dụng đúng chỗ tài năng của Trương-dăng-Quế, sớm trọng dụng ông trong chức vụ Đông-Cung bạn đọc, hết lời khen ngợi tài văn học

của Trương-dăng-Quế, cử ông làm chủ khảo sát hạch giáo chức các tỉnh, Độc quyền các khoa Điện thí, chủ khảo trường thi hội 1833, 1838, Tổng tài Sử quán.

Sau khi đọc lời tâu của Trương-dăng-Quế về sách lược trị an ở miền Thượng du Thanh-Hóa và biểu tâu xin giữ Bồ Chánh Nguyễn-dăng-Khải ở nguyên nhiệm sở Bắc-Ninh, Vua Minh-Mạng đã khen Trương-dăng-Quế là một vị đại thần mưu lược và có đại lượng.

Chính Trương-dăng-Quế đã chứng tỏ tài năng và đức độ của mình qua những trách nhiệm đã được giao phó.

Vua Minh-Mạng đã di chiếu cử Trương-dăng-Quế sung chức phụ chánh Đại Thần để tiếp tục giúp Vua Thiệu-Trị.

#### **b) Trương-dăng-Quế và Vua Thiệu-Trị**

Lúc lên ngôi, xét Trương-dăng-Quế có công lớn, Vua Thiệu-Trị cho thăng văn minh Điện Đại học sĩ gia hàm Thái Bảo, Quản lý Bộ binh Kiêm Cơ Mật Viện, tấn phong Tuy Thạnh Tử Vua phán «Khanh (Trương-dăng-Quế) là vị cố mạng lương thần do Tiên-Đế để lại, Trẫm có điều gì sai lầm cứ trước mặt can gián đừng sợ quở trách...» Khi có Dự chuẩn bị bỏ dụng các con quan đại thần, con trưởng của Trương-dăng-Quế là Trương-dăng-Trụ, tuy còn nhỏ nhưng được ăn lương ngang hàng thất phẩm. Ông Quế xin từ chối bổng lộc nói trên nhưng Vua không chuẩn.

Năm Thiệu-Trị thứ 2 (Nhâm-Dần 1842) Vua Bắc tuần, Trương-dăng-Quế được sung chức Ngự Tiên đại thần, sau khi làm lễ ban giáo xong, Vua dụ rằng: «Trương-dăng-Quế là một vị lương Bá, tấn phong lên tước Tử và thưởng một đồng nhất hạng Kim Tiền, 30 lượng bạc, 1 nhân bằng ngọc

dải của Vua dùng» Vua lại tự làm một bài chiếu đại ý nói: «Văn minh Diện Đại học sĩ Tuy-Thạnh Tử Trương-dăng-Quế xin cáo về làng thăm, cũng là một việc hiếu. Trẫm «Đã chuẩn y, xin về vài tuần, nay đã hết hạn, chắc là tháng sau về triều. Vua làm 1 bài thơ 8 câu sai Thị-Vệ đem tận nhà ban thăm để tỏ ý ưu đãi đại thần Bài thơ ngự Chế Cung dịch như sau:

«Nhớ Khanh việc nước được thông dong  
Xin phép về thăm cũng lễ công  
Giúp đỡ chín năm nhiều việc ích  
Phụng thờ hai chúa, tỏ lòng trung  
Nhớ lời Tiên-Đế còn ghi tạc  
Vắng mặt hiền-khanh bỗng động lòng  
Ưu đãi lão thần ta chuẩn cấp  
Bình an mau trở lại sân rồng»

Năm Thiệu-Trị thứ 6 (Bính-Ngọ 1846) Trương-dăng-Quế lâm bệnh, Vua Thiệu-Trị phán với Huỳnh-tế-Mỹ:

«Là người trung thành thỉ biết thương Vua. Muốn thương Vua thỉ trước hết phải bảo thân mình. Trương-dăng-Quế ngày đêm lo Âu, Trẫm vẫn biết, nên thề theo ý, Trẫm đã cho Khanh ấy an dưỡng».

Vua lại cho Trương-dăng-Trụ, con trưởng của Trương-dăng-Quế sánh duyên với người con gái thứ tư tức là An-Mỹ công chúa. Tháng 5 Bính Ngọ (1846) Vua tấn phong Trương-dăng-Quế tước Bá, khen ông hiền lương, trung chính, đặc ân cho một cái bài ngọc khắc 4 chữ «Cổ mạng lương thần» 4 chót sừng có hình thú đúc bằng vàng, lại ủy nhiệm Trương-dăng-Quế chức Tổng Tài đề tu chính tập văn qui về đời Vua Thiệu-Trị. Tháng 9 năm 1847, trong di chiếu phong Dực-

Tôn lên ngôi, Vua Thiệu Trị có viết: «Trương thái Bảo giúp Trẫm trị nước đã nhiều năm, nước thịnh, văn trị, võ thành, đem lòng trung yêu nước giúp Trẫm thì cũng phải đem lòng ấy giúp tự quân...» Trước khi băng, Vua Thiệu Trị có đòi cổ mạng lương thần Trương Đăng Quế và các đại thần: Võ Văn Giải, Nguyễn tri Phương, Lâm duy Hiệp. Ngài truyền đuổi mấy người tả hữu mà ban rằng:

«Ta nối nghiệp Tiên Đế 7 năm nay, ngày đêm lo lắng không dám thông thả vui chơi, mấy lâu se mình, hôm nay mệt lắm. Ta lo nghiệp lớn Tổ Tông phó thác cho ta nên ta phải lựa người nối nghiệp xã tắc.

«Trong mấy con ta, Hường Bảo tuy lớn nhưng vì thứ xuất mà lại ngu dãn, ít học, chỉ ham vui chơi, nối nghiệp không đáng.

«Con thứ hai là Phước Tuy Công, thông minh, ham học, giống in như ta, đáng nối nghiệp làm vua.

«Hôm trước ta đã phê vào tờ di chiếu đề tại long đồng các người phải kính noi đó. Đừng trái mạng ta...»

### c) Trương-dăng-Quế và Vua Tự-Đức

Trong bài «Mấy chi tiết về Trương đăng Quế (Quốc Sử tạp lục—Khai Trí xuất bản 1971), Sử gia Nguyễn thiệu Lâu đã nhận xét: «Trương đăng Quế về hưu năm Quý Hợi, (1863) Vậy suốt 16 năm, các công việc ở triều đình một phần lớn do tỳ Trương đăng Quế quyết định.

Vị Hoàng tử thứ hai Phước Tuy Công, Hường Nhiệm lên ngôi tại điện Thái-Hòa năm 1847 đặt niên Tự-Đức. Bảy giờ ngài mới 18 tuổi. Cho nên thời Vua Tự-Đức có một Vua Cai trị trẻ, một cổ mạng lão thành...»

Năm Tự-Đức nguyên niên (1848) Trương-dăng-Quế được thăng Cản Chánh Điện Đại Học Sĩ, tấn tước Quận công sung Kinh Diên giảng quan.

Nhà Vua rất ưu đãi Trương-dăng-Quế. Sau giờ giảng sách, ông Quế thường được mời lại ở uống trà. Vua hết lòng tín nhiệm vị cố mạng lương thần họ Trương, 6 lần vị đại thần này xin về hưu nhưng Vua vẫn giữ lại để chung lo việc nước.

Năm Tự-Đức nguyên niên (1848) thuyền buôn ngoại quốc ghé Việt-Nam chở số hàng trị giá 166.267 đồng bạc. Triều đình sai Đào-tri-Kiên mua. Trương-dăng-Quế xét việc ấy không lợi bèn cùng các vị chánh khanh trong 6 bộ tâu :

«Nước ta lâu nay chỉ dùng những vật quý bốn phương cống chứ chưa mua của nước ngoài bao giờ. Mà nay đem của cải có chừng trong nước mà đổi lấy hàng hóa e nhân dân trong nước phải đói . . . »

Vua Tự-Đức khen phải, thưởng một đồng tiền vàng.

Năm 1851 quân Pháp đánh đồn Gia-Định, quan quân ta lên đóng ở Biên-Hòa. Để quyết định vấn đề chiến hay hòa, vua Tự-Đức phái Thượng thư Bộ binh Nguyễn-bá-Nghi (cũng người Mộ-đức Quảng-ngãi) sung chức Khâm sai Đại thần vào Biên Hòa để quan sát. Nguyễn-bá-Nghi tâu : «Sự thể Nam kỳ chỉ có hòa mới được, chẳng thể sauh nhiều điều trở ngại khác»

Sớ này vua Tự-Đức giao cho Trương-dăng-Quế xem, ông đã tâu :

«Người Pháp muốn ở Gia-Định lại toan lấy Định-Tường, Biên-Hòa, hòa cuộc không xong. Trừ việc vừa đánh vừa giữ

皇帝敕諭領命良臣輔政大臣太保勤  
政殿大學士領兵部尚書克機密  
院大臣管理欽天監兼領國子監事  
務克史館正總裁盛郡公張登桂  
此次開設經筵經諭令開春擇吉舉  
行爰準爾以本職克經筵講官其  
一應合行諸事宜遵依議定奉行  
要宜妥據學術闡發宏猷用副朕  
好學右文至意欽此

嗣德元年拾貳月拾柒日

Năm Tự-Đức thứ 1, tháng 2, ngày 17 (1848) nhà Vua ra sắc dụ về trách vụ Kinh Diên giảng quan của Phụ-Chánh Đại-Thần Thái-Bảo Cẩn-Chánh Điện Đại-học-Sĩ Tuy Thạnh Quận Công Trương-dăng-Quế

(Tài liệu của giáo sư HUỲNH CHÂM)

thế thì không có chuyện khác được». Vậy là Trương-dăng-Quế cũng một ý kiến với Nguyễn-tri-Phương chủ trương phải kháng chiến lâu dài.

Năm thứ 6 Tự-Đức (Quý sửu 1853) Trương-dăng-Quế xin về thăm phần mộ Tiên linh, vua ban 2 bài thơ, cung dịch:

Đức nghiệp diên kinh vốn đã giàu  
Phụng thờ hai chúa lại thêm ngay  
Nặng lòng giúp nước quên đau hẳn  
Báo đức Tiên linh cũng thảo ngay  
Bờ liễu ngàn ngor cơn gió lặng  
Đêm trăng mơ mộng áng mây bay  
Duyên tra cá nước càng đắm thắm  
Vẻ gấm người xưa khéo đặt bày  
Xe bò thuận gió thẳng đường dong  
Bề rộng non đừng lấm nẻo trông  
Trước bệ bái từ người dạ cảm  
Quê nhà trở lại thỏa lòng mong  
Nêu cho làng cũ noi gương thảo  
Vinh đến Linh tiên ủy tấm lòng  
Sớm muợn bề rồng mau trở lại  
Trước thềm việc nước luận bàn chung

Tháng 6 Kỷ-vị (1859) năm Tự-Đức thứ 12, Pháp sai người đến bàn vấn đề nghị hòa. Sau khi đóng quân ở cửa Hàn và nhiều nơi khác, Pháp cố ý bắt buộc ta phải công nhận sự thất bại về quân sự với những điều kiện họ đưa ra. Nguyễn tự Giảng mật sớ không nên nghị hòa. Vua Tự-Đức hỏi quan Cơ mật, Trương-dăng-Quế tâu:

«Pháp xin 3 khoản: xin cắt đất, điều ấy quyết không



nên chịu — xin thông thương thì từ lập quốc đến nay đã có định lệ — xin dạy đạo Thiên-Chúa, thời Trần Lê cũng đã thế, nhậu gần đây cấm ước quá nghiêm nên chi chúng phải xin, bây giờ ta tha điều nghiêm cấm mà được nghị bình, yên dân thì hơn là tiêu họa . . . »

Năm Canh-thân (1860) Tự-Đức thứ 13, tháng 7, Trương-dăng-Quốc lại dâng sớ xin về hưu trí.

Vua chuẩn cho lấy nguyên hàm quản lý bộ Binh, sung Cơ mật viện Đại thần, Kinh diên Giảng quan. Hồ Bộ, Viện có việc gì lớn đều trình Trương-dăng-Quốc duyệt trước thư rồi sẽ tâu nhưng cho ở nhà dưỡng bệnh, hoặc 5 ngày, hoặc 10 ngày một lần vào chầu. Nếu có chính sự lớn cũng dự nghe. Vua lại cho phép Trương-dăng-Quốc được đi vãng tới ngoài cửa Nhật Tinh, Nguyệt-Anh dễ tiện vào chầu cho khỏi mệt nhọc.

Ngày Trương-dăng-Quốc về hưu (tháng 3 Quý Hợi 1863 Tự-Đức thứ 16) vua ban các thứ dưỡng lão : sách, 1 cặp lộc nhung, 5 củ sâm, 2 miếng quế thanh, nghiên đá cầm thạch chạm chim phụng, 3 cây viết, một ống khám dụng viết, 1 hộp mực, 4 viên, 1 hộp giấy hoa tiên 100 tờ, 1 giấy nịt vàng, 1 cây gậy chạm hình chim cư, một bộ đồ trà, 1 cái áo rộng tay, 1 áo vừa tay, 1 áo chật tay lót bông ngự hàn, 1 cái mền v.v. Vua khiến đình thần làm lễ tiễn đưa.

Vua Tự-Đức đã tỏ lòng mến mộ, luyện tiếc và ca ngợi tài đức của Trương-dăng-Quốc:

«... Xưa nay được một người tôi già có tài, có đức ít có, Trẫm cũng biết người Khanh bệnh yếu, e khó kiếm người thay. Vì có tài bất luận già trẻ, ưa nhau xin chớ phụ nhau. Nay đã đến ngày tiễn biệt nhau, gắng giữ cho tròn



Áo của Vua Tự Đức ban cho Trương Đăng Quế

cái chí cao thượng. Tiếc mãi người lão thành? Khanh về cũng nhớ ta không phải là an cảnh già mà quên được đau hưởng chí cơ trời không nhất định, ta cũng hay đau...»

Sau khi Trương-dăng-Quế về hưu, Vua Tự-Đức có ban cho bài thơ chữ Hán phiên âm như sau (có chụp nguyên văn chữ Hán trong tập biên khảo này).

«Kê đồn hữu thực thượng phi an  
 Thần thị hi ngư sức mỹ quan  
 Hóc hiêm giang thôn hoàng hải khốc  
 Xuân thu hạ mãn phục đông hàn  
 Lâm truyền dị thê trường sanh được  
 Lâu thượng nan cầu bất lão đan  
 Vị thức chung cùng sơn thủy tận  
 Long-thành, Trúc-dự khăng hồi khan

(bản dịch đăng trong Quốc triều Chính biên)

«Gà lợn, vì nuôi sợ chó ngày  
 Hướng gì trâu tế trọng lâu nay  
 Khe sông đáy biển càng lai láng  
 Xuân hạ rồi đây vẫn đổi thay  
 Hải thuốc trường sinh về núi dễ  
 Tim phương bất lão ở lâu gay  
 Biết chãng chóng gậy vui non nước  
 Còn nhớ Thăng-Long Dự trúc này!

Vua Tự-Đức\* còn bảo Trương-dăng-Quế, từ ngày về hưu có biết được gì hay, nghĩ điều gì quan hệ về việc lợi hại trong nước cho phép phát tạm tâu lên. Trương-dăng-Quế có tâu 5 điều:

— Dùng người giỏi giúp việc Chính trị

御製

寄賜在貫勤政殿

學士張登桂

雞豚有食尚非安矧是  
犧牛飾美觀墜險江深  
還海閩春舒夏茂復冬  
寒林中易采長生藥  
上雖夫不老丹未識支  
第山水秀龍城竹嶼肯  
回看

嗣  
陸年松  
宜  
歲  
拾  
肆  
日

Năm Tự-Đức thứ 16, ngày 24 tháng 10 (Quý Hợi 1863) sau khi Trương-dăng-Quế về hưu nhà Vua có ban cho Cẩn-Chánh Điện Đại-học-Sĩ Trương-dăng-Quế một bài thơ (xem phiên âm và bản dịch ở trong tập biên khảo này, đoạn: Trương-dăng-Quế và Vua Tự-Đức)

(Tài liệu của giáo sư HUỲNH CHÂM)

- Lo ngại Vua chưa có Hoàng tử
- Các tri huyện nhiều người chưa thạo việc
- Tiền của nhà Vua chưa đủ tiêu
- Nên tùy thời định ngạch quân lính lại

Vua Tự-Đức đều xem kỹ các điều tâu trên. Năm thứ 18 Tự-Đức (Ất-Sửu 1865) Trương-dăng-Quế đau nặng.

Vua sai đem sâm ban tặng, sai đình thần hỏi nếu có điều gì bổ ích thì ghi đem về kinh.

Trương-dăng-Quế đối diện với quan tỉnh nói rằng: «Tôi phụng sự nhiều triều được ơn nhiều, nay duyên phận đến thế này không ước điều gì nữa. Tôi chỉ nhớ ngày trước, lời thơ ngự chế có nhắc nhở... Việc làm không hợp đạo dám tâu lên. Bình sinh tôi học chỉ chừng nấy, mong tâu chọn mà dùng cũng bổ ích một ít...»

Tỉnh thần tâu lên, Vua giao cho cơ-mặt ghi vào sử.

Ngày 15 tháng 2 năm Ất-Sửu (1865) triều Vua Tự-Đức thứ 18, Trương-dăng-Quế từ trần, thọ 73 tuổi. Vua truyền bãi triều 3 ngày, truy tặng hàm Thái-Sư Văn-Lương, cấp 2500 quan tiền, gấm vóc, rượu thượng phương và 1 bài thơ (có chép trong Thi Sơ tập), đại ý: «một người tôi hiền đã thác rồi, làm cho trong nước đều kính ngạc. Thần hồn người đã về trên non cao không mấy đời tái sinh lại nữa. Đối với đời người thì gồm 4 chữ: Phước, Lộc, Danh, Thọ ghi trên mình sinh không thể hết. Đối với triều đình thì lương triều cố mạng ghi đủ trong quốc sử . . . Người về vườn không bao nhiêu ngày mà còn phải lo lắng đến nhiệm vụ, người muốn dốc hết lòng trung mà bị bệnh nên không hết tác dạ, chắc rằng người có âu lo nơi chín suối, mấy

御製

悼顧命良臣太保勤政殿

大學士充機密院大臣

經筵講官綏盛郡公贈

太師張文良

大星一隕馬羣驚松檝棲神幾

世生西得銘旌書不盡

兩朝顧命史增榮歸田日壽牽戎務

竭節心慄奈病情遙想黃泉遺

恨在墓前松檟肯西傾

嗣德拾捌年貳月貳拾陸日

Năm Tự-Đức thứ 18, tháng 2 ngày 26 (1865) nhà Vua tự tay thảo lời ca ngợi công đức của Thái sư Trương-văn-Lương (thụy hiệu của Trương-dăng-Quế)

(Tài liệu của giáo sư HUỲNH CHÁM)

cây sò trước mộ cảm động mà khuynh hướng theo người...»

Vua sai tỉnh thần mang rượu tới nhà ban tế, tuyền thợ xây mộ, bia đề : «Lưỡng triều cố mạng lương thần Trương văn-Lương chi mộ»

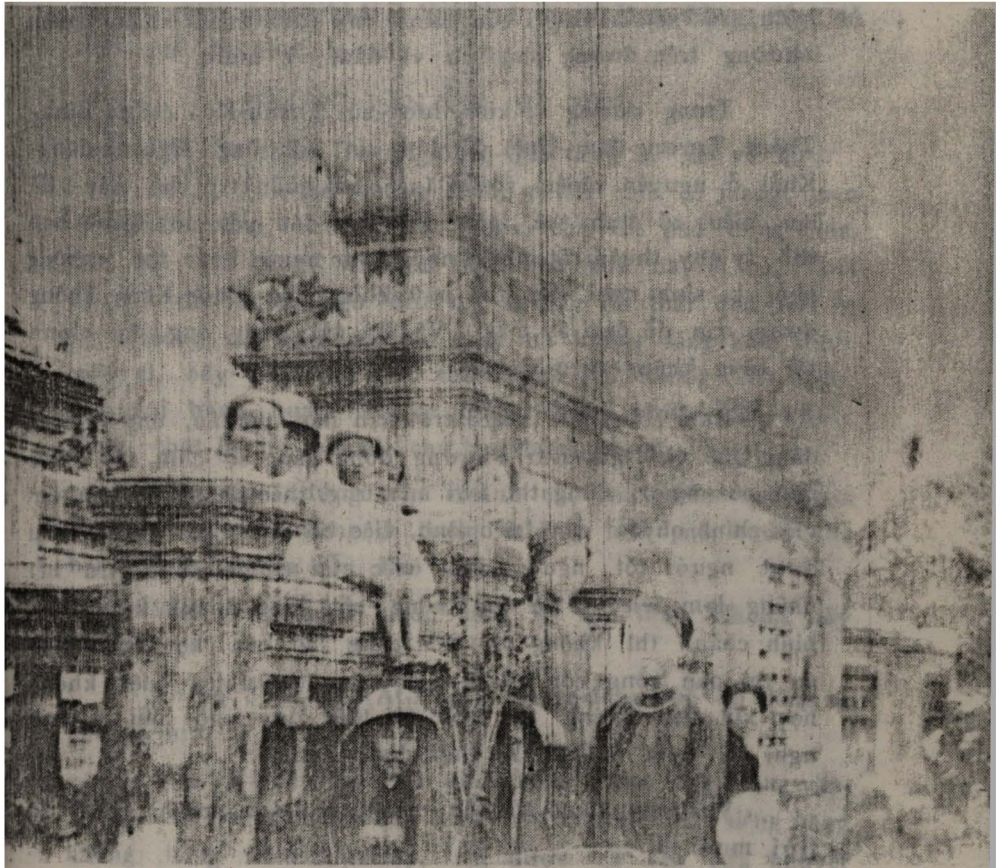
Mộ Trương-dăng-Quế tọa lạc ấp Mỹ-Khê trên khoảnh đất rộng 1 mẫu rưỡi, chung quanh có trồng dương liễu, sát mộ bia có 10 cây thông, 4 trụ 4 bên, thành ngoài dày 1th30, thành trong chạm trở kỳ công, trước mộ có nhà bia, nơi có bài văn bia Thần Đạo chạm đá của Tuy Lý Vương. (công trình kiến trúc mộ Trương-dăng-Quế đã bị phá hủy hoàn toàn năm 1971 vì chiến tranh). Nhà Vua lại cấp thêm 3000 quan đề dựng nhà thờ (có lời khẩu truyền ngôi nhà thờ họ Trương ở Mỹ-Khê nguyên là ngôi đình của Tây-Sơn xưa—hiện nay nhà thờ cũng bị phá hủy vì chiến tranh). Vua truyền chớ hết tang tuân lời tiên Đế cho tông tự Thế-Miếu.

Năm thứ 22 Tự-Đức Kỳ-Ty (1869) nhân tứ tuần khánh tiết, đình thần nhắc lời Vua Thiệu-Trị cho Trương dâng-Quế tông tự Thế-Miếu — Vua Tự-Đức không chuẩn, có phê «Trương-dăng-Quế có công trạng nhiều nhưng đến những năm cuối cùng lấy cơ già xin về hưu đến 3 lượt, nghĩa quân thần không trọn» Phải chớ đến năm Tự-Đức 28, Ất-Hợi (1875) nhà Vua mới chuẩn y, truyền cho bộ Lễ chọn ngày lành, ghi tên Trương-dăng-Quế vào Thế-Miếu. Vua có dụ: «Thánh mạng không được đề lâu, vị đại thần ấy có công với nước, tuy những năm sau cùng nhiều việc không chung lo nhưng nên dùng sở trường bỏ sở đoản, chiếu cho bộ Lễ chọn ngày lành ghi tên vào Thế-Miếu...»

#### 4) Tâm trạng một vị Đại Thần

Già nửa thế kỷ, phụng sự 3 triều Vua nhà Nguyễn,





Mộ của Trương-dăng-Quế tại xã Sơn-Mỹ Sơn-Tĩnh (Quảng-gãi)  
ob (công trình kiến trúc chung quanh mộ hiện không còn)



Trương-dăng-Quế luôn luôn trung thành với lý tưởng của một kẻ sĩ trung quân, ái quốc, giữ lòng tiết tháo thanh bạch, tự xét hành vi của mình một cách thành khẩn, khiêm nhường trên đường phục vụ vì dân, vì nước.

Trong cương vị kinh lược sứ Thanh-Hóa (1836, Bình-Thân) Trương-dăng-Quế đã tâu xin giữ ông Nguyễn-dăng-Khải ở nguyên nhiệm sở «Đặng-Khải quản trị chỗ này đã lâu hiểu rõ tình thế, gần đây dẹp đầu yên đó, được bọn thổ ty quy thuận rất nhiều nay được người khác thế không khỏi bị sinh nghi. Sự thế này không có Đặng-Khải không được, xin đề ông ấy ở lại. Vả lại tài năng ông ấy chính tôi cũng không theo kịp...»

Năm Mậu-thân (1848) trời hạn hán quá lâu, ông Trương-dăng-Quế và Nguyễn-tri-Phương đồng dâng sớ chịu tội «Việc làm của người đứng thli trời mới ứng, theo chúng tôi lạm dự việc chính quyền của triều đình, việc bỏ quan thli không hiểu được người tốt, người xấu; việc tài chánh chưa trừ hết những lạm; việc tế lễ thli không hết lòng thành kính; việc binh chánh thli không xét đến công lao của họ; việc hình án thli oan uổng còn nhiều; việc công thli nhiều việc không hợp xin đem chúng tôi buộc tội thất đức ngô hầu ý trời nghi lại mưa xuống cho thỏa lòng dân . . . »

Vua xem xong tờ tâu cũng tự trách mình. Liền đó trời mưa to.

Tâm sự của Trương-dăng-Quế có nét nổi bật: không tham quyền cố vị, không ham công danh phú quý, đã nhiều lần dâng sớ xin về hưu kể từ 1850, 1 lần từ chối bổng lộc do vua chuẩn cấp cho con trai trưởng là Trương-Đặng-Trụ :

«Tôi gặp thời được làm quan, đức kém mà ngôi cao đó là một điều vượt phận may, nay con tôi còn bé chưa học mà đã có chức quan không làm mà được lãnh bổng, đầy đủ thái quá, tôi thật lo sợ . . . »

### NHỮNG LẦN XIN VỀ HƯU.

Kể từ 1850, Trương-dăng-Quế dâng sớ xin về hưu.

« . . . Tôi thờ vua 3 triều, 2 lần chịu cố mạng, quan đến nhất phẩm, tước Công 3 bậc, con thì phò Công chúa, con gái vào cung, vinh dự một nhà xưa nay ít có. Thật là một việc không ngờ đến mà sự đầy đủ thái quá phải lo sợ. Huống chi gặp lúc thái bình mà không sáng kiến được việc gì, bây giờ tuổi già, thân bệnh mà không biết thân, đối với hàng quan liêu sự chỉ trích có nhiều điều không đúng, thật là lỗi của tôi chứ họ không lỗi gì.

«Tôi nghĩ đứng trên hành cao mà muốn cho ngọn gió mạnh được ngừng, đi trong đường hẹp mà bước cho hai chân khỏi vấp vẩn khó thật...»

Vua phê «Trẫm muốn dùng lại cận thần, Khanh hãy ở lại . . . »

Tháng 8 - 1855 (Ất-Mão) Trương-dăng-Quế lại dâng sớ xin về hưu :

«Tôi tự xét lại, tài giỏi không bằng ông Đặng-văn-Thiên, văn học không bằng ông Phan-thanh-Giản, siêng năng không bằng Lâm-duy-Hiệp, chỉ được ra vào cửa khuyết nhiều năm gọi là có công thôi, nay càng già càng yếu không ích gì cho chính sự nữa, nếu nhờ ơn trên khoan dung, lòng tôi cảm thấy hổ thẹn. Xin cho tôi nghỉ việc, dưỡng bệnh . . . »

Nhà vua không chuẩn y, viện lý do : không có người thay.

Tháng 9 năm Tự-Đức thứ 13 (Canh-thìn 1860) Trương-dăng-Quế lại tâu :

«... 3 năm nay tôi không vạch được mưu kế gì, thật có tội với nước, hưởng chi tuổi đã già, xin cho tôi về hưu để khỏi dị nghị... »

Năm 1862, Tự-Đức thứ 15, Trương-dăng-Quế lại tâu xin về hưu :

... «Theo Kinh-Lễ thì quan đại phu đúng 70 tuổi phải xin nghỉ việc. Tôi này đã 70 tuổi, ở lại bệnh nhiều, xin cho tôi về. Tôi đã chịu ơn nước, lẽ nào không đền đáp, hưởng chi lúc có việc, tôi lại nỡ lòng nào ! ! Lâu nay tôi thật bất tài nên sanh nhiên giặc. Dư luận đã nhiều nhưng tôi cam lòng chịu đựng ngó hầu đem chút công lao đền đáp ơn trên ưu đãi, tôi thì vì bị bệnh càng ngày càng thêm, thân thể không an thì phỏng làm được việc gì ? Tôi phụng thờ Hoàng-thượng đã 15 năm nay, không sáng kiến được việc gì, nếu được ơn trên cho về thì lúc chết cũng như khi còn sống, tôi đâu dám quên... »

Lần thứ 5, Trương-dăng-Quế lại tâu xin :

... « Tôi lạm dự vào hạng cựu thần nên được ơn trên thưởng cho được đi xe sát cửa, vào triều được ngồi chỗ bành, việc lớn, việc nhỏ khỏi phải phiền đến. Ưu đãi như vậy, tôi đâu phải là cây đá mà không biết. Nay lại cho tôi ở lại không kể là già. Tôi cũng không dám làm thỉnh ra về. Tôi phải chung lo mới phải nhưng phải có một điều gì dễ rán dễ xướng mới là lễ công chứ đành thân giữ tôi lại vì lo việc tình tương, việc ấy tôi đâu dám nhận... »

Lần này vua Tự-Đức cũng không thuận phán : «Khanh

không phải là người tâm thường sánh được, kẻ hậu tiến không theo kịp, biết tôi ai bằng vua . . .»

Chờ đến năm Quí-Hợi (1863) Trương-dăng-Quế mới được thực sự về hưu, thỏa mãn nguyện vọng từ quan, tìm lại con người thật của mình, con người thơ «Quảng-Khê» trong «Học văn dư tập»

### 5) Tâm sự người thơ

. . . «Ngã kim cánh hà sự  
 Nhật tịch đồ dinh dinh  
 Khổ vì thăng đầu luy  
 Lưu hận thử thân danh»  
 (Xuân nhật thư hoài)

Tạm dịch . . . (Ta nay sao làm việc  
 Sáng chiều vào cung dinh  
 Luy vì thăng đầu phòng ?  
 Để hận cái thân danh)

Tâm trạng chán nản công danh của Trương-dăng-Quế đã bộc lộ trong mấy câu thơ trên, trích bài «Xuân nhật thư hoài» quyển 1 từ 5 b của «Học văn dư tập» (nhất danh Trương quảng-Khê tập)

(tài liệu này do một sĩ quan trong quân đội in lại từ các bản khắc gỗ bỏ quên trong từ đường họ Trương. Trong Đặc San xuân Liên đội 1/17 vị giáo sư sĩ quan ấy có cho đăng lại vài bài và bản dịch mà chúng tôi có trích đăng trong tập biên khảo này)

Con người làm quan của Trương-dăng-Quế thì thanh bạch, liêm chính, trở về con người văn học thì mang đầy

學之餘無自好  
 舟之於詩為無師外也  
 之劍無自好以類  
 甲戰吟只如陶自  
 之山入寺學于樂道  
 師既及於師彼古  
 學漸與上大非

Tâm sự chân thành và khiêm nhường của nhà thơ Trương-quảng-Khê qua những lời mở đầu về "Học Văn Dư Tập".

ý tưởng thanh thoát phóng khoáng. Nhà thơ Quảng-Khê đã pha trộn tâm hồn mình hòa với thiên nhiên rộng lớn, ca ngợi vạn vật, ý tưởng nhân ái xen lẫn niềm chán nản trước sự cạnh tranh giữa con người và con người gây nên cảnh giết chóc, khổ đau cho nhân loại.

Trong khi chờ đợi các nhà biên khảo đi sâu vào công trình nghiên cứu «Học vấn dự tập», chúng tôi xin trích một vài bài thơ ngắn trong tác phẩm nói trên để đọc giả tìm hiểu về khía cạnh khác của Trương-dăng-Quế trong lĩnh vực văn học:

### **Xuân giang khúc**

Tạc dạ vũ thủy hạ  
Xuân giang vi lãng sinh  
Thiếp tâm hữu sở cảm  
Diễn nạn tự vi hành

(quyển 1 từ 1 b)

Tạm dịch:

Bài ca sông xuân  
Đêm qua có mưa nhỏ  
Lòng sông sóng gợn mờ  
Lòng em xao xuyên bấy  
Ven sông bước bước hồ...

(bản dịch của đặc san xuân liên  
đội 1/17 Quảng-Ngãi)

### **Tiền xuân**

Lưu quán vô kế nại xuân hà  
Nhân khán thiêu quang thứ đệ qua  
Chung nhật sâu phong phục sâu vũ  
Thương tâm tạc dạ lạc hoa đa

(quyển 8 từ 3a,b)

Tạm dịch

**Tiệc xuân**

Giữ xuân đã khó há mời xuân  
Chỉ thấy thời gian bước bước dần  
Suốt buổi mưa buồn thêm gió nồm  
Sầu hoa đêm trước rụng đầy sân

(bản dịch trích trong đặc san xuân  
liên đội 1/17 Quảng-Ngãi)

**Đoan - Ngộ**

Nhất niên tam bách lục thập nhật  
Ngũ nhật diệc thị nhật chi thường  
Hà sự sở nhưn truyền cảnh độ  
Không linh thiên cồ cộng bi thương  
Tam quân thương trệ yên nhân địa  
Nhứt kỷ ninh khai yển lạc trường  
Mặc ngộ nhân trai binh tân khách  
Vô linh đảo ngã thuyết Đoan-dương

Tạm dịch:

Năm có ba trăm sáu chục ngày  
Mùng năm lại có khác gì vay?  
Cơn chi người Sở đua bơi mãi?  
Luống khiến ngàn xưa luyện tiệc hoài  
Khói lửa còn thương muốn đợi khờ  
Rượu chè đầu nổ một mình say  
Phòng riêng lặng lẽ từ tân khách  
Câu chuyện Đoan-dương gát mái ngoài

(bản dịch của giáo-sư Lê-Kính)

### Điếu Tông Đốc Nguyễn-bá-Nghi

Ý thường liên nghệ kỹ đa thì  
 Tướng tượng không lưu cảm tích bi  
 Bạc mẽ sớ thăng vi sớ ngộ  
 Thâm tình nhất đán phú vô tri  
 Tha hương khổ võ tam thu dạ  
 Cố địa tân phần sớ xích bia  
 Trọng nghĩa như công kim hữu ký?  
 Linh nhơn cảm khái bội thể kỳ

Tạm dịch

Áo kẻ xiêm dựa chúi năm trường  
 Tướng nhớ người xưa dạ vấn vương  
 Lương mọn vài thăng đành lặn bận  
 Tình sâu một sớm phú mệnh mang  
 Đêm thu đất khách mưa tầm tã  
 Bia mới làng xưa mộ sửa sang  
 Trọng nghĩa như ông nay mấy kẻ?  
 Khiến người chan chứa nỗi đau thương  
 (hai bản dịch của giáo-sư Lê-Kính Tú-Tài Mậu-Ngọ 1918)

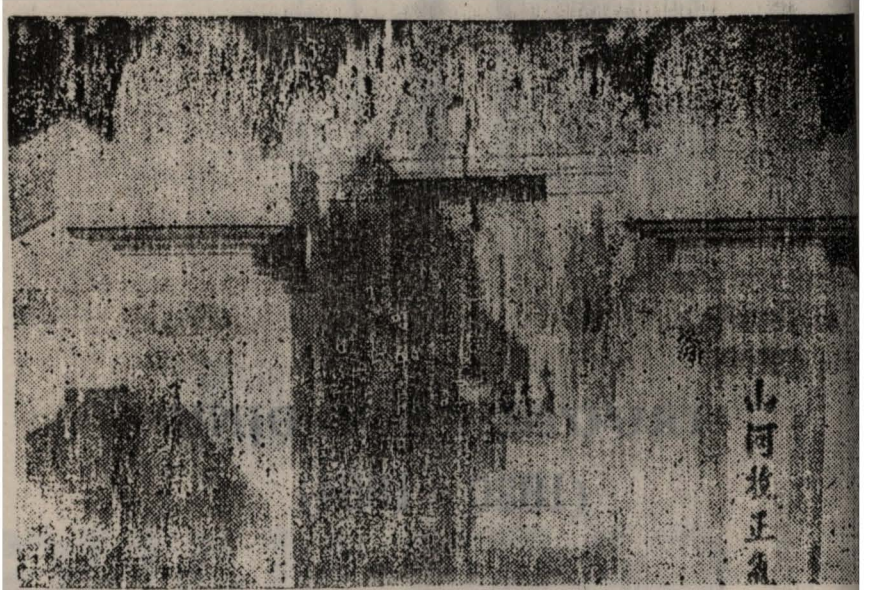




# **CHÍ SĨ CÁCH-MẠNG**



**TRƯỜNG-CÔNG-ĐỊNH**  
**(1820 - 1864)**



Mộ Trương-công Định ở Gò-Công

## I THÂN THỂ

### 1) Làng Tư-Cung: nơi chào đời của Trương-công-Định

Quận Sơn-Tĩnh (Quảng-Ngãi) là nơi sinh trưởng của 4 nhân vật cùng họ Trương: Trương-quang-Cận (hương Năm) âm thầm thực hiện cải cách hương thôn tại Trà-bình trại; Trương-quang-Trọng, chàng sinh viên trường thuộc Hà-Nội già từ học đường chọn lý tưởng bách mạng để cuối cùng hiến ngang vờn ngực nhận viên đạn của thực dân Monlec, nêu cao gương bất khuất; Trương-dăng-Quế, vị Thái-sư liêm khiết, trung hậu, thanh bạch giữ trọng trách suốt 3 triều vua nhà Nguyễn đồng thời cũng là nhà thơ Quảng-Khê, tác giả Học văn dư tập, người thứ tư là một chiến sĩ Cách mạng, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp tại miền Nam với chức Chương Bình-Tây Đại nguyên soái Trương-công-Định.

Làng Tư-Cung nằm ở tả ngạn Trà-Giang, giáp ranh làng Mỹ-Kê của Trương-dăng-Quế chính là nơi sinh trưởng của Trương-công-Định.

Thời trước Tư-Cung xã về hướng nam là một xóm nhỏ êm đềm có lũy tre xanh bao bọc ẩn khuất dưới chân núi Thiên Mã, một trong 3 cụm núi thấp đất đỏ, tranh mọc dày, xa trông như con tuấn mã cát vó chồm ra biển đông.

Tương truyền xưa trên cụm núi Thiên Mã từng có lùm cây rậm rạp, quanh năm cành lá xanh tươi, có giếng linh thánh thoảng có các nàng tiên xinh đẹp giáng trần ngao du sơn thủy. Có lẽ nhờ địa cuộc này mà làng Tư-Cung nam đã sinh trưởng một võ tướng oai danh lẫy liệt khiến quân thù phải kính nể, một vị anh hùng dân tộc mà cả gia đình, cha con đã hy sinh vì đại nghĩa, nêu cao lòng ái quốc cao cả.

Tư-Cung nam (Quảng-Ngãi) đích thực là nơi sinh trưởng và đã nuôi nấng Trương-Định (sau này trở thành Trương-công-Định) thành người, hưởng thụ trọn vẹn khí thiêng sông núi miền Ấn-Trà trước khi vào Nam, xây dựng nghiệp lớn cách mạng, cuối cùng đã chọn cái chết oanh liệt tại quê hương miền Nam trong cương vị một tướng lãnh do nhân dân bầu lên để tiếp tục cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

## 2) Chân dung và tiểu sử của Trương-công-Định

Trương-Định (sau vào Nam thêm chữ lót, đi vào lịch sử với tên Trương-công-Định, sinh năm Canh-Thìn 1820 (Minh-Mạng nguyên niên) tại làng Tư-Cung nam, con của ông Trương-Cầm, Vệ-Úy hữu Thủy-Vệ. tông sự tại Gia-Định.

Sinh trưởng ở một gia đình có người làm quan võ, Định có sức mạnh hơn người, có tài bắn trăm phát trăm trúng, tinh thông võ nghệ, rành binh thư. Con nhà võ nhưng vóc dáng Định thanh lịch, tao nhã, diện mạo khôi ngô, nước da trắng, có óc thực nghiệp, giao du rộng, tư tưởng binh dị. Trương-công-Định theo thân phụ vào Nam khoảng giữa đời Vua Thiệu-Trị (1841—1847) cưới vợ là Lê-thị-Thường con một nhà hào phú ở Tân-Hòa (Tân-An) định cư tại đây, hưởng ứng chính sách đồn điền của nhà Nguyễn, xuất tiền chiêu nạp dân nghèo khăn hoang, được bổ chức Quản Cơ thường gọi là Quản Định.

Tháng giêng Kỷ-Mùi (1859) Trương-công-Định lãnh đạo nghĩa binh phối hợp quân triều đình chống Pháp được nhà Vua bổ chức Phó lãnh binh Gia-Định. Sau hòa ước 1862,

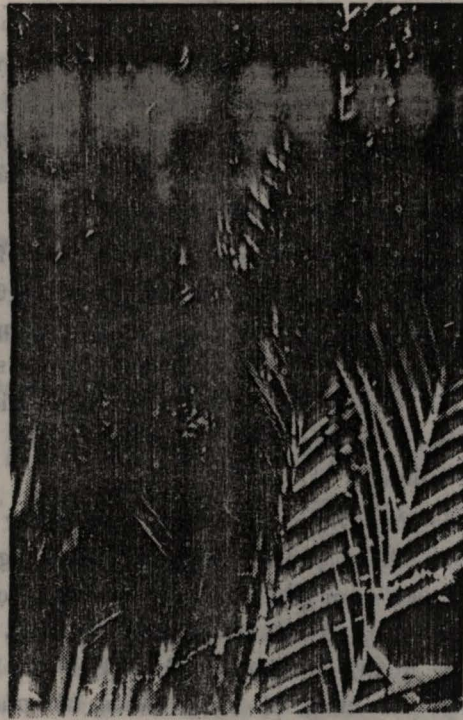
kể từ tháng 2-1863, Trương-công-Định quyết định ly khai Triều đình Huế để tiếp tục lãnh đạo công cuộc kháng Pháp, được nghĩa quân suy tôn Bình Tây Đại Nguyên Soái. Trương-công-Định cầm cự chống thực dân Pháp, gây nhiều thiệt hại cho địch, hai lần thoát khỏi vòng vây Pháp tại Gò-Công và Lý-Nhơn một cách dễ dàng.

Nhưng cuối cùng vì sự bội phản của Huỳnh-công-Tấn (một người từng chiến đấu trong hàng ngũ nghĩa quân) Trương-công-Định bị bao vây một cách bất ngờ và đã cùng các thuộc hạ chống lại một cách anh dũng, sắp thoát được vòng vây thì bị tên Tấn dùng súng bắn nhiều loạt, 1 viên đạn trúng ngay xương sống, Định té xuống đất chết cùng với 5 nghĩa binh.

Trương-công-Định chết rạng sáng ngày 20-8-1864 tức rạng ngày 19 tháng 7 năm Giáp-Tý tại Kiêng Phước, Đám Lá-Tối-Trời, hữu ngạn giong Soirap, hưởng thọ 45 tuổi. Con trai Định là Trương-Tuệ (trong Nam gọi Huệ, cậu hai Quyền hay Nhị lang quân) di chuyển lên Tây-Ninh tiếp tục chống Pháp nhưng sau cũng bị người Miên bội phản, cả vợ Huệ (Tuệ) và nhiều du kích quân bị hạ sát vào khoảng tháng 3 Canh-Ngo (1870)

Sau khi cả gia đình hy sinh vì nước, người vợ chính thức của Trương-công-Định, bà Lê-thị-Thường hết chỗ nương tựa trở về nguyên quán của chồng ở Quảng-ngãi được triều đình trợ cấp mỗi tháng 20 quan tiền và 2 phượng gạo. Năm Tự-Đức thứ 24 (Tân-Mùi 1871) Vua nhớ đến công của Trương-công-Định sai dựng đền thờ ở làng sớ tại, xã Tư-Cung, cấp thêm mỗi tháng 10 quan, sức xã Tư-Cung phải lo săn sóc bà Lê-thị-Thường. Khi bà này mất,





Đám-Lá-Tối-Trời tại làng Kiểng-Phước (Gò Công) hữu ngạn  
giòng SoiRap, căn cứ kháng Pháp của Trương-công-Định và cũng  
là địa danh chứng kiến giờ phút biến đẩu oanh liệt cuối cùng  
của người anh hùng xứ Quảng (hình ảnh của Gò-Công xưa và  
nay).

Vua ban cho 100 quan tiền làm ma chay. Trước đó, năm Tự-Đức 21, (Mậu-Thìn (1868) Vua y lời tâu xin của Tỉnh thần Trà-quý-Bình cũng cấp tự điền 5 mẫu để người trong họ là Văn-Hồ kể tự.

## II.— SỰ NGHIỆP

### 1) Khẩn hoang lập ấp tại Tân-Hòa

Năm 1845, khi thân phụ được cử làm Vệ-Ủy hữu thủy vệ Gia-Định thì Trương-Định mới theo cha vào Nam. Nhưng Định không theo nghiệp cha thì cử vô để làm quan lại có óc thực nghiệp, nuôi chí khẩn đất đai, mộ dân làm đồn điền. Theo phong tục trong Nam, Trương-Định thêm chữ lót giữa họ và tên, từ đó đi vào lịch sử với cái tên Trương-công-Định (có người cho rằng vì dân mến phục công đức nên tặng Trương-công-Định chữ Công khi gọi). Năm Giáp-Dần (1854) Kinh-lược sứ Nguyễn-tri-Phương vào Nam điều chỉnh chính sách đồn điền thì Trương-công-Định tự xuất tiền chiêu mộ dân nghèo ở Nam-Ngãi, Bình-Phú vào khẩn hoang lập ấp theo chính sách đồn điền của Nam triều. Lúc bấy giờ có 21 liên đội ở Nam-Kỳ, viên chỉ huy liên đội gọi là Quản-Cơ dưới quyền có những viên Ấp Trưởng. Quản-Cơ kiêm luôn cai tổng, trong tổng có đồn điền chừng 400 lính (Lính đồn điền đầu đội nón nhỏ, mặc áo ngắn có xẻ vạt trước, màu đen tím hay hung, không đồng phục. Cứ 10 lính có 1 súng còn toàn cầm giáo, mỗi liên đội có 1 đại bác nhỏ. Quản Cơ đeo giây băng đen hay tím, gắn huy hiệu ở ngực).

Có võ giỏi, có cơ nghiệp, được tín nhiệm vì đã giúp cho một số nông dân có cơm ăn, áo mặc nên Trương

-công-Định được bổ chức **Quản Cơ** kiêm **Chánh Tổng** ở huyện Tân-Hòa, chính ở địa điểm này ông đã mộ nghĩa binh chống Pháp.

Thời gian giữ chức vụ **Quản Cơ** (1854 — 1859) Trương-công-Định đã hết lòng lo cho đám nông dân có nhà ở, ruộng cày, con cái được học hành nhờ các thầy đồ ở miền Trung vào dạy (sau này có nhiều người trong số thầy đồ nói trên đã góp phần công lao trong công cuộc kháng Pháp dưới sự lãnh đạo của Định).

Trương-công-Định đã được sự kính phục tín nhiệm chung nhờ những công việc đã phục vụ dân, lại đối đãi với dân có ân đức nên đã tranh thủ được đám nông dân. Có thể nói **Quản Định** đã gạt hái được nhiều thành công tốt đẹp trong chính sách kinh tế thân dân, lập nhiều công đức đối với đám dân đồn điền.

## 2) Phối hợp với quân Triều đình chống Pháp

Ngày 17-2-1859 (15-1-Kỷ-Mùi) quân Pháp do hải quân Trung Tướng Rigault de Grenouilly chiếm thành Gia-Định, khắp nước đặt trong tình trạng báo động. Quân đội chính quy triều đình nhà Nguyễn ít vũ khí, cũ xưa không kháng cự lại quân Pháp. Vì vậy, khắp nơi một phong trào phát khởi nhằm mục đích chiêu mộ nghĩa binh, rèn khí giới, trữ lương thực, tập luyện trận thế, binh lược để giúp sức với binh lực triều đình chống xâm lăng.

Thời thế đặc biệt ấy đã giúp kẻ anh hùng ái quốc xuất đầu lộ diện. Những văn thân có uy tín như **Ân-Sát Đổ-Quang**, **Tri-Phủ Nguyễn-thành-Ý**, **Tri-Huyện Đổ-trình-Thoại**, **Âu-Dương-Lân**, **Trương-thiện-Chính**, **Lưu-tấn-Thiện**,

thơ lại Lê-quang-Quyền, Thủ-Khoa Nguyễn-hữu-Huân, cử nhân Phan-văn-Đạt, Phan-văn-Trị, Trần-xuân-Hòa; Tú-Tài Nguyễn-đình-Chiêu, Trịnh-quang-Nghị, Lê-cao-Dũng, Hồ-huân-Nghiệp, Trà-quý-Bình, Võ-duy-Dương, Nguyễn-công-Duy, cựu quân nhân Lê-Huy, Quán-Lã v.v... kể ft, người nhiều đều cầm đầu những toán nghĩa binh kháng Pháp.

Trong đám quần hùng ấy, Trương-công-Định, tuy địa vị xã hội ở vào bậc chót, tuy không xuất thân ở khoa nghiệp nhưng lại đứng sẵn vào địa vị Quán-Cơ của một tổ chức dân quân khá lớn. Thế các Quán-Cơ đứng đầu các nhóm nghĩa binh thuận lợi hơn các vị Tri-Phủ, Tri huyện, khoa nghiệp hay các văn thân khác. Hơn nữa, giữa các Quán cơ với nhau, nghĩa binh của Định đông hơn cả (chừng 1000) có tổ chức chắc chẽ, có tinh thần kỷ luật, thiện chiến. Riêng Định lại luôn luôn tiên phong, gan dạ lập được nhiều chiến công trong những ngày đầu kháng Pháp, sau đó được các Quán cơ trong Gia-Định chọn làm người lãnh đạo, cho nên dần dần số nghĩa binh thuộc lực lượng Trương-công-Định lên tới 6.000 người.

Nhờ những yếu tố trên, sự thuận lợi mà các Quán Cơ khác không có, thêm 6 năm khẩn hoang lập ấp có công đức sẵn với đám nông dân nên lúc còn chủ trương kháng Pháp Triều đình Huế đã hợp thức hóa sự suy tôn của các Quán Cơ bằng cách phong cho Trương-công-Định chức Phó Lãnh binh Gia-Định.

Từ đó, xuất thân từ hàng ngũ dân quân, Trương-công-Định đã vươn lên hàng đầu nhờ tài đức và gan dạ của mình.

Danh vọng và uy tín của vị Phó Lãnh binh át hẳn danh vọng và uy tín của Chánh Lãnh binh đưa Trương-công-Định lên địa vị chỉ huy những Tri huyện, Tri phủ, Cử nhân

Tú-tài và hầu tất cả những Văn thân, phú hào kháng Pháp thời đó. Chính triều đình Huế cũng phải nhìn nhận địa vị thực tế của Trương-công-Định qua sự tuyền trạch đương nhiên ấy cho nên sau khi Biên-Hòa thất thủ, triều đình đã khiển trách Hiệp-Tán Quân vụ và Khâm-sai Quân vụ Nguyễn-tri-Phương, ra lệnh cho những người này phải phối hợp với quân Trương-công-Định tìm kế chống giặc Pháp.

### Tấn công Chùa Kiêng - Phước

Gia-Định thất thủ, Hộ Đốc Võ-duy-Ninh tử trận, Trương-công-Định đem cơ binh (dân quận) phối hợp với quân triều đình đóng tại Thuận-Kiều.

Trong những ngày chiến đấu đầu tiên, năm 1860, nghĩa binh lập phòng tuyến dài từ Cây Mai đến Thị nghề. Trong các trận đánh, Trương-công-Định luôn luôn tỏ hết sức gan dạ, chỉ huy sáng suốt các đội của ông lập được rất nhiều chiến công.

Đêm 3 rạng 4-7-1860, có 2000 nghĩa binh âm thầm rời chiến tuyến của mình đến bao vây chùa Kiêng-Phước (Chocheton) nơi có quân Pháp trú đóng. Nghĩa binh la hét, xung phong ò ạt, bắn súng vào quân Pháp. Cuộc ác chiến xảy ra trong 1 giờ. Hàng trăm xác của hai bên nằm ngổn ngang vì quân Pháp đưa viện binh từ Sài-gòn tới nên nghĩa binh phải rút lui. Trận này do lãnh binh Sát trực tiếp chỉ huy.

Ngày 18-7-1860, nghĩa binh lại trở lại tấn công quân Pháp một lần nữa nhưng không thành công nên bỏ kế hoạch bao vây chùa Kiêng-Phước, đắp lũy song song với phòng tuyến Pháp, buộc binh Pháp và Tây-ban-Nha phải ở trong phòng tuyến của họ, không ra đóng được ở mé Kỳ-Hòa.

### Ám sát viên Đại-Úy Barbé

Từ tháng giêng năm 1861, sau khi mất đồn Phú-thọ, các lực lượng triều đình nhà Nguyễn lui quân về giữ Biên-Hòa, Trương-công-Định cũng thu quân về đồn cũ Tân-Hòa, chiêu tập các thân sĩ như Tri-huyện Lưu-diễn-Thiện, bát phẩm Lê-quang-Quyền để trữ liệu quân lương mua sắm thêm vũ khí, mộ thêm nghĩa binh, chỉ trong thời gian ngắn lên đến 2000 người.

Vì thấy quân Pháp mới sang chưa thạo đường lối nên Trương-công-Định áp dụng chiến thuật phục kích, đầu không thắng lớn nhưng cũng làm cho Pháp thiệt hại nhiều, làm phát khởi tinh thần kháng chiến tại miền Nam.

Nghĩa binh lại dùng những thủ đoạn làm cho thực dân phải hoang mang lo sợ bằng cách treo giá đầu các võ quan Pháp. Thế cho nên sau trận Kiêng-Phước lại có vụ hành thích viên Đại-úy Pháp Barbé.

Chiều thứ sáu 7-12-1860 (25-10 Canh-Thân) viên đại-úy Barbé (Nicolas Michel Ang) đóng ở chùa Khải-Tường cõi ngựa di tuần tảo theo thường lệ từ chùa đến đền Hiếu-Trung, tới khúc quanh bị nghĩa binh kháng chiến thuộc lực lượng Trương-công-Định ám sát bằng giáo. Barbé té xuống ngựa khi bị mấy mũi giáo đầu tiên. Nghĩa binh cắt đầu liền và rút lui ngay trong tranh và cò cao về chiến tuyến cũ Kỳ-Hòa. Sáng hôm sau, người ta thấy thi thể to lớn của Barbé nằm trên đường, ngựa bị thương đứng gần như không cử động.

Thủ cấp của Barbé được đem vào trình với Trương-công-Định và nghĩa binh lập công được tưởng thưởng như lời đã hứa.

### Tấn công, làm chủ tỉnh hình Gò-Công.

Gò-Công, nơi có mồ mã Tờ tiên bên ngoài của vua Tự-Đức. Phía Tây Bắc và đông nam là những dãy thôn xóm nhỏ, những xóm đồn điền. Ở phía mặt Gò-Công, khi ngoặt ngay sông Cửu-long là một con rạch từ Gò-Công chảy vào sông lớn và sông Vàm-Cổ đó là rạch Lá. Gò-Công thất thủ lần đầu vào khoảng 15 đến 20-4-1860 (thứ hai mùng 7-3—thứ bảy 11/3 Tân-Dậu). Ở Gò-Công có trường học, chợ, đường hẹp nối liền chợ với cổng trường, một ngôi đình, cách quận 3 dặm có xã lớn Tân-Hòa)

Lúc này lực lượng nghĩa binh dưới quyền chỉ huy của Định gần 6000 người. Sau khi dò xét tình hình, Định quyết tấn công quân Pháp tại Gò-Công: Toán quân bị đánh này do Trung-Ủy hải quân Vial dưới tàu Le Vesper làm Giám-Đốc Sự Vụ cai trị, Gò-Công chỉ huy.

Suốt đêm 21 rạng 22-6-1861 vừa bình minh, tiếng trống bồng nổi âm lên, nghĩa binh võ trang bằng độc tẩu tiến tới. Bên Pháp nổ súng, viên Trung-Ủy Vial dẫn quân tiến tới nhưng bị nghĩa binh chặn đường. Vial tháo lui về cổng trường, cho nhả đạn trúng đích vào nghĩa binh nhưng đám đông vẫn tiến tới.

Cuối cùng, quân Pháp phải đánh xáp lá cà, một thủy quân lục chiến Pháp tên Bodiez thấy Vial lâm nguy chạy đến giải vây; tự choàng qua mình Vial chưa kịp bắn phát nào mà đã bị đâm 2 mũi độc. Nghĩa binh bị thiệt hại 14 người trong số này có huyện Toại nguyên là quan cai trị huyện Tân-Hòa trước khi Pháp chiếm đóng. Bên Pháp, 1 người bị giết, 1 bị thương.

Ngày hôm sau (23-6-1861) nghĩa binh Trương-công-

Định và lính đồn điền lại đánh Gò-Công một lần nữa nhưng không thành công phải rút lui vì ngày 24-6-1861 quân Pháp dưới quyền chỉ huy của hải quân Trung-Tá Lebris với hải phòng hạm Duchayla đậu ở cửa Rạch-Lá đổ bộ lên tiếp viện.

Ngày 14-12-1861 (13-11 Tân-Dậu) Gò-Công lại bị nghĩa binh tiến đánh. Viên quan cai trị Gò-Công lúc bấy giờ là Diarfeuille. Tuy chiếm đóng Gò-Công nhưng lực lượng Pháp mỏng, phải rút lui khỏi các đồn lẻ tẻ để củng cố các pháo lũy quan trọng và các cứ điểm chính. Đến ngày 1-3-1862 (thứ bảy 1-2 Nhâm-Tuất) Thiếu-Tướng hải quân Bonard ra lệnh cho các đồn Gò-Công, chợ Gạo, Gio-Thạch, Cái-Bè rút hết, các sĩ quan cai trị, các tri huyện Cần-Giuộc (Phước-Lộc) Tân-An, Tân-Hòa cũng phải rút, viên tri huyện do Pháp bổ nhiệm ở Cần-Giuộc, Tân-An cũng phải rút về. Và Việt quân dưới quyền Trương-công-Định đã làm chủ Gò-Công trên thực tế.

Cuộc rút lui của quân Pháp trước mắt dân chúng là Pháp hết sở quyền về luật pháp. Lực lượng nghĩa binh Trương-công-Định ra mặt đóng quân ở các cứ điểm quan trọng, tuyền mộ tân binh, đánh thuế lưu thông và thông cáo cho dân chúng biết Pháp đã thất bại, sớm muộn gì cũng phải rút khỏi Việt-Nam. Tinh thần kháng Pháp lại lên cao.

### **Thanh toán các tay sai của Pháp**

Một trong những trở ngại của công cuộc kháng Pháp lúc bấy giờ là có những người Việt vì quyền lợi cá nhân đã cộng tác với kẻ xâm lăng. Họ là những chức việc



đã tỏ ra trung thành với giặc.

Trương-công-Định quyết định thanh toán các hạng nói trên. Tiêu biểu cho quyết định này là vụ bắt Bá-hộ Huy. Trương-công-Định có một người bạn là Bá-hộ Huy. Ông này cộng tác với Pháp làm cai tổng đề bảo vệ tài sản lớn của mình. Đóng trụ sở tại Đông-Sơn gần phòng tuyến của Pháp. Bá-hộ Huy định bắt sống Trương-công-Định nộp cho Pháp, cho người tâm phúc đem thư đến một sĩ quan Pháp chỉ chỗ ở của Định. Không may, người tâm phúc của Huy lại có cảm tình với nghĩa binh, đem thư nộp cho Định. Tức thì Định đi Đông-Sơn bắt Huy, chặt đầu. Bị quân Pháp bao vây, Định chạy ngang qua một đồng ruộng bỏ lại thi thể không đầu của Bá-hộ Huy. Ngoài ra Trương-công-Định còn gửi thư cảnh cáo viên xã Trưởng làng Gò-Công vì viên này vẫn tiếp tục cộng tác với giặc Pháp. Viên xã trưởng này, tuy bề ngoài thôi việc nhưng bên trong vẫn ngầm ngầm cộng tác với Pháp. Vì thế, Trương-công-Định ra lệnh cho nghĩa quân hạ sát để làm gương cảnh cáo những tay sai khác của giặc.

### 3) Ly khai Triều đình Huế để tiếp tục kháng chiến chống Pháp

Ngày 5-6-1862, Triều đình Huế ký hòa ước với Pháp. Nội dung hòa ước này nhường ba tỉnh Biên-Hòa, Gia-Định, Định-Tường cho Pháp, bồi thường trong thời gian 10 năm, 4 triệu Mỹ Kim, thành Vinh-Long bị quân Pháp tạm giữ và sẽ trả cho nhà Vua khi nào các vụ kháng Pháp tại Gia-Định, Định-Tường chấm dứt và những người cầm đầu chiến đấu chống Pháp phải rời khỏi các tỉnh kể trên. Thoả ước bất bình đẳng do Phan-thanh-Giản- và Lâm-duy-Hiệp

làm chánh, phó Toàn quyền phái viên thương thuyết với Pháp, không làm cho Triều đình Huế bằng lòng nhất là việc nhượng đất cho Pháp không thể chấp nhận được. Phe kháng chiến cũng lên tiếng cực lực phản đối những điều khoản 11, vì điều này bất lợi cho phong trào kháng Pháp lúc bấy giờ. Trương-công-Định đã gửi thư cho Hải quân Thiếu-Tướng Bonard tuyên bố: các binh sĩ thuộc hạ ông nhóm gồm việc nạp vũ khí trong tay nước ngoài.

Phần cụ Phan-thanh-Giản thì hiểu: lực lượng Việt quân còn kém sút mà quân Pháp lại mưu chiếm 6 tỉnh, cụ hy vọng với hòa ước trên, Việt-Nam chỉ mất có 3 tỉnh. Cụ hứa với Thiếu-Tướng Bonard là cuộc chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Trương-công-Định sẽ chấm dứt.

Ngày 9-9-1862, (10-8-Nhâm-Tuất,) cụ Phan-thanh-Giản có gửi cho Trương-công-Định một mạng lệnh rõ ràng buộc phải hạ vũ khí nhưng Định không tuân lệnh, tiếp tục kháng chiến làm chủ Gò-Công, tự do đắp lũy xây hào cắm cụ.

Triều đình Huế ra lệnh bãi binh, Nguyễn-tác-Trung bị triệu về kinh, Trương-công-Định bị buộc phải thi hành hòa ước 1862, giải tán nghĩa binh cho họ trở về đồng áng. Riêng Trương-công-Định muốn tách rời ông khỏi Gò-Công, Triều đình phong cho Định chức Lãnh binh trấn thủ An-Giang (Đại-Nam chính biên liệt truyện ghi Phú-An) nhưng Trương-công-Định không tuân lệnh viết thư cho Tôn-thọ-Tường (Tường lúc trước có hứa giúp kháng chiến nhưng sau thấy việc không thành nên ra làm cho Pháp). Nội dung bức thư có đoạn:

«Quân binh của tôi cầm tôi lại không cho đi An-Giang nhậm chức, tháng trước tôi được lệnh của quan Tổng-Đốc Vinh-Long bảo phải nộp vũ khí trong tay các phủ huyện Pháp nhưng quân tôi không muốn. Chúng nói rằng không phải các quan Pháp cấp cho chúng khi trước...»

Thật ra, Trương-công-Định đã ngầm ngầm tiếp tục ý chí kháng Pháp đến cùng nên không có chuyện nộp vũ khí đầu hàng. Sau thời gian ngắn thấy Định không đến An-Hà nhậm chức, có lẽ Triều đình hạ lệnh truyền chuyển ra Phú-Yên nhưng Định tiếp tục không tuân lệnh nên bị bãi tất cả chức tước. Tuy về phương diện công khai Triều đình Huế đã có quyết định nói trên để cho người Pháp yên lòng nhưng ngay thái độ cương quyết kháng Pháp của Định là một trạng thái tinh thần mà Triều đình có thể lợi dụng khai thác mong khôi phục lại 3 tỉnh đã mất. Vua Tự-Đức đã mật hạ lệnh cho Thị-Vệ đem tặng Trương-công-Định một tấm huy chương vàng.

Về phần nghĩa binh, họ không muốn giải tán và giữ Trương-công-Định ở lại. Họ bàn với nhau: nếu để cho quân Pháp hoành hành thì nghĩa binh sẽ phải làm mồi cho chúng. Cuộc hòa ước này cho thấy Pháp lấy binh lực ép Triều đình Huế chứ không phải thực bụng, chắc gì sau này bọn Pháp không trở mặt, lúc ấy nghĩa binh sẽ trông cậy vào đâu? chi bằng cứ tiếp tục kháng Pháp, cố thủ lấy miếng đất mà đùm bọc lẫn nhau...»

Những lời bàn luận trên được mọi người tán thành. Cuối cùng, họ không chịu giải tán, chủ trương góp sức chiếm một vùng đất để chống cự Pháp. Họ yêu cầu Trương-công-

Định ở lại đứng đầu và lãnh đạo cuộc kháng Pháp.

Tâm trạng Trương-công-Định từ ngày mượn cờ ở lại kiểm điểm lương thực và binh lính thì tư tưởng kháng Pháp đã dứt khoát nhưng vẫn chưa có hành động cụ thể.

Trước những sự kiện mới xuất hiện, trong tinh thần đồng đội từ trước đã thề sống chết có nhau, lẽ nào Định lại lánh đi ?

Nhưng, nếu ở lại cũng mang tiếng trái lệnh Triều-đình, dù Định cũng biết dù bề ngoài đã có biện pháp trừng trị nhưng bên trong «Hoàng-Đế khen sự trung hậu của chúng ta và có ngày Hoàng-Đế sẽ không những xóa lỗi mà tướng thưởng nữa (trích thư gởi cho Thiếu tướng Bonard). Giữa lúc ấy thì ở Tân-Lộc (một làng thuộc Tân-An ngày nay) một Văn thân là Phạm-tuấn-Phát truyền thư cho tất cả đội nghĩa binh đề nghị suy tôn Trương-công-Định làm chủ soái để lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp. Đề nghị đưa đến đâu, dư luận đều hoan nghênh.

Như một cao trào, tất cả nghĩa binh đều hăng hái biểu đồng tình. Và, lập tức người ta tình nguyện đắp đàn làm lễ bái tướng. Trong lễ này lại có người đem nhiều điều choàng lên vai Trương-công-Định suy tôn ông lên làm Bình-Tây Đại nguyên soái.

Thế là từ đầu tháng 2-1863 Trương-công-Định đã công khai tuyên bố ly khai triều đình Huế, phủ nhận các chức tước của Vua phong quyết định ở lại cho nghĩa binh đắp đàn bái tướng, làm Bình-Tây Đại nguyên Soái tự xưng «Trung Thiên Tướng Quân» lãnh đạo cuộc kháng Pháp đến phút cuối cùng.

Trương-công-Định dùng Quang-Quyền làm Tham - Tán Quân vụ, chính đốn hàng ngũ, phân phối tướng sĩ trấn giữ các nơi hiểm yếu bao quát một vùng, mặt đông nam chạy đến bờ biển, miền tây đến núi Hoa Cương, còn Định thì chỉ huy đại binh đóng ở Thất Trước, cứ một quãng lại thiết lập một đồn lũy để cản sức xung phong, mua sắm thêm súng ống, quyết phòng bị huyện Tân-Hòa làm kế lâu dài. Quân của Bình Tây Đại nguyên Soái thường bố trí súng trên các sông rạch tấn công các tàu thủy Pháp muốn đi sâu vào nội địa huyện Tân-Hòa, nhả đạn liên miên khiến cho nhiều binh sĩ Pháp dưới tàu chiến L'Alarmer bị chết và bị thương.

Bình Tây Đại nguyên Soái lại sai người viết một bức thư cho quan Việt ở Vinh-Long, Nội dung có đoạn :

«Dần chúng 3 tỉnh yêu cầu chúng tôi cầm đầu cuộc khởi nghĩa. Vậy chúng tôi không thể nào hành động khác hơn. Bởi vậy chúng tôi chuẩn bị chiến đấu cả hướng Đông cũng như hướng Tây. Chúng tôi sẽ chiến đấu khắp nơi chúng tôi sẽ dẹp yên bọn giặc cướp nước...»

#### 4) 2 lần cầm cự với Pháp

Về phía quân Pháp, sau khi hai bên đã ký hòa ước, mặc dầu có biết những hoạt động của nghĩa quân nhưng vẫn án binh bất động chờ kết quả lệnh bãi binh mà Trần Thần Vinh-Long Phan-thanh-Giản đã gửi đến Trương-công-Định. Sau thời gian chờ đợi, khi thấy Trương-công-Định nghiêng hẳn về kháng chiến, Đô Đốc Bonard gửi thư cho Phan-thanh-Giản ý muốn dùng biện pháp quân sự. Bình Tây Đại nguyên Soái, một mặt chuẩn bị phòng ngự, mặt khác tương kế tựu kế tạo một mặt dụ của nhà Vua

khuyến dân chúng triệt để ủng hộ lực lượng chống Pháp do Trương-công-Định lãnh đạo.

a) **Trận Gò-Công**. — Ngày 26-2-1863, Đại tướng Chaumont và Đại tá Palanca chỉ huy một đạo quân chủ yếu và thủy quân gồm có chiếc L'Alarme và 30 thuyền bọc sắt chở đầy lính đổ bộ hướng nam huyện Tân-Hòa để tăng viện cho quân Pháp. Cuộc chiến xảy ra từ ngày 25-2-1863 lúc rạng sáng. Đã đề phòng từ trước, lực lượng nghĩa binh dưới quyền chỉ huy của Trương-công-Định áp dụng chiến thuật trá bại, dụ quân Pháp đi sâu vào thung lũng, bấy giờ phục binh mới nổi dậy, giặc Pháp sa xuống bùn lầy bị thiệt hại nặng ngay trận đầu.

Quân Pháp tức giận, hạ lệnh thủy quân, kéo cả chiến hạm vào Dương Giang (sông này ở phía đông Gò Rùa tức sông Tước Nguyên (Khổng Tước tức Gò-Công) cho quân đổ bộ cả 4 mặt. Tuy lực lượng ít, nhưng nghĩa binh kháng cự rất hăng. Đồi bên cùng thiệt hại nặng. Quân Pháp nhờ trọng pháo mới thủ thắng. Bên nghĩa binh bị chết hai dũng tướng: Đặng-kim-Chung và Lưu-bảo-Đường.

Sáng sớm ngày 26-2-1863, lực lượng tăng viện do Đại Tướng Chaumont chỉ huy tập trung ở Tân-Hòa, chia 4 mặt đánh thẳng vào đồn Sơn-Quy, hàng trăm đại bác nhả đạn như mưa.

Trận chiến vô cùng ác liệt này do chính Bình-Tây Đại nguyên Soái đích thân đốc chiến suốt 3 ngày đêm, tướng sĩ không được nghỉ tay, cứ người này chết kẻ khác thay, cầm cự chiến đấu cho đến viên đạn cuối cùng, gươm giáo hết mũi nhọn, không còn một miếng ăn, bấy giờ mới chịu mở đường máu rút lui.

Tuy quân Pháp truy kích sát bên nhưng Trương-công-Định và các tướng sĩ còn lại vẫn rút nhanh, an toàn.

Thật ra, sau khi Gò-Công thất thủ, nghĩa binh thuộc Trương-công-Định lại được thêm ảnh hưởng. Kế thất bại chính là giặc Pháp vì cuộc hành quân tốn phí rất nhiều, phải trả giá quá đắt so với kết quả thu được, nhất là nghĩa binh vẫn bảo toàn lực lượng nòng cốt, Trương-công-Định và các tướng chỉ huy đã thoát vòng vây dễ dàng.

#### b) Tại cù lao Lý-Nhơn

Thoát được vòng vây của Pháp, Trương-công-Định lại tiếp tục chiến đấu không bị hao nhân mạng nhiều nhờ có đường rút lui khôn khéo. Sau đó, nghĩa binh lại tập hợp từng nhóm tại ranh giới Biên-Hòa ở Lý-Nhơn, nhóm cù lao đối diện với Gò-Công, ngăn cách bởi sông SoaiRap và Đòng-Tranh. Địa thế cù lao này hiểm trở, dày đặc thủy liễu dưới sông và sinh lầy, nơi bung biển nước lớn bao vây trùm mặt đất trừ những khoảnh đất cao. Các loại cây bao phủ xanh mượt cả khu rừng bao la.

Trương-công-Định dời cả bộ chỉ huy ra cù lao Lý-Nhơn tiếp tục công cuộc kháng Pháp, xây cất phòng tuyến vững chắc. Ngày 25-9-1863 (13-8 Quí-Hợi) có người mật báo chỗ ở của nghĩa binh cho Gougéard và Béhich biết. Tức thì một cuộc hành quân được tổ chức cấp tốc. Giặc Pháp đã huy động lực lượng hùng hậu đánh thẳng vào phòng tuyến, bắt được một số nghĩa binh, thu được một số súng của lực lượng kháng Pháp. Một lính mã tà niu Trương-công-Định nơi vai nhưng bị Định chém một lát gươm và thoát vào rừng rậm. Quân Pháp đuổi theo nhưng không

kip, Bình Tây Đại nguyên Soái đã xuống thuyền chèo mất hút.

Sau đó một thời gian, nghĩa binh cho loan tin trong dân chúng rằng chủ trương Trương-công-Định được Vua Tự-Đức triệu về kinh đề hỏi tình hình, nguồn tin khác lại loan Trương-công-Định ra Bình-Thuận hay ở thành Saigon, nhằm mục đích đánh lừa giặc Pháp.

Cũng trong thời gian này, các cánh nghĩa binh lại nổi dậy đánh phá nhiều nơi ở ranh giới Biên-Hòa, chung quanh Tân-An, Mỹ-Tho, Cần-Giוע, Chợ-Lớn, quyết không cho giặc Pháp nghỉ ngơi yên ổn tại những vùng chúng mới chiếm đóng.

#### 5) Cái chết của người anh hùng xứ Quảng

Tuy được phần lớn dân chúng ủng hộ nhưng dần dần lực lượng nghĩa binh gặp nhiều trở ngại khó khăn do chính sách mỵ dân của bọn cai trị Pháp đã dùng quyền lợi vật chất mua chuộc dân chúng, nuôi nhiều bọn tay sai lợi hại và trung thành trong số này có tên Huỳnh-công-Tấn (Tấn là người rất am hiểu tình hình địa phương, từng chiến đấu trong hàng ngũ nghĩa binh nhưng vì có người cha nguyên phó Quản-Cơ có liên lạc với Pháp bị Trương-công-Định dọa trừng phạt nên Tấn chạy theo Pháp vào khoảng từ giữa đến cuối năm 1862).

Huỳnh-công-Tấn phản bội kháng chiến, làm việc cho Pháp dưới quyền chỉ huy của Gougard với nhiệm vụ theo dõi hoạt động của lực lượng nghĩa binh thuộc Trương-công-Định.

Vốn biết tính tình và thói quen của vị chỉ huy cũ



của mình. Tấn tin chắc Trương-công-Định vẫn không rời Gò-Công, nơi có bà con thân quyến lại được cả gia đình Phạm-dăng-Hưng bà con bên ngoại Vua Tự-Đức hậu thuẫn.

Ý định của Tấn muốn bắt sống Định để lập công với Pháp nên Tấn luôn luôn theo dõi hoạt động của nghĩa binh, dùng tiền mua chuộc dân chúng, tung người đi dò chỗ đóng quân của Trương-công-Định.

Ngày 19 tháng 8 năm 1864, theo kế hoạch đã mật trừ Trương-công-Định cùng toán nghĩa binh nòng cốt âm thầm về làng Kiểng-Phước để chuẩn bị đánh úp đồn Tân-Hòa. Không ngờ, đêm 19 rạng ngày 20-8-1864 (tức 18 rạng ngày 19-7 Giáp-Tý) có người mật báo với Huỳnh-công-Tấn (có sách ghi Đỗ Tấn) về sự xuất hiện của nghĩa binh dưới quyền chỉ huy của Trương công Định.

Tức thì, Đới Tấn trực tiếp cầm đầu một số thuộc hạ, bí mật bao vây căn nhà của Định và 25 người tâm phúc đang tạm trú tại Kiểng-Phước giáp Soai-Ráp, tây nam giáp Tân Phước, Tân-niên tây, Tân-niên đông. . .

Nửa đêm 19-8-1964, bốn bề yên lặng, sương phủ kín xóm Kiểng Phước. Trương công Định và các nghĩa binh đang ngon giấc. Giữa lúc đó, Tấn và bọn thuộc hạ đã bao vây căn nhà từ khuya và chúng chờ mãi đến rạng sáng mới bắn 3 loạt súng lệnh, đồng thời tấn công vào trong nhà, Chúng đã gặp ngay từ phút đầu sức kháng cự mạnh mẽ. Trương công Định và các nghĩa binh đã vùng dậy chiến đấu cực kỳ anh dũng, nhiều nghĩa binh đã thoát được ra ngoài. Trương công-Định từ đám đông chạy ra, chém một lát gươm trúng trán 1 tên mã tà, một lát thứ hai khiến một tên khác rơi

súng, lọt khỏi vòng vây không bị một vết thương nào.

Nhưng, Huỳnh công Tấn đã đứng sẵn gần đó, hết hy vọng bắt sống nên Tấn cuối cùng đã chia súng sáu bắn thẳng vào Định, đồng thời hô các mã tà bắn tiếp. Một viên đạn trúng đích, Trương công Định bị gãy xương sống, chết ngay tại chỗ cùng với 5 thủ hạ. Các nghĩa binh còn sống sót đều tự sát theo chủ tướng.

Người anh hùng xứ Quảng đã anh dũng hy sinh vì Tổ Quốc sáng ngày 20-8-1864 (19.7 Giáp Tý) tại làng Kiểng Phước (có sách ghi Phước Lộc) hưởng thọ 45 tuổi. Thi hài Trương công Định được chở về tỉnh lỵ đặt tại lồng chợ 3 ngày. Sau đó, giặc Pháp cho mời phu nhân là Trần thị Sanh (bà này chị em cô cậu ruột với Đức Thái Hậu Từ-Dũ mẹ vua Tự Đức, có lẽ là bà vợ thứ hai của Trương công Định) cho lãnh thầy về chôn cất. Bữa cất đám, lúc gần động quan viên Trung úy Pháp Guys đích thân mang 1000 quan tiền tới điều tang, cho một toán lính pháp mang súng đưa đến tận huyết.

Ngay từ 1864, mộ Trương-công-Định đã được xây bằng đá ong, tô vôi ô dước. Ngôi mộ khá lớn, chắc chắn, chung quanh có thành thấp. Tám bia mài bằng đá trắng Quảng-Nam đề nguyện chức tước: «Đại-Nam Bình Tây Đại tướng-quân, Trương-công-Định chi mộ» ở hai trụ trước mộ có câu đối liền:

«Sơn hà thâu chính khí  
 Nhật nguyệt chiếu dân tâm»  
 (Chính khí về với núi sông  
 Nhật nguyệt soi sáng lòng son)

Vài năm sau, nhiều lực lượng kháng Pháp tiếp tục

nổi dậy. Các người cầm đầu nguyên thuộc quyền Trương-công-Định nên bọn thực dân Pháp trả thù bằng cách bằm nát các hàng chữ ghi trên bia mộ lại đòi bà vợ thứ hai của Trương-công-Định (bà Trần-thị-Sanh) đến tra xét những hoạt động của kẻ chống Pháp nhưng bà Sanh cương quyết chối từ không khai lý lịch những nhân vật kháng chiến còn lưu lại nên Pháp lại phạt bà đủ 10.000 quan tiền.

Đến năm 1945, mộ Trương-công-Định được sửa chữa lại. Mộ bia được khắc Đại-Nam Thần-Đông Đại tướng quân, truy tặng Ngũ Quân Quận công Trương-công-Định chi mộ . . . »

Năm 1956 mộ lại được trùng tu thêm hai câu đối mới:

« Trương chí quật cường, võ liệt nêu cao đất Việt.  
Định tâm kháng chiến, văn mờ chói rạng trời Nam »

### III TUYÊN NGÔN VÀ HỊCH KHÁNG PHÁP CỦA BÌNH-TÂY ĐẠI-NGUYÊN-SOÀI TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH

« Phải trở về đồng nội, ở đó chúng ta có tre gỗ để dựng nhà, có ruộng đất để cây cấy, có bạn bè để ăn nầu có làng xóm, có nghĩa đồng bào, có tình người với ngọn rau tấc đất, chúng ta sẽ vì những thứ đó mà đấu tranh đuổi thằng Tây ra khỏi xứ này . . . »

Trên đây là lời tuyên bố của Bình-Tây Đại-nguyên Soái trong bài hịch gửi các tướng sĩ kháng Pháp.

Ngoài chiến thuật du kích trường kỳ, lực lượng nghĩa binh dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Trương-công-Định đã biết dùng văn chương hùng biện để tấn công tâm lý giặc xâm lăng khiến hàng ngũ quân Pháp nhiều phen hoang mang

giao động. Năm 1862, vào một buổi sáng, thủy thủ dưới pháo hạm L'Alarme do Trung úy Guys chỉ huy (viên sĩ quan này cũng rất sành tâm lý người Việt) bắt, gặp trên chót vót một cây sào cắm trên bờ sông một bức thư của Bình-Tây Đại-nguyên-Soái gửi cho Hải quân Thiếu Tướng Bonard. Nội dung có đoạn như sau :

「 «Triều đình Huế không nhận chúng ta, nhưng chúng ta bảo vệ Tờ quốc ta.」 Các người có dũng lực nhưng số ít, mỗi ngày vài người lính của các người ngã quy dưới sự phục kích của chúng ta, bệnh sốt rét cũng ở bên ta để chiến đấu chống lại các người và nó sẽ bù lại sự khiếm khuyết vũ khí của ta. Chúng ta ở xứ ta, chúng ta được lợi thế hơn các người. Chúng ta vẫn chờ đợi, và người Việt-Nam kiên nhẫn lắm.」 Hãy từ bỏ một cuộc xâm chiếm không thể được, phải qui hoàn đất đai lại cho ta và lúc bấy giờ chúng ta rất hân hạnh tiếp người Pháp như bằng hữu chúng ta vậy...」

Có khi các tài liệu tấn công tâm lý giặc Pháp được dán trên những miếng ván đóng đinh vào một thân cây trên bờ sông. Nội dung các bản tuyên ngôn của Trương-công-Định chứa đựng tinh thần trung quân ái quốc, lý luận khúc chiết, lập trường cứng rắn lên án hành động cướp nước của giặc Pháp, kêu gọi lương tri của chúng ...」

«... Khi chính phủ của ta không tồn tại ở phần đất này, chúng ta đau khổ như đứa hài nhi mồ côi cả cha và mẹ.

«... Xứ các người ở Tây-Dương. Quốc-Gia ta ở về Đông-Hải, như con ngựa và con trâu, không biết nhau các người

« cũng khác nhau về ngôn ngữ, văn tịch, phong tục. Thuở xưa, con người sinh ra trong chủng loại sai biệt nhau, dù ở đâu người ta cũng giá trị như nhau, nhưng bẩm sinh bất đồng. Sự tri ân buộc chặt chúng ta với nhà Vua của ta, chúng ta trả thù tất cả những sỉ nhục đối với Vua ta hay là chết vì Đế-Vương ta.

« Nếu các người tiếp tục đem sức lực gieo vạ cho xứ sở ta, khi sự lộn xộn còn dai dẳng, chúng ta tùy theo hướng hoạt động.

— « Cái Nghĩa của ta sẽ thắng. Các người muốn hòa bình hãy trả lại lãnh thổ cho Vua ta, ta chống các người vì mục đích ấy...

« Nhưng nếu tất cả các người từ chối, ta sẽ chiến đấu không ngừng. Ta kiên giá trị các người song ta sợ lòng Trời nhiều hơn thế lực các người. Chúng ta thề nguyện sẽ đánh mãi và không ngừng...

« Khi ta thiếu tất cả, ta sẽ lấy nhánh cây làm cờ, gậy gộc để làm vũ khí cho quân lính ta...

Hỏi vậy, làm sao các người sống giữa ta.

« Chúng ta yêu cầu các người chú ý bản tuyên ngôn này và chấm dứt một trạng thái có hại cho quyền lợi đôi bên... »

Đầu tháng 4-1863, khi Bonard ở Huế vào, Trương-công-Dịnh có gửi cho tướng Pháp một tờ hịch như sau :

« Chánh Nguyên Soái, anh hùng chốn rừng rú, chỉ huy trưởng nghĩa quân có trách nhiệm loại trừ bọn Tây dương, ra tờ hịch vậy ! ».

« Vương quốc cao cả Phù-lang-Sa phải cho chuộc 3 tỉnh bị chiếm tránh binh họa cho dân chúng, không để cho chúng ta chống đối trên đất Phù lang sa mà cũng không nịnh với Nam triều. Vả lại, các quan Phù-lang-Sa ra lệnh làm cỏ tất cả những kẻ quy hàng ngay khi tuyên ngôn bãi binh ra đời.

« Dân chúng không chịu thái độ như vậy và yêu cầu ta hỏi lần nữa để chuộc tất cả những đất đai đã bị chiếm...»

Và, sau đây là bản tuyên ngôn của Trương-công-Định (phụ bản văn thư của Hải quân Trung Tướng Bonard gửi Thượng - Thư Bộ Ngoại giao Pháp ngày 23-2-1863 (Tài liệu của Tạp chí Sử Địa số... ngày...)

« Tổng Tư Lệnh Nghĩa dũng quân Bình Tây Đại nguyên Soái Thống Tướng Trương - công - Định và Bình Tây Phó Soái cùng chủ trương chỉ huy tuyên cáo với quan lại tỉnh Vinh Long :

« Từ năm thứ 12 triều Tự Đức (1858) bọn man di Tây phương đã xâm nhập xứ này. Chúng tiếp tục gây hấn và lần lượt chiếm cứ 3 tỉnh Gia - Định, Định Tường, Biên - Hòa. Dân 3 tỉnh này đã nếm trái mùi tại đây, lời than trách của họ vô hiệu và ảnh hưởng của họ chẳng hề được cải thiện và họ hoàn toàn bại trận.

« Sau đó, hòa ước được ký kết với Nguyễn triều và hòa ước này chỉ gây thêm phần nộ với niềm thất vọng của nhân dân 3 tỉnh.

« Chúng tôi bèn kêu gọi tất cả các quan chức gia nhập hàng ngũ chúng tôi và hô hào ai nấy mộ binh tại khắp địa phương, nhờ vậy đã tập hợp được dân chúng

thành một đạo quân nhiều ngàn người và số tiền tự ý quyên trợ đến bạc triệu. Khắp nơi ai nấy rất hoan hỉ được góp phần bằng của cải hay bằng công nhằm vào việc đuổi giặc.

« Mỗi lần đụng độ với giặc, cả hai bên đều có quân chết và vậy chúng tôi chẳng sợ địch.

« Trong khi hai vị đại thần An-Nam thừa lệnh nhà Vua đã ký kết hòa ước nhường ba tỉnh cho giặc, nhân dân ba tỉnh này tha thiết muốn khôi phục địa vị cũ bèn tôn chúng tôi làm lãnh đạo.

« Vậy chúng tôi không thể dừng làm điều mà chúng tôi đang làm, cho nên chúng tôi sẵn sàng chiến đấu ở miền Đông cũng như ở miền Tây, chúng tôi sẽ đề kháng, chúng tôi sẽ xông pha và sẽ phá tàn lực lượng của địch.

« Dân ba tỉnh thường bảo với nhau rằng: nếu giặc muốn ta phải chuộc lại 3 tỉnh thì cứ cho ta biết là đòi bao nhiêu ngàn bạc thì ta sẽ trả, nhưng bằng ba tỉnh ấy nhất quyết phải tách lìa khỏi Vương quốc thì như lời dân chúng đã nói « chúng ta thà chết chứ không chịu làm tôi cho giặc ».

« Nếu đường giao liên của các trạm có sứ giả từ Kinh tới hoặc là quý vị có gửi thông tin báo việc quy hoàn ba tỉnh thì chúng tôi sẽ cho phép giao thông nhưng quý vị cố ý duy trì sự đã rồi bằng cách đã nhượng một phần đất nước và giúp đỡ quân giặc thì chúng tôi sẽ chống lại lệnh chính phủ và chắc chắn chẳng còn hòa giải giữa quý vị và chúng tôi.

Trong trường hợp này quý vị chớ lấy làm ngạc nhiên về những biến cố sẽ xảy ra.

Nhằm mục đích ấy chúng tôi gửi tới quý vị bản tuyên ngôn này. Năm thứ 15 Triều Vua Tự-Đức ngày 28-11-1863.

Bình Tây Đại Nguyên Soái cùng Bình Tây Phó Soái đồng ấn ký (Sao y chính bản).

Cuối cùng, chúng ta hãy chép lại một vài đoạn trong một bản dịch khác của Trương-công-Định tiêu biểu cho tinh thần kháng chiến cao cả của phong trào kháng Pháp lúc bấy giờ. Bản dịch này đã được giáo sĩ Legrand de Lyrène, thông dịch viên của Toàn quyền có ghi lại trong sách « Les premières années de la Cochinchine, tác giả Paul Vial (Sử Địa Tập San Số... ngày... có trích đăng :

« Từ ngày lòng dân đã muốn ta lên làm ngươn nhưng ba tỉnh. Trước hết ta cố gắng điều khiển Tân-Hòa chống quân cướp ấy không thu được kết quả mỹ mãn: Chỉ còn trồng cây vào tám lòng yêu thương không phải lợi của các người đối với ta và ân trách vì đại của Triều đình.

« Vậy ta sẽ lấy vì lẽ làm cờ hay tầm vòng làm vũ khí. Thế là xong, bắt dung cho bọn cướp nước. Nhưng mà than ôi ! binh không lương thực còn bao nhiêu lúc tấn mác và vũ khí dự trữ phải bị chôn. Và giờ đây không có nghĩa quân để xử dụng nó, sự là lòng dân đã đổi hướng... Vì ta, ta chỉ là tên lính vô học thức và trở nên tướng lãnh vì thời thế, ta chỉ lấy cái dốt của ta, hồ thẹn ngồi cao hơn Hàm vị tướng lãnh kia, bên hữu



cũng như bên tả chẳng có người nào đề ta vấn kế, ta thì hành trong sự do dự...

« Ta thu thập những ý kiến của binh dân đề chiếm nghiệm và phụng sự nhân dân, những âm mưu trước mục đích hủy diệt quân cướp đề cuối cùng sao dứt một hồi trống dân chúng đều thở không khí thông thả.

« Vì lẽ ấy, ta ra tờ hịch này, yêu cầu hãy đến đây tất cả các người, dù ở đại binh nào, từ tổng binh đến quan suất, không phân biệt sĩ phu hay võ biên, nếu có phương pháp diệt quân giặc cướp, dầu dưới nước, dầu trên bờ, dầu với xe, dầu với ngựa hay là trâu, nếu quý vị ấy có ý tưởng đoạt tàu hay thân thành, nếu các vị này có một óc trí tốt đề kháng chiến một hang sâu, một vực thẳm đề đóng một đạo quân, ta cầu xin các vị ấy hãy giúp ta phương pháp đem về kết quả lớn lao. Ta sẽ thăng thưởng các vị ấy chức vị tương đương với công, những tướng lệ bằng tiền bạc, châu báu xứng đáng không thể gọi là phần thưởng của anh hà tiện cho.

Ta làm tờ hịch này cho mọi người đều biết.

Nay hịch,

(Tài liệu của Tập San Sử Địa Số... ngày...)

#### IV Những cái nhìn về Trương-công-Định qua lịch sử

Sinh bên tả ngạn Trà giang (Quảng Ngãi) lớn lên từ miền núi Thiên - Mã, vừa trưởng thành với lứa tuổi đôi mươi, Trương - công - Định đã rời miền Ấn Trà ôm chí lớn vào Nam lập nghiệp. Và, thời thế đã tạo người Quán cơ, Lãnh binh của Triều đình trở thành vị anh hùng dân tộc.

Trải 5 năm tranh đấu, qua 2 giai đoạn, giai đoạn hợp tác với quân Triều đình, sau đó ly khai Triều đình Huế, Trương-công-Định cương quyết đứng hẳn về phía nhân dân, cuối cùng chọn cái chết hiên ngang, hy sinh vì đại nghĩa dân tộc bên hữu ngạn giòng SỏiRap vùng Đám Lá-Tối-Trời miền Gò-Công.

Trương - công - Định là một trong những vị anh hùng kháng chiến tại miền Nam, đã lãnh đạo các lực lượng chống Pháp trên mặt trận quân sự và chính trị, cả gia đình đã hy sinh vì dân tộc và đã chiến đấu chống Pháp đến phút cuối cùng.

Cho nên Trương-công-Định đã trở thành một nhân vật kháng Pháp quan trọng được chú ý đến nhiều khía cạnh.

Nhìn chung tất cả ngay đến bọn thực dân xâm lăng đều công nhận Trương công Định là một vị anh hùng dân tộc có uy tín, đức độ, một nhà ái quốc chân chính tiến bộ xuất thân không phải từ khoa bảng mà từ chính sách đồn điền của triều Nguyễn (chính sách này khởi xướng từ 1830 thời Lê-văn-Duyệt, được phát triển do Nguyễn-tri-Phương, chính sách đồn điền đã tạo ra một vị anh hùng nhân dân mà ảnh hưởng của sự nghiệp chống Pháp rất sâu rộng tại miền Nam.

Trước hết, ta hãy ghi lời nhận xét của Nguyễn-Thông, người Gia - Định, đương thời với Trương - Công - Định, từng tham gia kháng Pháp, tác giả Độc - Am - văn - tập, một tập tài liệu lịch sử viết về những nhân vật kháng chiến miền Nam trong đó có Trương - Công - Định (nguyên văn bằng chữ Hán, đoạn trích của dịch giả Tô-Nam và Bùi - quang - Tung, Sử Địa Số 3, - 1968).

«... Định là người có nhiều cơ mưu, hiệu lệnh nghiêm mà sáng tỏ, tướng sĩ sợ mà kính mến bởi thể lập được nhiều chiến công hiển hách, trong triều, ngoài quân dân cũng biết danh, địch quân thì nghe đến khiếp đảm. Chẳng may vận nước lâm nguy, anh hùng ngậm hờn... »

— Đại - Nam Chánh - Biên Liệt truyện, trong tiểu sử Trương - công - Định có nhận xét về danh hiệu Trung - Thiên Tướng quân, một ông tướng đứng giữa trời, không theo lời ai cả. Vì theo lệnh thì giang san bị xóa bản đồ, con cháu Rồng Tiên mắc vòng nô lệ. Sao băng áo xiêm trùm bọc lẫn nhau, dọc ngang trên đầu nào có ai. Ấy mới gan, ấy mới tài, làm cho quân địch sồn gan, giật mình... Chí khí của ông thật là hiển ngang. Việc làm của ông quá đã oanh liệt chỉ lỗi vận nước lúc suy, lòng trời chẳng tựa... »

— Đại-Nam Nhất-Thống-Chỉ của Cao-xuân-Dục, Lưu-đức-Xung, Trần-đức-Xán (1909) trong tiểu sử Trương-công-Định đã ghi lại lời tâu của Phiền thần Trà-Quý-Bình :

« Nhà ông Trương-công-Định, cha con đều trung nghĩa, trên Vua từng rõ biết, xin chuẩn cấp 5 mẫu ruộng làm tư điền, giao cho người tộc thuộc Văn Hồ kế tự ».

— Chính người Pháp chủ trương diệt trừ kháng chiến cũng thừa nhận giá trị của Bình-Tây Đại-nguyên-Soái bằng những lời lẽ chân thành.

Đề cập đến những lời tuyên bố của Trương-Công-Định năm 1860 tác giả Paul Vial trong cuốn « Les premières années de la Cochinchine » Paul Émile dịch hịch của Định và nhận xét : « chính là ngôn ngữ cao thượng ».

Trong văn thư của Hải quân Trung-Tướng Bonard gửi bộ ngoại giao Pháp ngày 14-2-1863, có đoạn : «...Phe thù nghịch với Pháp chia nhiều nhóm đã biểu thị rõ ràng xu hướng bằng những hành động và tuyên truyền. Họ đồng tình chống lại chúng ta nếu không vì mục đích đã hoạch định thì ít ra cũng làm cho chúng ta phải rời bỏ đất Nam Kỳ.

« Quán Định cầm đầu cuộc khởi nghĩa ở Gò - Công, mặc dầu đã bị vị Kinh lược ở Vinh Long công khai không thừa nhận và nhiều phen khuyên y nên rút lui để có thể thi hành hòa ước nhưng y đã khăng khăng cự tuyệt. Như vậy là bề ngoài y ở vào cái thế phiến loạn chống Triều-đình Huế vì không tuân lệnh đã công khai ban hành nhưng y vẫn được cõ võ ngấm ngấm và được cung cấp khí giới, quân nhu, các chức tước và ấn tín nữa.

« Những người cầm đầu các phong trào khởi nghĩa Biên - Hòa đã đưa ra bản tuyên ngôn (đính gửi theo Văn thư này) hiển nhiên là họ theo quan điểm các phe kháng chiến do Thượng-Thư Trương-dăng-Quế lãnh đạo...»

Một văn thư khác của Thiếu Tướng Dela Grandière Thống-Đốc Nam-Kỳ gửi Bộ ngoại giao Thượng-Thư Pháp ngày 26-8-1864 về cái chết của Trương-Công-Định như sau :

« Hôm nay bản chức lấy làm hân hoan trình cáo hạ tường rằng : Quán Định mới bị giết trong một chiến dịch truy nã phản loạn đặt dưới quyền điều khiển của Hải quân Đại-úy Gongard. Ngày 19 vừa qua (198. 1864) được mật báo rằng Quán Định đã rời Phước-Lộc tới đóng một nơi trong quận Tân - Hòa tại làng Tân-Phước. Vị si quan Hải quân vội vàng tổ chức « một đội gồm toàn

du kích và lính mã tà tuyển chọn những phần tử đáng tin cậy nhất, chỉ huy đội quân này là Đội Tấn. Đội quân chia làm 3 toán và ngay đêm sau tới bao vây ngôi nhà có loạn tướng đang trú ẩn với hai mươi đồng đảng. Tảng sáng hôm sau, cuộc tấn công khởi diễn.

Quản Định đã lọt khỏi vòng vây và Đội Tấn hết hy vọng bắt sống bèn bắn một phát vào lưng khiến y chết liền. Bốn đầu lãnh thuộc hạ trong địa hạt Phước-Lộc cũng bị giết. Người thứ năm thuộc địa hạt Tân-Hòa mà người ta đồn là một yếu nhân địa phương nặng. Rất đông dân chúng đến Gò-Công để kiểm chứng côi chết của vị Quản cơ ghê gớm. Biến cố trên làm mất của Triều đình Huế một cán bộ thật khó mà tìm người thay thế » (DeLangdière).

— Hồ-huân-Nghiệp, một nhân sĩ Bình-Dương từng được Trương-công-Định bổ nhiệm Tri phủ đã nhận xét về Trương-công-Định « Ngã chỉ chí Trương-công-Đương thế địch dị nhân ».

— Trong tập san Sử Địa số 3, xuất bản tại Sài Gòn năm 1966, các học giả, Sử gia Việt Nam đương thời đã đưa ra nhiều nhận xét mới về Trương-công-Định.

Giáo sư Bình-Cầm trong lời tựa tập biên khảo về Trương-công-Định của chuyên viên Sử học Phù Lang Trương-bá-Phát đã viết :

« Trương-công-Định là một vị anh hùng kháng chiến miền Nam dưới triều Vua Tự-Đức đã khởi nghĩa chống thực dân Pháp và chiến đấu anh dũng đến giây phút cuối cùng, một nhân vật quan trọng của lịch sử Việt Nam, đến những người Pháp chống Trương-công-Định cũng thừa nhận giá trị, uy tín của ông... »

Chuyên viên khảo cổ; vừa là nhà biên khảo Vương-hồng-Sền đã viết trong Tạp chí Sử Địa số 2 đặc biệt về Trương-công-Định :

« Theo tôi, Trương-công-Định được nhiều người mến tiếc cho nên tặng chữ « công » làm chữ lót. Trương-công-Định là ông Trương tên Định thực là xứng đáng, lúc sanh tên ông chỉ là Trương Định không có chữ lót vì dân chúng sùng bái nên tặng và viết như vậy để tỏ lòng tôn kính.

— Trong buổi nói chuyện sáng ngày 21-8-1969 tại thánh đường Quốc Gia Âm Nhạc do nhóm tập san Sử Địa tổ chức nhân ngày tưởng niệm Trương-công-Định, học giả Hồ-Hữu-Tường, Phó viện Trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh đã giải thích những lý do vì sao Trương-công-Định được chọn lên hàng đầu những người kháng chiến.

Đề cập đến « Hiện tượng Trương-công-Định » nhà văn kiêm học giả Hồ-hữu-Tường đã nhận xét trong Tập San Sử Địa số đặc biệt về Trương-công-Định :

« Trương-công-Định đứng sẵn vào một cái thể là được ở địa vị làm Quản cơ một tổ chức dân quân khá lớn.

« — Những năm làm đồn điền đã tạo được nhiều công đức đối với nông dân.

« — Gán dạ và chỉ huy sáng suốt được các Quản cơ chọn làm người lãnh đạo.

— Tóm lại những yếu tố quan trọng là công, đức, tài, giá trị nội tại và cá nhân của vị anh hùng. Những yếu tố quan trọng này Trương-công-Định có hơn tất cả những người đương thời thì sự tuyền trạch là lẽ lối tự nhiên đưa vị anh hùng lên địa vị người anh hùng.

« Đó là lẽ tự nhiên (The right man in the light place). Ta có thể nói một tổ chức dân tộc đã đề cử một vị anh hùng dân tộc.

« Tổng kết về đặc điểm của hiện tượng Trương-công-Định, Hồ-hữu-Tướng đã viết :

— Thuở thiếu niên không làm quan và không có tư tưởng hưởng bổng lộc của Triều đình.

— Khi nước nhà hữu sự, hợp tác với Triều đình mà chống kẻ ngoại bang.

— Khi Triều đình hòa với kẻ thù thì lấy lại sự tự do hoạt động của mình mặc kệ việc làm của Triều đình và tiếp tục kháng chiến.

— Khi Triều đình dùng cái thế Vua quan mà bắt buộc, Trương-công-Định phủ nhận chức tước lớn, tự xưng là một vị Tướng quân của Trời ban cho. Đó là « Trung-Thiên Tướng quân ». Đây thật là hiện tượng.

#### V Trương-công-Định và nhà thơ Nguyễn-dình-Chiều.

Cuộc khởi nghĩa chống Pháp của Trương-công-Định đã quy tụ được nhiều nhân sĩ trí thức khoa bảng trong đó có tú tài Nguyễn-dình-Chiều tức nhà thơ Nguyễn-dình-Chiều.

Tác giả Lục văn Tiên không phải chỉ viết có 12 bài thơ liên hoàn và bài văn tế khốc Trương-công-Định mà còn là người có liên quan đến cuộc Kháng chiến do Trương-công-Định lãnh đạo. Tuy mang tật mù lòa nhưng cụ Đồ-Chiều vẫn nặng lòng cùng non nước, luôn luôn bí mật tiếp xúc với, nghĩa binh kháng chiến bày mưu kế.

Theo lời thuật lại của ông Nguyễn-dình-Chiêm, em ruột bà

Nguyễn thị Ngọc-Khue bút hiệu Nguyệt-Anh, con cụ Nguyễn-dinh-Chiều thi thời gian Trương-công-Định cầm đầu Nghĩa binh ở Gò-Công đã có phái người đến hỏi ý kiến cụ Đồ-Chiều về việc nên ở lại với nghĩa binh hay nhận chức Lãnh-Binh An-Hà.

Nguyễn-dinh-Chiều đã trả lời : « Tinh thể anh đi thì càng hay mà ở lại càng hay ». Trương-công-Định từng coi cụ Đồ-Chiều như người tri kỷ. Năm 1861, Định có yêu cầu Nguyễn-dinh-Chiều gia nhập bộ tham mưu nghĩa binh kháng chiến nhưng Cụ Đồ từ chối lý do vì mù lòa. Tuy thế, mỗi khi có việc chưa thông, Trương-công-Định đã nhiều lần cầu mưu hỏi ý kiến Nguyễn-dinh-Chiều trước, khi thi hành hay giải quyết.

Khi Trương-công-Định chết Cụ Đồ-Chiều rất đau khổ về tinh thần và cố làm 12 bài liên hoàn bát cú và một bài văn tế theo thể cổ văn đại bút đề diếu người anh hùng kháng chiến :

### ĐIẾU TRƯƠNG-ĐỊNH

#### I

Trong Nam tên họ nổi như cồn  
 Mấy trận Gò-Công nước tiếng đồn.  
 Dấu đạn hơi rem tàu bạch qui  
 Hơi gươm thêm rạng thể hoàng môn  
 Ngọn cờ ứng nghĩa trời chưa bẻ  
 Quả ấn Bình-Tây đất vội chôn.  
 Nỡ khiến anh hùng rơi giọt lụy  
 Lâm râm ba chữ diếu linh hồn

#### II

Linh hồn nay đã tách theo thần



Sáu tính còn roi dẫu tướng quân.  
 Mực sớ lãnh-binh mờ mắt giặc  
 Sơn băng ứng nghĩa thấm lòng dân.  
 Giúp đời đốc trợn ơn nam tử  
 Ngay chúa nào lo tiếng nghịch thần  
 Ốc ngở tướng tinh rày trở mặt  
 Giúp xong nhà nước buổi gian truân

## III

Gian truân kẻ xiết mấy nhiều lần  
 Vì nước đành trao một tấm thân  
 Nghe chón Lý-Nhân người sáng sốt  
 Nhìn còn Đa-Phước cảnh băng khang  
 Bất cơm Kê-lữ chi sơn huồi  
 Mảnh áo mông nhung chẳng nệ phần  
 Chí đốc ra tay nâng vạc ngã  
 Trước sau cho trợn chữ quân thần

## IV

Quân thần còn gánh nặng hai vai  
 Lỡ dở công trình hệ bởi ai ?  
 Trăm đám mộ binh vầy lớn nhỏ  
 Một gò cỏ lũy chống hôm mai.  
 Lương tiền nhà ruộng ba mùa trước  
 Thuốc đạn ghe buôn bốn biển ngoài.  
 May rủi phải chăng trời đất biết  
 Một tay chống chỏi mấy năm dài.

## V

Năm dài những mắng ngóng tin Vua  
 Nhín nhục thăm toan lẽ được thua.

U, Kể năm hằng còn chỗ đoái  
Ngô Tôn trăm chức đợi ngày đưa.  
Bày lòng thần tử vài hàng số  
Giữ mối giang sơn mấy đạo bùa.  
Phải đặng tuổi trời cho mượn số  
Cuộc này ngay vậy có phân bùa.

## VI

Phân bùa trời đất biết cho lòng  
Công việc đâu đâu cũng muốn xong.  
Cám nổi nhà nghiêng mong chống cột  
Nài bao bóng xế hướng day đờng.  
Đông-Nai, Chợ Mỹ lo nhiều phía  
Bến-Nghé, Sài Gòn kẻ mấy đờng  
Dấu biết dung binh nhờ đất hiểm  
Chẳng đành xa bỏ cõi Gò-Công

## VII

Gò-Công binh giáp ngó chàng rắng  
Đoái Bắc trông Nam lưỡng thở than  
Trên trại Đồn Đàn hoà khóc chủ  
Dưới vòm Bao-ngược sóng kêu quan  
Mây giăng Trường Cốc đường quân vắng  
Trăng xế gò rùa tiếng dàu tan  
Mấy dặm non sông đều xứng vững  
Nạn dân ách nước để ai toan ?

## VIII

Ai toan cho thấu máy trời sâu ?  
Sự thế ôi thời đã lắc đầu

Giặc cỏ om sòm mưa lại nhóm  
 Binh sương lác đác nắng liền thâu  
 Cờ lau đã xếp trên giồng cát  
 Trống sấm còn găm dưới cửa Khâu  
 Cảnh ấy những mơ người ấy lại  
 Hội này nào thấy Tướng quân đâu ?

## IX

Tướng quân đâu hỏi có hay chăng ?  
 Sáu ai cơ đồ nửa đã ngăn  
 Cảm nỗi kiến ong ra sức đẹp  
 Quán bao sâu một chịu lời nhặng  
 Đá kêu rêu mọc bia Dương Nghiệp  
 Cỏ úa hoa tàn mã Lý-Lăng  
 Thôi vậy, thôi vậy thôi cũng vậy  
 Anh hùng đến thế dễ ai dẫn ?

## X

Dễ ai dẫn thúc lối sau này  
 Trời hỏi chưa cho vội đời xây  
 Thả buổi trường sa da ngựa bọc  
 Khỏi nơi đạo Chích tiếng muông rầy  
 Lục lâm mấy chặng hoa sầu bạn  
 Thủy Hử vì đâu nhận lễ bày  
 Hay vậy cõi biên giông vó ký  
 Nấu nưng chờ vận có đâu vầy

## XI

Đâu vầy sấm chớp nổ thành linh  
 Gió bật thêm buồn mấy đạo binh,  
 Ngựa trạm xãng vắng miền Bắc khuyết

Xe nhùng ngựa ngàn cỡi Tây-Ninh  
 Bài văn phá Lỗ, cờ chưa tế  
 Tấm bảng phong thần gió đã kinh  
 Trong cuộc còn nhiều trang tướng-tá.  
 Lời nguyên trung nghĩa há làm thình

## XII

Làm thình hồ đứng giữa hai ngôi  
 Ném mật từ đây khó nổi ngôi  
 Mũi giáo Thi-Toàn dùng đề sét  
 Lưỡi gươm Dư-Nhượng phải toan giới.  
 Đánh Kim chi sá thắng Lưu-Dự  
 Giúp Tống xin phò gã Nhạc-Lôi  
 Dâng hộ nước Nam về một mối  
 Ngàn năm miếu vũ rạng công tôi

## Văn tế TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH

Hỡi ôi !

1.— Giặc cỏ bò lan ;

Tướng quân mắc hại !

2.— Ngọn khói Tây-bang đóng đó, cỡi Biên còn trống đánh  
 sơn lâm ;

Bóng sao Vũ-khúc về đâu, đêm thu vắng tiếng canh  
 dinh trái.

Nhớ tướng quân xưa

3.— Gặp thưở bình cư,

Làm người chí đại

4.— Từ thưở ở hàng viên lữ, pháp binh trăm trận  
 đã lâu.

Đến khi ra quán đồn điền, võ nghệ mấy ban cũng trái.

5.— Lúc giặc đánh tới theo quan Tổng-Đốc trường thi, mō sủng trọn mấy năm ra sức tranh tiên

Lúc cuộc tan về ở huyện Tân-Hòa đắp lũy hàn sông giữ một góc bày lòng địch thái.

6.— Chợt thấy cánh bướm lai sứ việc giảng hòa những tưởng rằng xong ;

Đã đành tẩm giấy tỵ phong, phận Thần tử há đâu dám cãi

7.— Bởi lòng chúng chẳng nghe Thiên-tử chiếu, đón ngấn mấy dặm mã tiền ;

Theo bụng dân phải chịu tướng quân phù, gánh vác một vai khờn ngoại.

8.— Gồm ba tỉnh dựng cờ phản nghĩa, sĩ phu lắm kẻ vui theo ;

Tóm muôn dân gầy sỏ mộ quân, luật lệnh nào ai dám nhại

9.— Văn thì nhờ Tham-biện, Thương-biện giúp các cơ bàn bạc nhưng công.

Võ thì dùng Tổng-binh; Đốc-binh, coi mấy đạo sửa sang khí giới.

#### Thương ôi !

10.— Tiền vàng ơn chúa, trót đã rõ ràng.

Ấn bạc mưu binh nào từng trề nãi.

11.— Chí lắm đốc cờ xuê lộ bố chói sắc giữa trào ;

Ai muốn đem gươm báu cang tương chôn hơi ngoài ải.

Há chẳng thấy ?

12.— Sức giặc Lang-Sa.  
nhiều phương quí quái.

13.— Giãng dưới nước tàu đồng, tàu sắt, súng nổ quá  
bấp rang,

Kéo lên bờ Ma-ní, ma-tà, đạn bắn như mưa vải.

14.— Dầu những đại đôn thuở trước, cũng khó toan đề  
trúng ngàn cân.

Hướng chi có lữ ngày nay, đầu đám chắc treo mình một dải.  
Nhưng vậy mà.

15.— Vì nước tắm thân đã nấy ;  
Còn mắt cũng tam ;

Giúp đời cái nghĩa đáng làm : nên  
hư nào nại.

16.— Rạch-Lá, Gò-Công mấy trận, người thấy đã kinh ;  
Cửa Khâu, Trại Cá các nơi, ai nghe chẳng hãi.

17.— Nhọc sức hộ tào biên sỏ, lương tiền nhà ruộng, cho  
một câu hảo nghĩa lạc quyền ;

Nào nhọc quan Võ-khố bình cân, thuốc đạn ghe buôn,  
quyền bốn chữ giang thương đạo tãi.

18.— Núi đất nửa năm ngăn giặc, nào thành đồng lữ  
sắt các nơi.

Giáo tre ngàn dặm đánh Tây, là ngựa giáp xe hung  
mấy cái.

Ồi !

19.— Chí dốc đem về non nước cũ ghe phen hoạn nạn,  
cây thương phá lỗ chưa lìa ;

Nào hay trở lại cánh quê xưa, nhắm mắt lâm chung, tấm  
băng phong-thần vội oải,

20.— Chạnh lòng quân sĩ, thương quan Tướng, nhắc  
quan Tướng chiu chít như gà.

Bực trí nhân dân, giận thẳng tà, mắng thẳng tà, om sòm  
như nhái.

Ôi !

21.— Sự thế hời bên Hồ, bên Hớn, bao giờ về một mối  
xa thơ.

Phong cương còn nửa Tống nửa Liêu, đầu nữ hại một tay  
trượng soái !

22.— Nào phải kẻ táng sư đầu giặc mà để nhục miếu đường  
Nào phải người kiêu chiêu đánh phiến, mà gây thù bên tái ?

23.— Hoặc là chuộng một lời hòa nghị, vận Nam-Thiên  
phải bắt Nhạ-Phi về. Hoặc là trăm họ hoành la thời U-địa chẳng  
cho Dương-Nghiệp lại.

24.— Vì ai khiến đưa chia khăn xẻ, nhìn giang san ba  
tính lưỡng thân buồn.

Biết thuở nào cờ phát trống rung, hơi nhật nguyệt hai vàng  
sao chẳng đoái !

25.— Còn chi nữa ; côi cô thế riêng than người khóc  
trượng, nhắm mắt rồi may rủi một trường không ;

Thời đã đành : bóng tà dương gấm ghé kẻ dây đòng quảy  
gót lại hơn thua trăm trận bãi.

Ôi !

26.— Làm ra có ấy, tạo hóa ghét nhau chi ?

Nhắc đến đoạn nào, anh hùng rơi lụy mãi !

27.— Cuộc trung nghĩa hai năm làm đại tướng nhọc nhằn  
vì nước nào sồn tiếng thị, tiếng phi.

Côi An-hà một chức chịu Lãnh-binh, lây lất theo thời,  
chưa chắc đâu thành đâu bại,

28.— Khóc là khóc : nước nhà cơn biến loạn, hôm mai  
vắng chúa, thua buồn nhiều nỗi khóc nôi ;

Than là than : bờ cõi lúc qua phân, ngày tháng trông  
Vua, ngơ ngẩn một phường trẻ dại.

29.— Tướng quân còn đó, các nơi đạo tặc thấy  
kiêng dè.

Tướng quân mất rồi, mấy chỗ nghĩa binh thêm bãi xí.

30.— Nào đã dăng mấy hồi thích lý, mán hôm che mặt  
răng xuê : Thà chẳng may một giấc chốn trường sa, da ngựa bọc  
thây mới phải.

Ôi !

31.— Trời Bến-Nghé mây mưa sùi sụt, thương đấng anh  
hùng gặp lúc gian truân ;

Đất Gò-Công cây cỏ ủ ê, cảm niệm thần-tử hết lòng  
trung ái

32.— Xưa còn làm tướng, dốc rạng gươm hai chữ bình  
Tây ;



Nay thác về Thần xin dựng hộ một câu phúc thái.

(Trích tài liệu của  
Phù-Lang Trương-bá-Phát  
Tập-San Sử-Địa số Đặc  
Khảo về Trương-công-Định  
Số 3 (7-8-9-1966)

**LÊ - TRUNG - ĐÌNH**  
**( 1857 - 1885 )**



## I THÂN THỂ

### I— Quê hương và gia thế :

Quê hương của Lê-trung-Đình xưa là Phú-Nhơn Bình-Sơn (nay xã Sơn-Long, Sơn-Tĩnh) một làng trù phú nằm bên tả ngạn sông Trà, có đường quốc lộ chạy ngang, có Thiên-Ấn niêm hà thẳng cánh hàng đầu, có Quán-Cơm từng là nơi dừng chân của khách bộ hành khi cầu Trà-Khúc chưa bắc qua sông, nối liền đôi bờ ranh giới Sơn-Tĩnh, Từ-Nghĩa.

Làng Phú-nhơn in bóng núi đồi, nhô lên, sụn xuống, đầu cao, đầu thấp, hình núi khuất khúc từ Tham-Hội Bình-Sơn phía bắc chạy vào giáp sông Trà-Khúc, Khúc vạy Khúc ngay, có bờ xe nước quay lặn bánh tròn tung bọt trắng xóa dâng nước về đồng suốt vụ xuân hạ tô điểm sắc xanh cho đồng lúa bát ngát.

Dòng họ Lê là một dòng họ khoa bảng rất mực thanh bạch liêm khiết trung hậu. Chử lót của dòng họ Lê do Dực-Tôn Hoàng-Đế ấn tứ. Đã có lần Vua Tự-Đức khen cụ Lê-trung-Lượng (Lạng) thân phụ của Lê-trung-Đình về đức tính thanh liêm (Thanh như Lượng) Cụ Lượng có tài kinh bang tế thế, lúc làm Tri huyện Nam-Đàn (Nghệ-An) đã có công khản hoang lập ấp,

thành lập 12 xã và được dân nơi đây tôn làm Phước-Hiền. Khi giữ chức vụ Án-Sát Bình-Thuận có lần cụ Lượng đã bị kết tội khi Quân vì đã nóng lòng phê bình chính sách Triều đình Huế, sau nhờ có môn sinh và dân 12 xã ấp, huyện Nam-Đàn, vào Kinh đội sớ xin tha tội nên mới được nhà Vua khoan hồng.

## 2) Tiền sử

Theo bút tích ghi lại của ông Nguyễn-đức-Mậu (một Đông y sĩ nổi tiếng trong tỉnh, thân phụ là cụ Nguyễn-đức-Trạch, bạn đồng môn với Cử-Đình) theo lời kể lại của cụ Nguyễn-đức-Trạch thì :

Lê-trung-Đình bát hiệu Long-Cang sinh năm Đinh Tị, Tự-Đức thứ 10 (1857), đứng hàng thứ 6 của một gia đình 10 con (4 trai, 6 gái) và là con trai thứ 3 của cụ Lê-trung-Lượng.

Tướng mạo của Cử-Đình khôi ngô, khi đi hai lòng bàn chân cong lại không dính đất, tỉnh tỉnh khăng khái, thông minh vượt bậc, 15 tuổi đã thuộc lâu kinh sử, văn chương nổi tiếng khắp tỉnh. Thầy dạy học của ông Đình là Tú Tài Phan-Thanh xã An-Nhon, một ông thầy nổi tiếng ở địa phương, dân chúng thường gọi ông Tú Bảy, Tú Thầy, tác giả bài về « Lụt Bất quá » được phổ biến rộng rãi, có nhiều môn sinh thành đạt. Tạ-Tương (Tấn sĩ giáp-Thìn 1908) Đỗ Duân (Hội-Nguyên) Trương-quang-Đản (Đông Các Đại học Sĩ, tác giả Cúc-Kê thi tập) Ông Đình cũng từng được thân phụ gửi theo học ông Cử Nguyễn-duy-Cung tức Ân Cung, tác giả « Huyết lệ tâm thư », Án Sát Bình-Định, hưởng ứng phong trào Cần-Vương, tử tiết trong thành Bình Định.

Năm Tự-Đức 32 Kỷ-Mão (1879) ông Đình dự khoa thi

Hương tại trường Bình-Định, tin tưởng sẽ chiếm chức Thủ-Khoa nhưng vì lơ đễnh Chữ nhất xuất vận nên bị đánh hỏng.

Năm Nhâm-Ngọ (1882) lại dự thi một lần nữa tại Bình-Định, quyết giành Thủ-Khoa nhưng đến lúc treo bảng ông Đình chỉ đậu Cử nhân vì bài phú «Thượng Hữu» đã viết thoát khuôn khổ văn phạm.

Tinh tình cương trực, cảm xúc trước cảnh suy vong của đất nước, Cử-Đình ngao ngán đường thi cử, khinh thường hoạn lộ công danh, chỉ lo nghiên cứu binh thư đồ trận, theo dõi tình hình trong nước và âm thầm nung nấu tinh thần ái quốc.

Phong trào nghĩa hội với lý tưởng Cần-Vương được bí mật tổ chức sâu rộng tại các tỉnh miền Trung. Cử-Đình cùng Tú-Tân (tức Nguyễn-tự-Tân Sinh năm 1848, thôn Phước-Thọ, làng Trung-Sơn (Bình Lãn) đậu Tú-Tài tại trường thi Bình-Định (1868 lúc 20 tuổi) hai vị khoa hảng này tích cực tham gia Nghĩa-hội, thiết lập chiến khu Truyền-Tung (Bình-Sơn), chiêu tập nghĩa binh, luyện tập sử dụng vũ khí vận động quần chúng, trở thành lãnh tụ Cần-Vương tại Quảng-Ngãi.

Ngày 1-6 Ất Dậu (7-1885) từ chiến khu Truyền-Tung, Lê-trung-Đình và Nguyễn-tự-Tân kéo quân về chiếm thành Quảng-Ngãi ngay trong phút đầu, giữ thành được 5 hôm, ngày thứ 6 bị quân của Tiều-phủ-Sơn phòng Nguyễn-Thân phản công tái chiếm thành Quảng-Ngãi. Phó-Tướng Nguyễn-tự-Tân bị chém tại chỗ Lê-trung-Đình bị hạ ngục.

Lúc đầu Nguyễn-Thân có ý định thuyết phục cử Đình để dùng nhưng vì lời dèm pha «dưỡng hổ di họa», hơn nữa biết Cử-Đình không bao giờ chịu quy thuận nên cuối cùng

Tiêu-phủ-Sơn phòng không có ý kiến gì về quyết định của Đề-Đốc Đinh-văn-Hội hạ lệnh xử tử Cừ Đình. Cừ Đình bị chém ngày 12-6 âm (tháng 7-1885) trong thành Quảng-Ngãi góc tây bắc sau một tuần lễ bị giam giữ.

Thời gian Lê-trung-Đình bị hạ ngục, gia đình họ Lê bị bọn quan lại Triều đình thân Pháp khủng bố ráo riết. Ông anh thứ 5 phải thất cớ chết tại Nhơn-Hà, người vợ trẻ của Cừ Đình con gái dòng họ Trương đang có mang phải chạy về ẩn náu tại Nghĩa-Hành, sau để được người con trai duy nhất mà ở địa phương gọi là ông Viên-Rèn. Bà Cừ Đình thương ru con bằng thơ cách mạng của chồng.

Trước khi chết, Cừ Đình đã viết tâm thư nói lên ý chí cách mạng của mình :

« Máu đỏ tạc sơn ba tấc lưỡi  
Gan vàng hực lửa một lòng son »

Lê-trung-Đình chết năm 29 tuổi để lại 1 con trai. Hai cháu nội của ông hiện còn sinh sống tại Quảng-Ngãi : Lê-trung-Kiệt (giáo sư) Lê-trung-Nho (hoạt động chính trị).

Tỉnh Quảng-Ngãi từng được lấy tên là tỉnh Lê-trung-Đình vào năm 1945, thời ấy một trường lớn cũng lấy tên Trung-Học tư thục Lê-trung-Đình. Hiện nay con đường thương mại lớn nhất trong tỉnh lý Quảng-Ngãi đặt tên Đại-Lộ Lê-trung-Đình.

Mộ Cừ Đình hiện tọa lạc xóm Mít, ấp Phú-nhơn, giáp giới Mỹ-Lộc, xã Sơn-Long cách tỉnh lý 5km đông-bắc. Mộ nằm giữa đám thổ của gia đình, rộng độ 1 sào, quanh năm có bóng mát che khuất.

Nhà thờ chính của họ Lê ở ấp Phú-Nhơn, xã Sơn-Long



Mộ Lê Trung-Dinh tại xóm Mít ấp Phú-Nhơn xã Sơn-Long,  
Sơn-Tĩnh (Quảng-Ngãi)



sát quận lý Sơn-Tĩnh về phía đông. Ngày giỗ chính 1 tháng 5 ÂL, ngày chạp 4-12 ÂL hằng năm.

### 3) Giai thoại

Cử Đình là một nhân vật khoa bảng nổi tiếng không những về sự nghiệp cách mạng kháng Pháp, cột trụ của phong trào Cần-Vương tại Quảng-Ngãi mà còn nổi tiếng về tài văn chương lỗi lạc và khí phách anh hùng.

Tuy không còn lưu bút tích nhưng Cử Đình còn để lại nhiều giai thoại lý thú được truyền khẩu trong dân chúng.

#### a) Ghẹo con gái của thầy

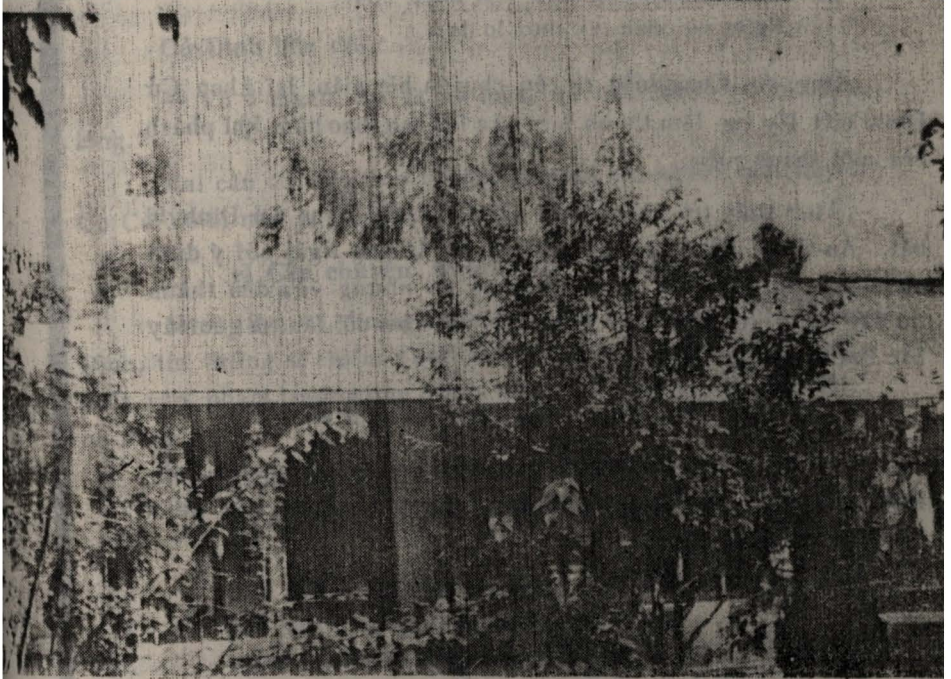
Ấn Cung, tức Nguyễn-duy-Cung, người Châu Vạn-Tượng (hiện ấp Thanh-Liêm, xã Tư-Bình, Quảng-Ngãi) đậu Cử nhân, nguyên Tham biện Sơn Phòng Quảng-Ngãi rồi Đề-Hình (Ấn Sát) Bình-Định, sau này hưởng ứng phong trào Cần-Vương.

Nguyễn-duy-Cung là thầy dạy học của Cử-Đình. Ông thầy này có một cô gái lớn khá đẹp nhưng rất tinh nghịch, thường hay đi tiêu gần lớp học.

Các bạn đồng môn của Cử-Đình rất bực tức, thách Cử Đình tìm dịp chọc ghẹo cô gái kia cho bỏ ghét.

Cử Đình hăng hái nhận lời bạn bè và đã có lần suýt diễn trò « chọc gái » quấy rầy cô con gái của thầy nhưng chưa kịp thi hành đã bị ông Ấn-Cung tinh cò bắt gặp và đe nọc ra đánh roi đề trừng phạt.

Cử Đình liền xử dụng món sở trường, ứng khẩu bài thơ tứ tuyệt phân trần cùng thầy :



Nhà thờ chính của họ Lê ở xã Sơn Long (Quảng Ngãi) nơi thờ phụng Lê-trung-Đình

« Khoan khoan, con nói đề thầy nghe  
 Mới vật xuống đây, chưa kịp đề  
 Hai cánh hương môn còn khép chặt  
 Ngọn cờ xích xí mới lo le »

Ông Ân Cung hiểu rõ câu chuyện hết giận, lại khen Cử Đĩnh biết lấy tục làm thanh hơn nữa lời thơ bao hàm khí phách của một thanh niên.

Thầy thầy trò thăm thiết sau này khi nghe Cử Đĩnh bị bắt. Ân-Cung vội vã từ Bình-Đĩnh về Quảng-Ngãi với ý định vận động cho Cử Đĩnh được trả lại tự do nhưng vừa đến thành thì đầu người học trò thân yêu đã bị rời khỏi cở, lăn từ góc tây bắc thành Quảng-Ngãi ra ngoài.

### b) Đùa nghịch, đối đáp với bạn bè

Có tài xuất khẩu thành thơ, trào lộng một cách tài tình. Một dịp ngồi chơi với bạn bè, lở đau bụng phải xả hơi xấu, nhân đó Cử Đĩnh tự vịnh !

« Lê-trung-Đĩnh  
 Bụng sinh hề, bụng sinh  
 Ống võ còn kinh  
 Huống chi điều bình  
 Mùi tợ bánh khô chi vị  
 Tiếng dùng pháo Tết chi thanh ».

Có lần Thủ-Khoa Điện ra câu đối :

— Đĩnh hư giữa chợ, ăn này ngũ

Cử Đĩnh đối ngay :

— Điện tế ngoài đồng chó dơi ăn

Ông Cử Châu nhái Trần-bá-Võ ra câu đối :

Đình ra sân, Đình đứng, Đình dùng, Đình bị sét, Đình  
còn một cột.

Cử Đình liền đối :

— Võ ý mạnh, võ ra võ múa, võ mắc mưa, võ ướt hết  
lông.

Hai câu đối này ứng nghiệm vào đời hai người sau này :  
Cụ Cử Võ bị nan y, Cử Đình bị chết chém.

### c) Câu chuyện trường thi Bình-Định

Năm 1879, Lê-trung-Đình dự khoa thi Hương ở Bình-Định, tin tưởng sẽ chiếm Thủ-Khoa nhưng vì vô ý đề Chữ nhất xuất vận, phạm trường quy nên bị hỏng. Cử Đình có bài tự thuật, có đoạn :

« Bình-Sơn nãi tranh khôi chi địa,  
Như Nguyễn, như Trương, như Phạm cũng  
danh dương

Còn hậu sinh như Bá-Võ, Trung-Đình  
Lâu nay cũng tập rình nơi Long-Thủ  
Khoa Kỳ-Mão : ưu, bình trường nhất đủ  
Giải nguyên nầy hai chú hãy giành nhau  
Chữ nhất kia xuất vận bởi vì đâu ?  
Nên Đình lại qua khoa Nhâm-Ngũ  
Còn một tay Bá-Võ vào trường ba, Chũ Tấn lại  
quên đài

Úy thôi thôi hồng cá vừa hai  
Con tạo khéo thầy lay chi lắm bấy  
Long độc nhãn Phi lai hà xử tộc

Mất-Thủ-Khoa về bởi tay ai ?

Rồng Khúc-Thủy lạc loài nơi Chương-Nghĩa.»

Năm Nhâm ngũ, đúng như lời hẹn, Lê-trung-Đình lại dự thí trường Bình-Định, quyết giành Thủ-Khoa kỳ này. Trong khi chờ đợi vào trường thi, Cử Đĩnh có tâm sự với bạn bè : « Lần này có chấm bài tôi thì các quan nên chờ bữa nào nắng ráo chứ gặp trời mưa khuyên son `nhiều sợ không kịp khô ». Nhưng đến khi treo bảng thì Cử Đĩnh chỉ đậu Cử-nhân, Thủ-Khoa Nhâm-ngọ cũng về Quảng-Ngãi nhưng lọt vào tay ông Chất.

Nhân vụ này, có giai thoại kể rằng : khi coi bảng, Cử-Đĩnh rất tức tối vì biết Thủ-Khoa kỳ này kém tài hơn mình nhiều. Vì bức tức nên vô lễ gặp tên Thủ-Khoa Chất, sẵn quạt cầm tay Cử Đĩnh đập nhẹ vào đầu ông Chất vừa nói : « Thủ Khoa gì ông mà Thủ-Khoa ? »

Ông chánh Chủ-Khảo truyền nọc Cử-Đĩnh đánh roi. Bị đánh xong, Cử-Đĩnh ngồi dậy ứng khẩu hai câu thơ :

« Đầu Thủ-Khoa năm ba dấu quạt

Đít Cử Đĩnh sáu bảy lần roi »

Mọi người đều cười và khen tài khẩu khí của Cử Đĩnh.

Theo giáo sư Lê-Kính (Tú Tài khoa Mậu-Ngọ (1918) kể lại một cách xác thực hơn thì không hề có chuyện Cử Đĩnh đánh tân Thủ khoa, và cũng không bao giờ một chánh chủ khảo có quyền nọc định một tân khoa.

Sự thật như sau :

Được biết Lê-trung-Đình nổi tiếng hay chữ tại Quảng-Ngãi vào thi mà chỉ đậu Cử-nhân, ông Chánh chủ khảo có cho mới

vị tân khoa đến gặp và đọc một đoạn ngắn trong bài phú Thượng Hữu văn Cái Tử của Lê-trung-Đình và cả bài của Thủ-Khoa Chất.

Bài Cử Đình nét thoát ra khuôn khổ văn phạm hán học. Có 2 câu :

« Canh-Đế Thuận ư Đường-Nghiêu  
Mộng Châu-Công ư Khổng-Tử »

Hai câu trên, quan trường cho tối nghĩa, không xuất sắc mạch lạc bằng 4 câu của Thủ-Khoa Chất :

« Đông Châu chí Thánh  
Mộng kiến Châu-Công  
Chiến quốc đại hiền  
Nguyện học Khổng-Tử »

Trong buổi lễ trình diện 16 tân Cử nhân tại dinh Tổng-Đốc, ông chánh Chủ Khảo có hội ý kiến về giá trị 2 đoạn trích trong Phú Thượng hữu của Cử-Đình và Thủ-Khoa Chất.

Cử Đình thân nhiên trả lời « bài của anh Thủ-khoa Chất có hay nhưng chỉ hay 4 câu đó thôi. »

Sau buổi trình diện ở dinh Tổng - Đốc Bình - Định, ra về, các tân khoa Quảng-Ngãi họp nhau ở quán đề ăn uống. Cử-Đình có nói với Thủ-Khoa Chất « ông chủ khảo muốn anh đậu cao thì cố kiếm 4 câu trên và muốn tôi đậu thấp thì cũng chỉ xem 4 câu của tôi thôi ». Thủ-khoa Chất và Cử-Đình tranh luận nhau sôi nổi suýt mất hòa khí, biến thành ầu đá nếu không có sự can gián của các ông Cử khác.

#### D) Tranh luận với Phó Bảng Đỗ-dăng-Đệ

Đỗ-dăng-Đệ, người cùng làng với Lê-trung-Đình, đậu

Phó Báng năm Thiệu-Trị thứ 2 (1842) nổi tiếng văn học có lưu lại tập « Tông-Đường di thảo », có con trai Đỗ-Duân đậu Hội Nguyên, năm Tự-Đức 34 (1859) Thượng Thư hưu trí.

Giai thoại kể rằng : Khi vừa đậu Cử nhân ở Bình-Định về, Cử-Đình có ghé thăm Đỗ Duân bạn đồng môn nhưng không gặp, chỉ có thân sinh của Duân là ông Đệ ở nhà. Phó Báng Đệ tiếp chuyện Cử-Đình ở gian nhà trên. Cử-Đình ngồi ở trường kỷ đối diện, trong lúc trả lời những câu hỏi của Phó Báng Đệ đã vói chiếc bình vôi tằm trâu ăn nhưng không biết vô tình hay cố ý lại trả chiếc bình vôi ngay trước mặt ông Đệ.

Ông Đệ cho hành động trên là vô lễ, xác xược đối với người lớn và đã ngỏ lời quở trách : « Thầy-Cử, thầy khí quá, khi như anh Lượng thuở trước là cùng » (cố ý nhắc lại việc cụ thân sinh của Cử-Đình từng bị mắc tội khi quân vì có lời phê bình chính sách của Triều-đình). Cử-Đình lễ phép ung dung trả lời :

— Thừa cụ lớn, cha con có khí nhưng khí đạo, khí tiết, khí nghĩa, nghĩa lý chỉ khí chứ không khí « tặc vị chỉ khí thành nhi tẩu (cố ý châm biếm việc Phó Báng Đệ bị cách chức vì đã dể thất thủ thành Định-Tường năm Tự-Đức thứ 12 (1859) lúc ông Đệ còn làm trấn thủ thành này. Ông Đệ rất giận. (Giai thoại này có người kể lại lý do Phó Báng Đệ quở trách Cử-Đình là vì những lời khí khái của Cử-Đình thời thư sinh trong lúc tranh luận với bạn là Đỗ Duân (con của ông Đệ) trong vấn đề tương tại nhà Duân.

**Đ) Tiếng nhạc ngựa và lời thơ  
giáng bút trong đêm**

Mộ Lê-trung-Đình nằm giữa thửa đất nhà tại xóm Mít xã

Sơn-Long, quanh năm ẩn khuất dưới bóng mía, có mương nước xe chảy ngang qua xóm nhà lúa thừa, có hàng tre nhỏ trên bờ ruộng lúa.

Đồng bào trong xóm Mít kể lại, bóng Cừ-Đình thỉnh thoảng còn hiện về nhất là những đêm thanh vắng có tiếng nhạc ngựa rung, âm thanh nghe rõ, loang xa khắp vùng.

Và, trong những buổi cầu cơ, đôi khi có những bài thơ của Cừ-Đình giáng bút như đề bày tỏ niềm sự cùng người hậu thế ở dương gian :

Có đoạn thơ sau :

◀ Ngó thấy giang san những ngậm ngùi  
 Buồn lòng mượn cảnh để làm vui  
 Tiếng chim kêu hạ lòng tư tưởng  
 Giọng để ngâm thu dạ sứt sùi

Non sông đâu chẳng là trăng gió  
 Nhân khách đừng tham miếng ngọt bùi ▶

## II SỰ NGHIỆP

### 1) Lãnh đạo Phong trào Cần-Vương tại Quảng - Ngãi

Năm Ất Dậu (1885) ngày 5-7-1885 thành Thuận-Hóa thất thủ vào tay Decourcy. Vua Hàm-Nghi xuất bôn ra Quảng-Trị xuống chiếu Cần-Vương.

Hàng ngũ quốc gia phân hóa rõ rệt hai phe : thân Pháp, thân Cần-Vương.



Hưởng ứng hịch Cần-Vương của Vua Hàm-Nghi tại Quảng-Ngãi Cử-Đình và Tú Tân đứng ra lãnh đạo phong trào kháng Pháp, tập hợp các nhân Sĩ trí thức Khoa bảng, kết hợp các nghĩa Sĩ yêu nước thiết lập Nghĩa-Hội biến thành lực lượng vũ trang để cướp Chính quyền tại tỉnh, định dùng lực lượng này tiến về Kinh Đô giúp Vua Hàm Nghi khôi phục lại Kinh thành Huế.

Tổ chức kháng Pháp Nghĩa-Hội được hưởng ứng mạnh mẽ tại 3 tỉnh :

Quảng-Nam có Nguyễn-duy-Hiệu.

Quảng-Ngãi : Lê trung Đình, Nguyễn tự Tân.

Bình-Định : Mai-Xuân-Thường, Nguyễn-duy-Cung, Nguyễn-Cang

Tuy được tổ chức trong vòng bí-mật nhưng thanh thế nghĩa quân rất lớn và tổ chức Nghĩa Hội ngày càng bành trướng, được cảm tình nồng nhiệt và sự ủng hộ nhiệt thành của các tầng lớp nhân sĩ trí thức và đông đảo dân chúng.

Chiến khu Truyền Tung (Tây Bắc Bình-Son) là căn cứ quân sự chính của quân Nghĩa hội, nơi tập hợp các lực lượng vũ trang, huấn luyện, dự trữ lương thực chuẩn bị tấn công thành Quảng-Ngãi.

## 2) Chỉ huy chiếm thành Quảng Ngãi

Tình thế đã chín mùi, lực lượng đã lớn mạnh, quân Nghĩa-hội quyết định tấn công chiếm thành Quảng Ngãi theo như chiến lược đã vạch sẵn trong giai đoạn đầu.

Ngày 1 tháng 6 Ất Dậu (tháng 7-1885) dưới sự chỉ huy trực tiếp của Chánh Tướng Lê-trung-Đình và Phó Tướng Nguyễn-tự-Tân, quân nghĩa hội xuất phát từ chiến khu Truyền

Tung hùng dũng kéo về Nam, hướng tỉnh lỵ. Trên đường tiến quân bỗng gặp một người đàn bà chữa, có người cho là diễm không lành khuyên tạm hoãn binh nhưng Nguyễn-tự-Tân ra lệnh cứ tiến, kẻ nào do dự sẽ bị chém đầu.

Từ tây bắc Bình-Sơn đoàn quân Cách mạng dừng lại Quán Cơm rẽ phía đông-nam và tập hợp trên bãi cát sông Trà. Sau khi kiểm diễm lực lượng, quân Nghĩa-Hội chia làm 3 đội, dùng thuyền nhỏ vượt qua sông Trà do 3 ngã, bao vây thành Quảng-ngãi và chiếm thành ngay trong đêm 1 tháng 6. Lực Lượng Cần-Vương không gặp sức chống cự nào đáng kể của quân Triều đình thân Pháp. Tại Trường Bảng, sát quốc lộ 1, hàng ngàn dân chúng diễm đặng, kéo cờ chào mừng chiến thắng đầu tiên của quân Cần-Vương chống Pháp và hân hoan nghênh đón Cử Đỉnh Tú Tân.

Chiếm thành, lập tức Cử Đỉnh ra lệnh ân xá phạm nhân, bố trí canh phòng, thao duyệt binh sĩ, tích trữ lương thực, đặc biệt đã có ý định tôn ông Hoàng-Sứ tức Tuy-lý-Vương (lúc bấy giờ bị Nguyễn-văn-Tường an trí tại Quảng-Ngãi vì có con là Hường-Sâm bí mật giao thiệp với Khâm Sứ Champeaux) làm Minh-Chủ đề sáng tỏ thêm Chính nghĩa Cần-Vương nhưng Tuy-lý-Vương từ chối.

Lúc đang làm chủ thành Quảng-Ngãi, Phó tướng Nguyễn-tự-Tân xem thiên văn thấy sát khí nổi dậy từ phía tây nam ngờ có nội phản liền thị sát các Vệ quân đang phòng thủ. Tú-Tân nghi Vệ hữu do đội Hùng chỉ huy có ý phản bội, lập tức đem viên đội này ra chém thị oai. Do đó nghĩa binh thuộc Vệ hữu bất mãn bí mật liên lạc phối hợp với quân Sơn-phòng, mặt khác gây mâu thuẫn, ly gián nội bộ quân Cần-Vương.

Làm Chủ thành Quảng-Ngãi được 5 hôm, ngày 5-6 Ất-Dậu (7-1885) quân Triều đình thân Pháp do Tiểu phủ Sơn-phòng Nguyễn-Thân chỉ huy từ hướng Ba-Tơ, Vạn-Lý kéo về công thành. Quân Nghĩa-Hội chống trả kịch liệt nhưng vì ít quân số lại nội bộ bị ly gián nên cuối cùng phải bỏ thành rút lui. Phó Tướng Nguyễn-tự-Tân và các chỉ huy khác như : Trần-Tu, Nguyễn-Viện bị chém tại trận. Chánh tướng Lê-trung-Đình bị bắt sống và hạ ngục sau đó.

Quân Nghĩa-Hội từ Bồng-Sơn. (Bình-Định) do Nguyễn-Can chỉ huy tiến ra tiếp viện vây Sơn-Phòng, cánh khác do Bùi-Điền chỉ huy kéo về tỉnh lỵ tiếp ứng vây thành.

Quân của Tiểu phủ Sơn-Phòng từ Thọ-Xà di chuyển lên đánh lui cánh quân do Nguyễn-Can chỉ huy, viết mật thư dụ quân Bùi-Điền, phục kích đoàn quân này tại cổng Thọ-Rèn. Bùi-Điền thua phải rút lui về Quất-Lâm, sau đó kéo về Bình-Định

Quân Nghĩa-Hội từ Quảng-Nam kéo vào đánh tan cánh quân thân Pháp do lãnh binh Trần-Giã chỉ huy ở Châu-Đ gần làng Yên-Trì. Nguyễn-Thân lại kéo quân ra đóng tại đình Chánh-lộ, học hậu qua ngã Chợ Mới, Châu-Nhai Trà-Bình đánh ngang qua hông quân Nghĩa-Hội tại Trì-bình. Quân Nghĩa-Hội bị tấn công bất ngờ un khói mù mịt chặn bước tiến của quân sơn phòng, ban đầu có kết quả không ngờ gió đổi chiều khói bay về hướng nghĩa quân, quân Sơn-phòng thừa thế tấn công khiến Nghĩa-quân do Nguyễn-duy-Hiệu chỉ huy núng thế hàng ngũ rối loạn phải rút lui về Bến Ván (địa đầu Quảng-Ngãi lúc bấy giờ). Cầu làng Yên-Trì bị đốt cháy trong trận đánh này.

Tuy bị thất bại trước quân Sơn-phòng, thành Quảng-Ngãi

bị chiếm lại nhưng các lực lượng Cần-Vương vẫn tiếp tục hoạt động mãi đến 3 năm sau (1888) mới thực sự tan ra ăn nhịp với việc Vua Hàm-Nghi bị bắt và phải lưu đày.

### 3) Thơ văn lưu truyền

Cử Đình, Tú Tân không những là những nhà cách mạng mà còn là nhà thơ đã biết dùng thi ca nói lên ý chí bất khuất của mình, xử dụng ngôn ngữ thi ca biến thành lợi khí tranh thủ quần chúng, vận động cách mạng làm tan rã hàng ngũ giặc xâm lăng.

Thơ và câu đối của Cử Đình rất nhiều nhưng không lưu bút tích gì chỉ truyền khẩu trong dân chúng cho nên người ta không ngạc nhiên khi đọc trong bài thơ, câu đối có nhiều đoạn hay chữ khác nhau.

Tài liệu thơ câu đối sưu tầm sau đây dựa theo bút tích của cụ Đông-y-sĩ Nguyễn-đức-Mậu (thân phụ của giáo sư Nguyễn-đức-Tập), phần khác do lời khẩu truyền của các nhân sĩ trí thức khoa bảng còn lại ở địa phương.

Bút tích của Đông-y-sĩ Nguyễn-đức-Mậu ghi lại lời của cụ Nguyễn-đức-Trạch, bạn đồng môn của Lê-trung-Đình cho biết : lúc 24 tuổi, Cử Đình từng làm nhà củ lủ trên núi Long-Đầu và tự xưng : « Long-Đầu xử sĩ ». Thời gian này Cử Đình có làm thơ và câu đối :

Thơ

### LỤT - BẮT - QUÁ (1)

Mưa từng chập, gió từng hồi

---

(1) lụt lớn tại Quảng-Ngãi năm Tự-Đức 31 tức Mậu Dần 1878. Ông Tú-Báy, hay Tú Thầy tức Phan-Thanh có làm bài « Về lụt Bất quá » (xem tài liệu của giáo sư Huỳnh-Châm Non nước xứ Quảng tân biên 1971)

Phút chốc đầu đầu đã ngập rồi.  
 Lũ kiến bắt tài tha trứng chạy  
 Bầy rêu vô dụng kết bè trôi.  
 Lao xao cửa Bắc lừa trâu cột  
 Lớm xớm lầu Tây thấy chó ngòi.  
 Hòn diêm nhân dân đã thế hử ? (2)  
 Nào ông Hạ Võ ở đâu ôi !

**Thượng cảm, trung thú, hạ ngư**

Gương loan tây cách mấy thu dư  
 Sẻ chạnh lang quân đuổi dạ chờ.  
 Gối phụng mang sầu kiếm biển gầy  
 Thoi-anh gấm thắm lụy khôn ngư.  
 Canh gà thỏ thẻ cam buồn bực  
 Chiếc nhạn cheo veo lạc vật vờ.  
 Ủng phận thiều heo cầm mỗi một  
 Thuyền quyền tượng vẽ ép hai thờ.

**Giã vợ đi thi**

Tên cô cung đầu vẫn chắc phần  
 Cực vì bề ái lại nguồn ân.  
 Khúc đàn Cầm Sát vui từng nhịp  
 Chén rượu quan hà hặng mấy cân,  
 Trương liễu dù vui xuân chín chực  
 Cửa rồng ai lướt sóng ba từng  
 Dặn lòng vàng đá, em đừng ngại  
 Chán biết hoàng châu mấy sắc xuân./

2) Hòn diêm : tối thấp, ý nói hạ dân, câu này có người đọc :  
 Nữ đem dân đen chim đấm bầy.

**Câu đối**

— Ấn lãnh tứ phương, trung thiên độc lập  
 Trà giang cửu khúc Đông Hải hồi hoàn  
 — Trà thủy giao dư Trà thủy hội  
 Ấn Sơn tác hiệp, ấn Sơn nhơn  
 — Núi Long đầu, đầu cao đầu thấp  
 Sông Trà Khúc, Khúc vạy Khúc ngay

**Trăng đêm 16-2**

— Thiều quang chín chục già nửa nửa  
 Nguyệt phách ba tuần thiếu thí thí

**Câu đối dán trên lồng đèn đám ma  
 của mẹ một quan viên ở Quảng-Nam  
 đem về táng tại Quảng-Ngãi**

Xưa mẹ dạy con, dầu chừng mô, nước chừng ni,  
 con hử

Nay con đưa mẹ, gió bên nào che bên ấy mẹ ơi !

**Câu đối cho 2 người rể, một người vợ còn,  
 một người vợ chết**

Biền cạn, non mòn, trăm năm còn, trăm năm mất  
 Đào thơ liễu yếu, một nhánh héo, một nhánh tươi

**Vịnh lúc đi câu cá**

Thành Hán hơn Hàn cơm rắng bụng  
 Ghềnh Văn thua Lữ bánh thâu râu

**Vịnh Ngô-tùng-Châu và Võ-Tánh**

Thuốc độc ngọt ngon mùi chính khí

Lửa hồng mát mẻ tấm trung cang

x        x

x

— Tinh say dạ ngọc nâng bầu rượu

Sắc súc gan vàng mài lưỡi đao

**NGUYỄN - SỰ**  
**( 1880 - 1916 )**





Làng Hồ - Tiểu, quê hương của Nguyễn Sự

## I. THÂN THỂ

### Gia thế và tiểu sử :

Nguyễn-Suy (cũng có tên là Thụy) sinh năm Canh-Thìn 1880 tại thôn Hồ-Tiểu Tư-nghĩa Hạ (nay ấp Hồ-Thanh, xã Tư-Nguyên, quận Tư-Nghĩa) xuất thân từ một gia đình giàu có, phúc đức được trọng vọng khắp một vùng. Thân phụ của ông là Nguyễn-Quỹ, Phó quản hương binh Sơn-phòng, thân mẫu là bà Hồ-thị-Tứ chánh lộ.

Nguyễn-Suy vốn là môn sinh của ông Học-Các, tiếp tục học trường tỉnh. Đậu Học sinh tỉnh, năm Quý Mão (1903) đậu Cử-nhân tại trường thi Bình-Định dưới triều Thành-Thái 15.

Vừa đậu Cử-nhân, bạn bè có người muốn tiến cử ra làm quan nhưng Cử Suy cương quyết chối từ trả lời : « Nước có đạo nên ra làm quan, nước vô đạo nên ở ẩn » và tiếp câu chữ nhỏ « Giáp bằng phi cao hoặc giã Hoàng thiên hữu nhân » (Đậu Cử-nhân đâu phải là cao, hoặc trời đã dựng ý).

Từ đó, Cử Suy tạm thời làm giáo viên dạy quốc ngữ tại trường Vạn-Tượng (sát ranh Hồ-Tiểu, hiện ấp Thanh-Liêm xã Tư-Bình) âm thầm phụng dưỡng mẹ già với tất cả lòng hiếu thảo. Thời gian dạy học với Tú Tá Nguyễn-lương-Kiệt tại trường

Vạn-Trọng, Cử-Suy say mê Tân-Thư, có lần bỏ dạy ra tận Hà-nội mua sách về đọc và giao du rộng rãi, nuôi dưỡng tư tưởng cách mạng.

Năm 1908, Cử Suy hưởng ứng phong trào kháng thực tại Quảng-Ngãi dưới sự lãnh đạo của Nguyễn-bá-Loan và Lê-Khiết. Cuộc vây thành thất bại, Ấm Loan, Bồ Khiết bị xử tử, Cử Suy bị lưu đày ở Côn-Lôn.

Mãn hạn tù về, năm 1916 Cử Suy liên lạc với Trần-Cao-Vàm và Thái-Phiên ở Đà-Nẵng, Quảng-Nam cũng với Lê-Ngung, Lê-Triết, Phạm-Cao-Châm, Nguyễn-Nậm (Mậu) đứng ra lãnh đạo cuộc khởi nghĩa 1916 của Vua Duy-Tân.

Ấm mưu khởi nghĩa bị bại lộ, Cử Suy bị trừn nã gắt gào, gia đình bị tịch thu tài sản, mẹ là bà Hương-Quán bị bắt, Nguyễn-Suy lánh mặt được đồng bào kín đáo che chở nhưng vì lòng hiếu thảo, Cử Suy tự nguyện ra nộp mình để cứu mẹ.

Sau 1 tuần lễ bị giam giữ, ngày 9 tháng 4 Bính-Thìn (10-5-1916) lúc 15 giờ, Cử-Suy bị đem ra chém tại hồ Quay, tây bắc góc ngoài thành Quảng-Ngãi (hiện thuộc ấp Bắc-lộ).

Nguyễn-Suy chết lúc 37 tuổi, để lại hai con trai : Nguyễn Khải (ông này cũng có tư tưởng cách mạng bị xử tử vào khoảng cuối tháng 8-1945. Người con trai khác là Nguyễn-Chuyết 71 tuổi hiện vẫn còn sống.

## II SỰ NGHIỆP

### 1) Tham gia phong trào Khất Sưu

(1908) chống Pháp :

Năm 1908, khởi phát từ Quảng-Nam phong trào duy tân

do các Chí sĩ Phan-chu-Trình, Huỳnh-thức-Kháng, Trần-quý-Cáp lãnh đạo. Trong khuôn khổ phong trào nói trên, với tất cả ảnh hưởng sâu rộng của nó về tư tưởng dân quê, phong trào kháng thuế, cự sản dần dần lan rộng khắp miền Trung cụ thể bằng những cuộc biểu tình lớn lao với sự tham gia của các tầng lớp dân chúng nông thôn, đó là một hình thức đấu tranh bất bạo động chống Pháp của dân tộc Việt-Nam.

Hơn nữa vào khoảng thời gian từ 1903-1908, dân chúng đã phải sống cực khổ trong cảnh sưu cao thuế nặng. Thuế thân 3đ, sưu 3đ60, bọn thực dân và bọn cầm quyền tay sai lúc bấy giờ thu thuế quá gắt gao, dân chúng lầm than cơ cực nên khi phong trào kháng thuế lan đến Quảng-Ngãi thì được đồng bào, các sĩ phu khoa bảng trí thức hưởng ứng nhiệt liệt.

Phong trào kháng thuế tại Quảng-Ngãi do Ấm Loan tức Nguyễn-bá-Loan (con Phó Bảng Nguyễn-bá-Nghi) Bồ Khiết tức Lê-Khiết, Bồ Chánh hồi hưu thường gọi là ông An-Ba, năm 1908 ông này đã có dịp tiếp xúc với Phan-chu-Trình và thay đổi chỉ hướng, từ trước vốn môn hạ của Thạch-Trì Nguyễn-Thân. Sau trở nên nhân vật lãnh đạo phong trào kháng thuế cự sưu tại Quảng-Ngãi với sự tham gia của Cử Sụy, Nguyễn-đình-Quảng, Cử Phong-Niên, Nguyễn-văn-Quảng, Tú Nguyễn-Tuyên (Đức-Phở) Phạm-cao-Châm v.v...

Phong trào chống Pháp dưới chiêu bài kháng thuế cự sưu có 3 mục đích nhằm toàn bộ phong trào Duy-Tân đã nêu lên những yêu sách mà các lãnh tụ phong trào Duy-Tân. Phan-chu-Trình đã đề trong bản yêu sách theo nguyện vọng thiết tha của dân chúng :

— Pháp phải nhượng lại cai trị.

— Pháp phải đình chỉ việc dùng các quan lại tham nhũng, tàn ác.

— Pháp phải đề phong trào Duy-Tân phát triển.

— Phải nhẹ xâu thuế để dân bớt được sự bóc lột.

Tại Quảng-Ngãi, khẩu hiệu khất thuế đã được đưa ra rất thích hợp, được dân chúng 6 phủ huyện tích cực hưởng ứng.

Mờ mờ sáng ngày 10-4-1908 (Tháng 3 Mậu-Thân) hàng ngàn dân chúng Quảng-Ngãi (trong số này có những người từ Quảng-Nam vào mang theo kéo lược để hô hào cúp tóc) tập trung từ 6 phủ huyện, kéo nhau lên tỉnh để xin giảm thuế. Tất cả đều mang mo cơm, ướp muối mè, mình bận áo rách, đầu đội nón cời, mỗi phút mỗi đồng vẩy nghịt cả thành và tòa sứ.

Viên công sứ Dodey giận dữ phải lớn tiếng đe dọa : Chúng bây có muốn làm cách mạng phải chờ vài mươi năm nữa thì sẽ làm còn ngày nay thì chỉ đi đến chỗ chết thôi... »

Dân nghèo trả lời lại bằng cách hàng ngàn người đồng thanh ca tân thơ do Cử-Sụy soạn, giọng ca như sấm vang làm cho bọn chúng phải run sợ :

... « Hồ đồng bào, liên khí huyết  
 Liệu tử tiết, tử tiết tử cương  
 Đương cơ hội mấy não lòng thương  
 Quân sơn-dầm, binh khổ đỏ  
 Lệnh già như kinh  
 Hãy quân mình, lòng sắt định, dạ định  
 Người tập binh cũng An-Nam sinh  
 Đầu nữ lại chinh chiến, chiến chinh  
 Chữ thịnh đồng thịnh, thịnh đồng thịnh

Anh em ta thấy cả, xin khuyến ngã  
 Khuyến ngã dân quyền  
 Răng rứa chừ, không khai trí hóa  
 Sao cho khá với người, để tiếng cười  
 Xấu hổ nghìn năm  
 Ngàn năm lâu dài, ai hãy là ai  
 Cũng mất tai trong cuộc trần ai  
 Sáu phủ huyện, anh em ta gắng sức... »

Kêu gọi không được, viên Công sứ Dodey ra lệnh đóng cửa thành đồng thời giao Lãnh-Năng chỉ huy giải tán, bắn ra ngoài thành đạn như mưa, nhiều người dân biểu tình bị chết, bị thương, nhưng tiếng ca tập thể vẫn không ngưng mà còn thêm thêm tiếng la, hét vang trời, âm thanh thật bi hùng xen lẫn. Trước khi tạm rút lui, đám biểu tình cho bộ phận vũ trang tìm bắt vợ con Lãnh-Năng nhốt vào cũi lồng, khiêng xuống bờ xe chánh lộ cách tỉnh lỵ 1 cây số định hạ sát để trả thù. Lãnh-Năng hoảng sợ, cấp tốc dẫn toán lính vũ trang súng ống xông vào dân chúng bắn từ phía đề giải vây cho vợ con. Hai bên lính và dân xung đột kịch liệt, thêm nhiều người chết và bị thương, cuối cùng Lãnh-Năng cứu thoát được vợ con, dân chúng biểu tình phải tạm lui để rồi ba ngày sau lại kéo trở lại vây thành lần thứ hai.

Công sứ Dodey sợ hãi đánh điện xin thêm lính để đàn áp đoàn người biểu tình.

Sự đàn áp của nhà cầm quyền thực dân rất tàn bạo nhưng nhờ phương pháp vận động khéo léo tài tình của Cử Sự nên lính tập dù đã có lệnh quan thầy, họ vẫn không dám nả súng vào

dám dân xin giảm thuế. Và bên ngoài bọn tay sai của Pháp cũng không dám đưa tin tức.

Các cửa thành đều đóng chặt. Dân xin giảm thuế ngày càng kéo đến đông nghịt, vây chặt thêm bốn phía, kéo dài đến 10 ngày. Hai thủ lĩnh Nguyễn-bá-Loan và Lê-Khiết được viên Công Sứ Dodey mời vào thành để thương nghị. Hai ông đã bắt thang leo vào và sau đó bị giữ luôn trong thành.

Ngày thứ 10, vào lúc 8 giờ lính khố đỏ và sơn đả bí mật từ Quảng-Nam kéo vào, bắt đầu tấn công vào đám dân xin miễn thuế. Nhiều người bị chết, hàng trăm người bị thương vì phải chen lấn, dẫm lên nhau, ban đầu phân tán mỏng theo khắp ngã đường rồi cuối cùng phải giải tán vì hỏa lực của quân Pháp và lính tay sai quá mạnh.

Hai vị lãnh đạo phong trào kháng thuế tại Quảng-Ngãi. Nguyễn-bá-Loan và Lê-Khiết bị hành hình vì tội leo thành và « khốc lực Phủ huyện, dân chi tiền » (khóc trước dân, chúng 6 Phủ-huyện).

Phong trào kháng thuế tại địa phương tan rã nhưng cuộc khủng bố của thực dân Pháp và tay sai kéo dài đến mấy tháng trong toàn tỉnh nhất là ở huyện xã.

Theo tài liệu Phong trào Duy-Tân của Nguyễn-văn-Xuân (Lá Bối xuất bản 1970) thì ở Quảng-Ngãi cuộc đàn áp rất tàn bạo. Số người bị giam quá nhiều phải gông chung ba bốn người vào một gông đem phơi nắng.

Sau vụ này, Lê-Khiết và Nguyễn-bá-Loan bị giải kinh giam 3 tháng rồi bị đem về Quảng-Ngãi chém ngày 24-4-1908 ở Cồn đất mương xe Chánh-lộ, bị bêu đầu 3 ngày, trước sự hiện diện của nhiều nhân vật Khoa bảng, lãnh tụ khác của phong trào.

Khi đem ra chém, Cừ Lê - đình - Cẩn chắc chắn đến lượt mình nên la lớn ;

— Làm trai có chết thế mới tốt nhưng ông lại không bị giết, nhân thể có bài thơ chữ Hán tại nhà lao Quảng - Ngãi trước khi bị lưu đày ở làng Rí (Sơn-Hà).

« Cổ quốc sơn hà trọng  
 Tiên triều thế lực khinh  
 Hùng tâm vong định hoạch  
 Tô mộng đoạn cừ kinh  
 Dục hiện Cao trường khắp  
 Ninh tri Cát bất thành  
 Túng nhiên lưu nhiệt huyết  
 Đồng loại hấp văn minh

Cử nhân Lê-đình-Cẩn  
 (1870-1915)

(Bài này cụ Minh Viên Huỳnh-thúc-Kháng có ghi lại trong tập « Thi tù tùng thoại » với bản dịch (nhà in Tiếng Dân Huế xuất bản)

(Non sông ơn vẫn nặng  
 Sóng gió cuộc vẫn xoay  
 Vạc lửa lòng quên sợ  
 Tâm khinh mộng đuổi ngay  
 Khóc đời Cao chưa chán (1)  
 Hồng việc Cát nào hay  
 Máu nóng đầu trời cháy  
 Văn minh hấp cả bầy)

(1) Cao Sơn Chinh chi.

(2) Cát Điền Tùng Âm (nhân vật Duy-Tân Nhật-Báo)



Sau Bồ Khiết, Ấm Loan bị tử hình, dân chúng bị đàn áp, phong trào khất thuế tan rã thì Cử Suy, Cử Quảng, Tú Châm, Tú Nguyễn-Tuyên (Tú Tân-Hội) huyện Mai bị đày ra Côn đảo. Cử Quảng chết ngoài Côn đảo, Cử-Suy, Tú Châm mãn hạn về lại tham gia vụ Duy-Tân khởi nghĩa do Thái-Phiên, Trần-cao-Vân khởi xướng dưới sự lãnh đạo của Vua Duy-Tân.

Thời gian ở Côn Đảo, năm 1908 Cử-Suy có làm bài thơ :

Phong Lôi trập phục để tinh trầm  
 Hải khiếu sơn đề, hồ báo cân  
 Nhất phó đầu lô mãn xon huyết  
 Miên miên trà tấn nộ triều âm

**Tạm dịch :** « Sao chòm, sóng lặng cảnh buồn tèo  
 Núi khóc, giếng rền, vắng cạp beo  
 Một thốt đầu lô đầy bụng huyết  
 Bền Trà cơn giận sóng thương reo »

## 2) Lãnh đạo cuộc Duy-Tân khởi nghĩa tại Quảng-Ngãi.

Thế chiến thứ hai bùng nổ tại Âu-Châu và ngay trên đất Pháp. Cuối năm 1915 Pháp thua trận, quân Đức tấn công Ba-Lê. Ở Đông-Dương thực dân Pháp mộ binh ráo riết để bổ sung quân số, thừa dịp nhà cầm quyền bảo hộ lúc bấy giờ bận rộn, Việt-Nam quang phục Hội gồm các đảng viên cốt cán : Trần - cao - Vân, Thái - Phiên, Lê - đình - Dương, Lê - Ngung muốn nắm thời cơ thuận tiện ấy nổi dậy khởi nghĩa giành quyền độc lập.

Vừa mãn hạn tù, Cử Suy đã tiếp tục chỉ hướng cách mạng

cùng với Tú-Tài Lê-Ngung hưởng ứng tích cực cuộc khởi nghĩa do vua Duy-Tân lãnh đạo trên danh nghĩa.

Cử Suy từng được Vua Duy-Tân tiếp kiến để nghe trình bày công việc đang tiến hành, công tác liên kết quân đội, tổ chức cơ sở cách mạng trong dân chúng.

Đại hội các nhân vật trọng yếu trong vụ Duy-Tân khởi nghĩa khai diễn lần thứ nhất vào tháng 9 Ất-Mão (1915) tại nhà ông Đoàn-Bồng, một viên thư lại bộ Hộ đường Đông-Ba (Huế) có sự hiện diện của đại biểu 5 tỉnh do Thái-Phiên chủ tọa :

- Quảng-Bình : Nguyễn-Chính.
- Quảng-Trị : Phan-phú-Tiên.
- Thừa-Thiên : Đoàn-Bồng.
- Quảng-Nam : Thái-Phiên, Trần-cao-Vân,  
Phan-thanh-Tài, Đỗ-Tự.
- Quảng-Ngãi : Lê-Ngung, Lê-Triết, Nguyễn-Suy,  
Nguyễn-Nậm (Mậu)

Đại hội đã kiểm điểm tình hình và lực lượng phản công cho Cử Suy và Lê-Đình-Dương giao thiệp với linh mục Bàu-gốc (Quảng-Ngãi) để mật giao với viên Thiếu-Tá người Đức đang chỉ huy lính Lê-Dương đồn Mang-Cá (Huế), ủy nhiệm Lê-Ngung thảo hịch và vạch chương trình hành động.

Cũng chính trong hội nghị này, các đại biểu đã quyết định rước Hoàng-Đế Duy-Tân tham gia cuộc khởi nghĩa để tranh thủ chính nghĩa, ủy nhiệm Thái-Phiên và Trần-cao-Vân tiếp xúc với Vua Duy-Tân.

Trần-cao-Vân lãnh sứ mạng mang tờ biểu của dân chúng

Sau Bồ Khiết, Ấm Loan bị tử hình, dân chúng bị đàn áp, phong trào khất thuế tan rã thì Cử Suy, Cử Quảng, Tú Chằm, Tú Nguyễn-Tuyên (Tú Tân-Hội) huyện Mai bị đày ra Côn đảo. Cử Quảng chết ngoài Côn đảo, Cử-Suy, Tú Chằm mãn hạn về lại tham gia vụ Duy-Tân khởi nghĩa do Thái-Phiên, Trần-cao-Vân khởi xướng dưới sự lãnh đạo của Vua Duy-Tân.

Thời gian ở Côn Đảo, năm 1908 Cử-Suy có làm bài thơ :

Phong Lôi trập phục để tinh trầm  
 Hải khiếu sơn đề, hồ báo cân  
 Nhất phó đầu lô mãn xon huyết  
 Miên miên trà tấn nộ triều âm

Tạm dịch : « Sao chòm, sông lặng cảnh buồn tèo  
 Núi khóc, giông rền, vắng cộp beo  
 Một thớt đầu lô đầy bụng huyết  
 Bền Trà còn giận sóng thường reo »

## 2) Lãnh đạo cuộc Duy-Tân khởi nghĩa tại Quảng-Ngãi.

Thế chiến thứ hai bùng nổ tại Âu-Châu và ngay trên đất Pháp. Cuối năm 1915 Pháp thua trận, quân Đức tấn công Ba-Lê. Ở Đông-Dương thực dân Pháp mộ binh ráo riết đề bổ sung quân số. Thừa dịp nhà cầm quyền bảo hộ lúc bấy giờ bận rộn, Việt-Nam quang phục Hội gồm các đảng viên cốt cán : Trần -cao - Vân, Thái - Phiên, Lê - đình - Dương, Lê - Ngung muốn nắm thời cơ thuận tiện ấy nổi dậy khởi nghĩa giành quyền độc lập.

Vừa mãn hạn tù, Cử Suy đã tiếp tục chỉ hướng cách mạng

cùng với Tú-Tài Lê-Ngung hưởng ứng tích cực cuộc khởi nghĩa do vua Duy-Tân lãnh đạo trên danh nghĩa.

Cử Suy từng được Vua Duy-Tân tiếp kiến đề nghe trình bày công việc đang tiến hành, công tác liên kết quân đội, tổ chức cơ sở cách mạng trong dân chúng.

Đại hội các nhân vật trọng yếu trong vụ Duy-Tân khởi nghĩa khai diễn lần thứ nhất vào tháng 9 Ất-Mão (1915) tại nhà ông Đoàn-Bồng, một viên thư lại bộ Hộ đường Đông-Ba (Huế) có sự hiện diện của đại biểu 5 tỉnh do Thái-Phiên chủ tọa :

- Quảng-Bình : Nguyễn-Chính.
- Quảng-Trị : Phan-phú-Tiên.
- Thừa-Thiên : Đoàn-Bồng.
- Quảng-Nam : Thái-Phiên, Trần-cao-Vân,  
Phan-thanh-Tài, Đỗ-Tự.
- Quảng-Ngãi : Lê-Ngung, Lê-Triết, Nguyễn-Suy,  
Nguyễn-Nậm (Mậu)

Đại hội đã kiểm điểm tình hình và lực lượng phản công cho Cử Suy và Lê-đình-Dương giao thiệp với linh mục Bàu-gốc (Quảng-Ngãi) để mật giao với viên Thiếu-Tá người Đức đang chỉ huy lính Lê-Dương đồn Mang-Cá (Huế), ủy nhiệm Lê-Ngung thảo hịch và vạch chương trình hành động.

Cũng chính trong hội nghị này, các đại biểu đã quyết định rước Hoàng-Đế Duy-Tân tham gia cuộc khởi nghĩa để tranh thủ chính nghĩa, ủy nhiệm Thái-Phiên và Trần-cao-Vân tiếp xúc với Vua Duy-Tân.

Trần-cao-Vân lãnh sứ mạng mang tờ biểu của dân chúng

các tỉnh dâng lên Vua Duy-Tân. Dưới dạng lột một người câu cá, Trần-cao-Vân được thị vệ Tôn-thất-Đề và Phạm-kim-Khánh (tài xế riêng của nhà Vua) tiễn dẫn đến gặp Vua tại hồ Tinh-Tâm. Nhà Vua chấp nhận đứng ra lãnh đạo phong trào, ban ấn chỉ làm tin đề kết nạp nhân sĩ.

Đại hội thứ 2 của phong trào khởi nghĩa do Vua Duy-Tân lãnh đạo khai diễn vào trung tuần tháng 3 Bính-Thìn (1916, tại chợ Cầu Cháy, làng Xuân-Yên (huyện Bình-Sơn) gồm các nhân vật trọng yếu (Việt-Nam-quân Chính-Phủ).

Hội nghị kiểm điểm tiềm lực cách mạng, quyết định kế hoạch khởi nghĩa.

— Lấy danh chính : Việt-Nam-quân Chính-Phủ

— Cờ khởi nghĩa : Cờ nền đỏ, năm sao trắng, ý nghĩa ngũ tinh tụ tinh.

— Tháo hịch

— Đúc 4 ấn Kinh lược : Bình-Trị, Nam-Ngãi, Bình-Phủ, Khánh-Thuận, Phan-thanh-Tài được cử giữ ấn Nam-Ngãi Kinh-lược.

— Định ngày khởi nghĩa toàn diện :

Giờ Tý, ngày 2-4 Bính Thìn (1 giờ sáng ngày 3-5-1916).

Huế sẽ là khởi điểm phát động, bắt đầu bằng tiếng súng thần công báo hiệu, đốt lửa tại đèo Hải-Vân báo hiệu cho Quảng-Nam, Quảng-Ngãi.

Đặc biệt, Quảng-Nam, Quảng-Ngãi sẽ đốc toàn lực của lính tập và dân chúng chiếm giữ cửa biển Đà-Nẵng để quân lực viện

trợ ở Xiêm về nước để bộ lên; nửa đường thông thương suốt từ Đà-Nẵng vào Đức-Phổ.

Hội nghị đã bầu Ủy ban khởi nghĩa :

Chủ tịch : Thái Phiên

Ủy viên : Trần-cao-Vân (phụ trách quân sự), Phan-thanh-Tài, Đỗ-Tự, Lê-Ngung.

Riêng Cử-Suy (Nguyễn-Suy), Tú Tài Phạm-cao-Châm, Tú Tài Lê-Ngung đặc trách chỉ huy quân lực quốc nội tại Quảng-Ngãi, lãnh đạo phong trào Duy Tân khởi nghĩa tại tỉnh này.

Hầu hết thân sĩ, đồng bào trong tỉnh đều hưởng ứng phong trào 13 binh sĩ người Việt phục vụ trong quân đội Pháp đã tình nguyện tham gia nội ứng cho cuộc khởi nghĩa.

Cử Suy bí mật tổ chức nghĩa binh, vận động dân chúng quyền góp rất có kết quả. Riêng bà hô gà Võ-thị-Đệ ở Nhơn-Hòa, Sơn-Tĩnh đã bí mật xuất 5 cây bạc các (mỗi cây 50đ.) may 1000 bộ áo cho nghĩa binh gọi là « áo đầu gà » vì ở trên bâu có thêu một đầu gà làm dấu hiệu.

Tuy nhiên, một số thân sĩ đã quá lo lắng, gần đến ngày khởi nghĩa rủ nhau cầu Tiên xin giáng bút chỉ vẽ.

Tiên có giáng bút như sau :

« Đừng có tin năm Thìn tháng Ty.

Mặt anh hùng cũng lụy kiếm cung.

Kiểm cung đã lụy anh hùng.

Giang san bốn bề vẫy vùng ừng công ».

Có người đem thơ ấy nói với Cử Suy, khuyên ông nên hoãn ngày khởi nghĩa và cho biết thêm có một số người trước đã thuận theo cách mạng nghe thơ này đã rút lui :

Cử-Suy bình tĩnh trả lời : « Quân Tử bất năng thối bộ »  
(người quân tử không bao giờ lùi bước).

Ngày khởi nghĩa được chuẩn bị sẵn sàng. Tại Kinh thành Huế, đúng 11 giờ đêm ngày 2-5-1916, Tôn-thất-Đề, Nguyễn Siêu cùng hai tên thị vệ thân tín phò Vua Duy-Tân xuất môn. Nhà vua trẻ đêm ấy bận chiếc áo nâu sẫm, khăn đen, quần trắng, mang giầy hạ ngự xe kéo ra bến Thượng-Bạc dự định sẽ xuôi về bến Ngự đề chỉ huy cuộc khởi nghĩa lịch sử.

Nhưng chẳng may, đại sự đã bại lộ tại Quảng-Ngãi từ chiều 1-5-1916 (tức ngày 29 tháng 3 Bính-Thìn tháng này chỉ có 29 ngày)

Nguyên tại Quảng-Ngãi có viên thơ lại khố xanh tên Trần Thêm, quán làng An-Điêm, huyện Bình Sơn được biệt phái làm tại tòa Công Sứ.

Trần Thêm là một binh sĩ giác ngộ cách mạng, đã tích cực tham gia phong trào khởi nghĩa do vua Duy tân lãnh đạo trong vòng bí mật, giữ nhiều giấy tờ quan trọng, vận động được nhiều lính khố xanh theo phe cách mạng.

Trong số lính khố xanh hưởng ứng cách mạng có viên tài khác tên là Võ An (có tài liệu ghi Võ Cư) quê Long-Phụng (Mộ Đức) ngụ Năng-An. Cai-An có một người anh họ là Võ Huệ (tức Trung) cũng ngụ Năng-An làm lính gián tại dinh Ấn Sát Quảng-Ngãi.

Mấy hôm trước ngày khởi nghĩa, tình cờ cai An (tức Cư) bị đổi vào Đức-Phổ. Trong bữa ăn thân mật ở tư gia vì tình bà con, Cai An đã dặn dò Võ-Huệ (tức Trung) ân cần khuyên nhủ nên nghỉ việc về nhà đừng làm trong dinh quan Ấn Phạm-Liệu nữa.

Huệ hỏi lý do, Cai An tỏ thiệt : sắp có khởi nghĩa, loạn lạc nguy hiểm tính mạng.

Võ Huệ biết tin, quá lo lắng nên chiều ngày 1-5-1916 vội vàng vào dinh Án Sát Phạm-Liệu xin phép nghỉ việc về nhà làm ăn.

Án-Sát Phạm-Liệu, từ lâu đã phong phanh nghe tin tức về những hoạt động của phe cách mạng vốn có lòng e ngại, nay Huệ lại xin nghỉ việc một cách vội vàng hấp tấp bất ngờ nên sanh nghi vấn hỏi, đe dọa. Võ Huệ không dám dấu, phải trình bày tất cả sự thật đã được nghe cai Án dặn dò.

Sợ bị liên hệ trách nhiệm trong việc trị an địa phương, Án Sát Phạm-Liệu quyết định trình sự việc lên Tuần-Vũ và viên Công sứ khi hai quan đầu tỉnh này hành hạt ở Bình-Sơn về.

Chờ lâu quá, nóng ruột, Án Liệu ra trước cửa thành trông ngóng từng giây phút. Cử chỉ của viên Án-Sát làm cho cai Thêm thêm sinh nghi vội đem đốt sạch tất cả giấy tờ liên quan đến cuộc khởi nghĩa ngày 3-5-1916.

Công sứ De Tastes và Tuần Vũ Trần-Tiến-Hối hành hạt trở về liền được Phạm-Liệu tường trình rõ ràng sự việc đã phát giác.

Lập tức, viên Công sứ hạ lệnh bắt giữ Võ-An và Trần-Thêm, Cửu-Cần (theo lời khai của Võ-Huệ, Trần-Thêm có nhiệm vụ ám sát viên Giám binh, Cửu-Cần tùy phái tòa Sứ có nhiệm vụ đầu độc viên Công Sứ) nhưng mặc dầu bị tra tấn cực hình, Cai Thêm và Cửu Cần vẫn không khai.

Mặt khác, De Tastes mặt diện ra Huế cho Khâm Sứ Charles hay sự việc, đồng thời ra lệnh thiết quân luật ngay tại



Cử-Suy bình tĩnh trả lời : « Quân Tử bất năng thối bộ » (người quân tử không bao giờ lùi bước).

Ngày khởi nghĩa được chuẩn bị sẵn sàng. Tại Kinh thành Huế, đúng 11 giờ đêm ngày 2-5-1916, Tôn-thất-Đề, Nguyễn Siêu cùng hai tên thị vệ thân tín phò Vua Duy-Tân xuất môn. Nhà vua trẻ đêm ấy bận chiếc áo nâu sẫm, khăn đen, quần trắng, mang giầy hạ ngự xe kéo ra bến Thượng-Bạc dự định sẽ xuôi về bến Ngự để chỉ huy cuộc khởi nghĩa lịch sử.

Nhưng chẳng may, đại sự đã bại lộ tại Quảng-Ngãi từ chiều 1-5-1916 (tức ngày 29 tháng 3 Bính-Thìn tháng này chỉ có 29 ngày)

Nguyên tại Quảng-Ngãi có viên thơ lại khố xanh tên Trần Thêm, quán làng An-Điền, huyện Bình Sơn được biệt phái làm tại tòa Công Sứ.

Trần Thêm là một binh sĩ giác ngộ cách mạng, đã tích cực tham gia phong trào khởi nghĩa do vua Duy tân lãnh đạo trong vòng bí mật, giữ nhiều giấy tờ quan trọng, vận động được nhiều lính khố xanh theo phe cách mạng.

Trong số lính khố xanh hưởng ứng cách mạng có viên cai khác tên là Võ An (có tài liệu ghi Võ Cư) quê Long-Phụng (Mộ Đức) ngụ Năng-An. Cai-An có một người anh họ là Võ Huệ (tức Trung) cũng ngụ Năng-An làm lính gián tại dinh Ấn Sát Quảng-Ngãi.

Mấy hôm trước ngày khởi nghĩa, tình cờ cai An (tức Cư) bị đòi vào Đức-Phổ. Trong bữa ăn thân mật ở tư gia vì tình bà con, Cai An đã dặn dò Võ-Huệ (tức Trung) ân cần khuyên nhủ nên nghỉ việc về nhà đừng làm trong dinh quan Ấn Phạm-Liệu nữa.

Huệ hỏi lý do, Cai An tỏ thiệt : sắp có khởi nghĩa, loạn lạc nguy hiểm tính mạng.

Võ Huệ biết tin, quá lo lắng nên chiều ngày 1-5-1916 vội vàng vào dinh Án Sát Phạm-Liệu xin phép nghỉ việc về nhà làm ăn.

Án-Sát Phạm-Liệu, từ lâu đã phong phanh nghe tin tức về những hoạt động của phe cách mạng vốn có lòng e ngại, nay Huệ lại xin nghỉ việc một cách vội vàng hấp tấp bất ngờ nên sanh nghi vấn hỏi, đe dọa. Võ Huệ không dám đấu, phải trình bày tất cả sự thật đã được nghe cai An dặn dò.

Sợ bị liên hệ trách nhiệm trong việc trị an địa phương. Án Sát Phạm-Liệu quyết định trình sự việc lên Tuần-Vũ và viên Công sứ khi hai quan đầu tỉnh này hành hạt ở Bình-Sơn về.

Chờ lâu quá, nóng ruột, Án Liệu ra trước cửa thành trông ngóng từng giây phút. Cử chỉ của viên Án-Sát làm cho cai Thêm thêm sinh nghi vội đem đốt sạch tất cả giấy tờ liên quan đến cuộc khởi nghĩa ngày 3-5-1916.

Công sứ De Tastes và Tuần Vũ Trần-Tiến-Hối hành hạt trở về liền được Phạm-Liệu tường trình rõ ràng sự việc đã phát giác.

Lập tức, viên Công sứ hạ lệnh bắt giữ Võ-An và Trần-Thêm, Cửu-Cần (theo lời khai của Võ-Huệ, Trần-Thêm có nhiệm vụ ám sát viên Giám binh, Cửu-Cần tùy phái tòa Sứ có nhiệm vụ đầu độc viên Công Sứ) nhưng mặc dầu bị tra tấn cực hình, Cai Thêm và Cửu Cần vẫn không khai.

Mặt khác, De Tastes mặt diện ra Huế cho Khâm Sứ Charles hay sự việc, đồng thời ra lệnh thiết quân luật ngay tại

thành phố Quảng-Ngãi, giải giới các toán lính Khố xanh, bố trí quân Lê Dương ngày đêm canh phòng cẩn mật đề ứng phó với các lực lượng cách mạng.

Lực lượng khởi nghĩa cũng được cấp báo ngay về sự biến chuyển bất lợi và bất ngờ của tình hình. Tuy vậy, các binh sĩ cách mạng trong hàng ngũ khố xanh do Đội-Luân và cai xứ chỉ huy từ Nghĩa-Hành đã kéo về cách thành Quảng-Ngãi 2 cây số. Các lực lượng vũ trang khác đã ứng trực sẵn sàng nhưng đều được lệnh phân tán mỏng rút ngay trong đêm 2-5-1916 (tức 1-4 Bính-Thìn).

Đến sáng, Cử-Suy tiếp tục ra lệnh cho số còn lại rút lui hoàn toàn đề bảo toàn lực lượng cách mạng nghĩa binh rút lui trong vòng trật tự, bỏ lại nhiều thang giáo, gươm. Riêng Viên Chỉ huy cánh quân phía Nam là Mai-Tuấn rút sau cùng nên bị Viên Tri-Phủ Tư-Nghĩa bắt được.

Sau đó, liên tiếp mấy ngày, Pháp và bọn tay sai tuần nã khắp nơi, khủng bố triệt để, lùng bắt trên 100 đảng viên cách mạng thuộc Việt-Nam Quang phục hội đây ra Côn đảo.

Cùng một lúc, viên tri phủ Tư-Nghĩa dẫn tổng lý và tập binh về bao vây nhà Cử-Suy ở Hồ Tiểu, đóng quân tại đây, bắt mẹ của ông là bà Phó-hương-Quán làm con tin, tịch biên tài sản, tầm nã Cử Suy gắt gao.

### 3) Cái chết của người chỉ hui cách mạng

Vốn là người con chí hiếu, Cử Suy rất đau xót về số phận của mẹ già. Hơn nữa, sau khi kế hoạch khởi nghĩa bị bại lộ không ngờ, người chỉ hui cách mạng càng thấu hiểu vận nước, cơ trời, tự nghĩ dù có ẩn lánh lâu dài cũng khó xoay chuyển được tình thế mà còn nguy hại đến tính mạng của mẹ già.

Với ý nghĩ trên, Cử Suy tự quyết định chọn cái chết hiên ngang trước ánh sáng công luận chứ không chịu kéo dài thời gian ẩn tránh nữa dù ông có thể được các đồng chí và dân chúng che chở kín đáo chờ ngày xuất dương ra nước ngoài.

Trước khi hành động một đêm, Cử Suy bí mật về nhà, tắm rửa sạch sẽ. Cơm nước xong, bàn luận việc nhà và trình bày cho thân mẫu biết rõ ý định nạp mình để cho tròn nợ nước bảo đảm tính mạng cho mẹ già.

Bà Phó Hương Quán có trả lời. Con giúp nước, dẫu mẹ có chết cũng chẳng phiền chi, tình mẹ con tuy trọng nhưng so với việc nước, bên nào trọng hơn, tùy con định liệu... ✧

Không thay đổi ý kiến, Cử Suy ngay trong đêm, lên thẳng nhà trên đánh thức viên Tri phủ Nguyễn-Mậu ? !

— Cử Suy về cho quan lớn lập công viên Tri phủ tái mặt, hoảng hốt vì sự xuất hiện bất ngờ của người Chí sĩ Cách mạng trong tư thế hiên ngang, tự hỏi không biết ai là người sẽ bị bắt.

Khi nghe Cử Suy trình bày sự việc, viên Phủ mừng quá, cấp báo về tỉnh 5 giờ sáng hôm sau, một toán lính tập kéo ngay về Hồ Tiểu giải Cử Suy lên tỉnh.

Cử Suy bình tĩnh, thông thả lên võng nằm. dọc đường nhắc người khiêng hãy vén màn cho đồng bào được xem rõ mặt mình.

Lên tỉnh, Cử Suy gặp ngay viên Án Sát Phạm-Liệu xin tha cho mẹ già. Trong cuộc thăm vấn, viên Công sứ Pháp có hỏi Cử Suy :

— Ông là người khoa cử sao không ra làm quan để hưởng bổng lộc có phải sung sướng hơn không ?

Cử Suy trả lời :

Nếu tôi chỉ ham sung sướng ra làm quan thì tôi có thua chi ông Hối nhưng tôi không tham vì còn nghĩ đến dân tộc tôi.

Các ông (chỉ vào tên Công sứ De Tastes) từng mất 2 hạt Alsace Lorraine sao các ông không biết chiến đấu để lấy lại hai tỉnh đã mất mà còn đem quân xâm chiếm nước tôi, đào mả Vua tôi để kiếm vàng.

De Tastes giận tái mặt, tát Cử Suy một bạt tai rồi bỏ đi. Tuần Vũ Trần-tiến-Hối thấy cử chỉ hiên ngang và ngạo nghễ của Cử Suy có nói câu chữ Hán :

« Tặc tử thị tặc tử, gian hùng thị gian hùng » Cử Suy đáp ngay : « Kiến nghĩa bất vi » vô dũng; xử tội nhân giai đắc nhi tru ».

Sau một thời gian ngắn bị giam giữ, lúc 15 giờ ngày 10-5-1916 tức ngày 9 tháng 4 năm Bính-Thìn, Cử Suy, Trần-Thêm, Hứa-Thọ, Mai-Tuấn, Mai-Bút, Cửu-Cần và một số người khác bị dẫn ra pháp trường.

Trước giờ bị hành quyết Cử Suy đã cương quyết chối từ bữa ăn ngon thường lệ dành cho kẻ tử tù. Ông bảo : « Đồ này đem về cho chó bay ăn, chết vinh hơn sống nhục, tao không ăn đâu ».

Trên đường ra pháp trường ngang qua cửa tây thành, Quảng-Ngãi, Cử Suy có đọc 2 câu cuối cùng :

« Sinh Nam-Việt sinh tuyệt hư danh  
Tử Tây phương tử tồn danh tiết ».

Trong thiên hồi ký « Quảng-Ngãi xưa và nay (chưa xuất bản) của Ký-giả lão thành Thiên-Trà có ghi lại quang cảnh buổi hành quyết Cử Suy như sau :

« Chiều 10-5-1916 (9-4 Bính Thìn) các trường học đóng cửa, học trò được nghỉ để đi xem chém, bọn quan Tây, bả dầm đứng trên thành ngó ra.

Pháp trường được thiết lập tại bờ Quay (góc thành hướng Tây Bắc). Tại đây, cọc đóng sẵn, hàng nọc cao chừng 1 thước bên lề đường.

Đúng 14 giờ 30, lính tập dẫn toán tử tù đến. Cử Suy, trong y phục áo lương đen, quần trắng vẫn giữ được bình tĩnh trên nét mặt như thường ngày, hai tay bị trói quặt ra đằng sau, hai tên lính mang súng, đi kèm hai bên,

Ngay tại pháp trường đã có sẵn một toán lính tay bông súng ứng trực, toán lính khác nằm dài phía sau.

Vào khoảng 15 giờ, cuộc hành quyết khai diễn. Viên lãnh binh đọc cáo trạng, sau đó là 3 hồi chuông rồi 3 tiếng súng lệnh. Tức thì đao phủ ra tay chém từng người một trong khi các tử tù ở trong tư thế : mắt闭, mình bị trói chặt vào nọc.

Trần-Thêm, Cửu-Cần, Mai-Bá bị chém trước, sau đó đến phiên Cử Suy, khi đao phủ chém vừa dứt cở Cử Suy thì vạt áo lương đen của ông bỗng phồng lên phủ kín cở người chỉ si cách mạng. Trước giờ chết, tại pháp trường Cử Suy có nói thêm câu : « người mình lại giết người mình, »

Nguyễn Suy chết, thi hài bị chôn ngay tại chỗ (bờ Quay) đúng một năm sau thân nhân mới được phép cải táng đem về chôn tại nguyên quán Hồ-Tiểu, (tư nguyên xã).

Sau khi Cử Suy bị xử tử Tú Lê-Ngung ăn trái « ấu » để tự vận tại rừng già Trung-Sơn, Bình-Lãnh (Bình-Sơn), một số nhà Cách mạng khác bị lưu đày Lao-Bảo, trong số này có cụ Tú Trần-Kỳ-Phong (Bình-Sơn) Võ-Hàng (Bình-Sơn) Cai-Ngọc (Tư Cung, Sơn-Tĩnh v.v...

Cảm xúc trước cái chết anh hùng của Cử Suy và các thi sĩ cách mạng trong cuộc Duy Tân khởi nghĩa, các thân sĩ và đồng bào trong toàn tỉnh đã bí mật quyên góp tiền bạc làm lễ truy điệu và để tang một thời gian khá lâu.



## SÁCH, BÁO THAM KHẢO, TRÍCH DỊCH

---

- Đại-Nam Nhất-Thống-Chí của Cao-xuân-Dục, Lưu-đức-Xưng, Trần-Xán (1909), quyển 6, tỉnh Quảng-Ngãi (bản dịch của Cử nhân Tu-Trai Nguyễn-Tạo 1964).
- Đại-Nam chính biên liệt truyện
- Việt sử xứ Đàng-Trong (1558-1777) của Phan-Khoang
- Quốc sử tập lục của Nguyễn-thiệu-Lâu (Khai-Trí xuất bản 1970).
- Phong trào Duy-Tân của Nguyễn-văn-Xuân
- Cuộc đời oanh liệt của Tả quân Lê-văn-Duyệt, tác phẩm của giáo Sư Lê-đình-Chân (Phổ Thông xuất bản 1956)
- Nam-Hải dị nhân của Phan-kế-Bính
- Người-Việt đất Việt của Toan Ánh và Cửu-long-Giang
- Giai thoại làng Nho của Lăng Nhân
- Nước-Non Bình-Định của Quách Tấn
- Hiện-Tượng Trưng-công-Định (Hò-hữu-Tường)
- Trưng-Định, anh hùng dân tộc (Nguyễn-thiệu-Lâu)
- Những ông Vua xấu số của nhà Nguyễn (Phạm-văn-Sơn, — Văn-nghệ-chiến-Si, Xuân giáp-Thân 1956)



- Gò Công xưa và nay của Huỳnh-Minh
- Quảng-Ngãi xưa và nay (Hồi Ký chưa xuất bản của Thiên-Trà)
- Non nước xứ Quảng-tân-Biên (1971) của Phạm-trung-Việt
- Tá quân Lê-văn-Duyệt (Ban-Quản-Trị đền Thượng công, Gia-Định)
- Bản chữ Nôm, bút ký của cụ Nguyễn-đức-Mậu
- Gia phả họ Trương (tài liệu chính thức của ông Trương quang-Trợ, giáo học, cháu đích tôn phái 1 của Trương-dăng-Quế)
- Tập-San-Sử-Địa số 3, 1966 đặc khảo về Trương-công-Định số 11 (bài Duy-Tân khởi nghĩa của Lê-Uớc)
- Đặc san Xuân 17 của liên đội 1/17 Địa phương quân Quảng-Núi
- Các tạp chí : Thời-Nay, Phổ-Thông, Trước-Mặt, Minh-Tân, Văn hóa Á-Châu v.v...
- Ảnh và tài liệu của giáo sư Huỳnh Châm, chuyên viên nhiếp ảnh : Đặng-Tùng, Việt-Hồng-An, nhà ảnh Tré.

# ĐÍNH CHÍNH

Trang	Gìong	CHỮ SAI	CHỮ ĐÚNG
15	cuối	Tú Trai	Tư - Trai
17	3	Thuận - Căn	Thiện - Căn
19	16	1 8 0 2	1 8 2 0
21	3	Phủ Nam	Phủ Man
35	15	Cả - Mông	Cũ - Mông
55	24	1 8 4 6	1 8 1 6
65	20	Đề ý	Đề ép
69	19	Nguyễn thiện Lân	Nguyễn thiện Lâu
71	20	Thúc - gia - Thự	Thúc - gia - Thị
75	cuối	Cai	Cai Hiệp Huy Đức Từ
78	11	Quét	Quát
79	4	Thạm - Quân - Vụ	Thạm - Tĩn - Quân - Vụ
	17	Hồng Lôi nhà Vua	Hồng Lô theo nhà Vua
85	19	Nguyễn-thiện-Lân	Nguyễn-thiện-Lâu
88	26	niên Tự - Đức	niên Hiệu Tự - Đức
90	PHẦN chú thích CHỮ HÁN	2	12
95	nt	1	11
123	8	Diarfeuille	D'arfeuille
134	13	Định tân Văn mỗ	Định tâm Văn Mô
143	25	Gongard	Gougard

143	25	198 - 1864	19 - 8 - 1864
144	13	Delangdrière	Delagranière
	20	Bình cầm	Bừu cầm
146	1	light	right
154	20	thân buồn	thêm buồn
173	17	Hoàng Sứ	Hoàng Sói
175	20	Củ lủ	Cư lư
176	12	gấm	gấu

**BÀI THƠ CHỮ HÁN TRANG 94, XIN ĐỌC :**

Kê đồn hữu thực thượng phi an  
 Thần thị hi ngư sức mỹ quang  
 Hác hiểm giang thâm hoàn hải khoát  
 Xuân-Thu-Hạ mậu phục đông hàn  
 Lâm trung dị thể trường sanh dược  
 Lâu thượng nan cầu bất lão đơn  
 Vị thức chi cùng sơn thủy tú  
 Long thành trúc dự khăng hồi khan



# MỤC LỤC

---

	Trang
— Lời nói đầu	7
— Vài nét đại cương về người Việt miền Ấn-Trà	9
<b>DANH THẮN</b>	<b>23</b>
— Tả quân Lê-văn-Duyệt	25
— Thái sư Trương-dăng-Quế	73
<b>CHÍ SĨ CÁCH MẠNG</b>	<b>109</b>
— Trương-công-Định	111
— Lê-trung-Đình	157
— Nguyễn-Sự	179
— Sách báo tham khảo	199



---

« KHIUÒN MẶT QUẮNG NGÃI »

Tác phẩm thứ 5 của PHẠM TRUNG VIỆT, tập  
biên khảo về Danh Thờn và Chí Sĩ Cách  
Mạng tiêu biểu của miền ÁN TRÀ.

Do nhà In **NAM QUANG** xuất bản in  
2.000 cuốn, xong ngày 30 - 05 - 1973.

Giấy phép xuất bản số 175 UBKD/QKI

---

GIÁ 400đ



Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000233